

QUỸ ETF IPAAM VN100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/No.: 109 /2024/CV-IPAAM

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM

1. Tên Công ty Quản lý quỹ: Công Ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A
- Tên quỹ: Quỹ ETF IPAAM VN100
- Mã chứng khoán: FUEIP100
- Địa chỉ trụ sở chính: số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 73056188
- Email: support@ipa.com.vn Website: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

2. Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2024 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của Quỹ ETF IPAAM VN100 (mã chứng khoán: FUEIP100)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty / Quỹ vào ngày 25/04/2024 tại đường dẫn : <https://ipaam.com.vn/vi/home/>
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản
- Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2024
- Tài liệu Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2024 (đã công bố thông tin ngày 03/04/2024)
- Điều chỉnh thông tin tại Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu HC

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A

Người được ủy quyền công bố thông tin



Tổng giám đốc
Nguyễn Hồ Nga

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ BẰNG VĂN BẢN
QUỸ ETF IPAAM VN100

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 về việc hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF IPAAM VN100;

Hôm nay vào lúc 10h30 ngày 25/04/2024 tại Trụ sở Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán I.P.A (IPAAM), Ban Kiểm phiếu chúng tôi gồm có:

Bà Nguyễn Hồ Nga	Tổng Giám đốc, đại diện IPAAM
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Chuyên viên Lưu ký giám sát, Trung tâm Dịch vụ Khách hàng, Đại diện Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Trụ Sở chính
Bà Nguyễn Bích Ngọc	Cán bộ quản trị quỹ IPAAM - Thư ký Ban kiểm phiếu

Đã tiến hành kiểm đếm Phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản với kết quả như sau:

I. Nội dung lấy ý kiến bằng văn bản:

Các nội dung lấy ý kiến bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2024 Quỹ ETF IPAAM VN100 bao gồm:

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo thường niên năm 2023 của Quỹ ETF IPAAM VN100.

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023 và phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2023.

Nội dung 3: Thông qua việc miễn nhiệm bà Phí Thị Thùy Dung - Thành viên Ban Đại diện quỹ và bầu bổ sung bà Lê Thị Hoài làm thành viên Ban Đại diện quỹ thay cho bà Phí Thị Thùy Dung.

- Căn cứ vào đơn xin từ nhiệm ngày 05/03/2024 của bà Phí Thị Thùy Dung – Thành viên Ban Đại diện quỹ, kính trình Đại hội thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban Đại diện quỹ của bà Phí Thị Thùy Dung.
- Để đảm bảo cơ cấu thành viên Ban Đại diện quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100, kính trình Đại hội thông qua việc bầu bổ sung bà Lê Thị Hoài làm Thành viên Ban Đại diện quỹ thay thế cho bà Phí Thị Thùy Dung.

Nội dung 4: Thông qua báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2023 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2024 như sau:

- Báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2023:

Thời gian	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	Ghi chú
Năm 2023	72.000.000 đồng	- Chủ tịch (01 người): 2.000.000 đồng/người/tháng - Thành viên (02 người): 2.000.000 đồng/người/tháng

- Kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2024:

Thời gian	Dự kiến ngân sách Ban Đại diện Quỹ	Ghi chú
Năm 2024	72.000.000 đồng	- Chủ tịch (01 người): 2.000.000 đồng/người/tháng - Thành viên (02 người): 2.000.000 đồng/người/tháng

Nội dung 5: Ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ được quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100: Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ.

Nội dung 6: Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ lựa chọn và phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024 là một trong số các công ty kiểm toán trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

II. Kết quả kiểm phiếu:

1. Tỷ lệ nhà đầu tư tham gia biểu quyết bằng văn bản:

	Số lượng	Số lượng đơn vị quỹ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Tổng số phiếu lấy ý kiến được phát ra	446	5.700.000,00	100,00%
Tổng số phiếu lấy ý kiến thu về	3	4.587.900,00	80,49%
Số phiếu hợp lệ	3	4.587.900,00	80,49%
Số phiếu không hợp lệ	0	0	0,00%

Căn cứ vào Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100, cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2024 của Quỹ ETF IPAAM VN100 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đủ điều kiện để tiến hành.

2. Kết quả ý kiến bằng văn bản của nhà đầu tư đối với các nội dung xin ý kiến tại Mục I:

NỘI DUNG	TÁN THÀNH		KHÔNG TÁN THÀNH		KHÔNG CÓ Ý KIẾN	
	Số lượng đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ tính trên tổng số lượng đơn vị quỹ có quyền biểu quyết	Số lượng đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ tính trên tổng số lượng đơn vị quỹ có quyền biểu quyết	Số lượng đơn vị quỹ biểu quyết	Tỷ lệ tính trên tổng số lượng đơn vị quỹ có quyền biểu quyết
Nội dung 1	4.587.900,00	80,49%	0	0,00%	0	0,00%
Nội dung 2	4.587.900,00	80,49%	0	0,00%	0	0,00%
Nội dung 3	4.587.900,00	80,49%	0	0,00%	0	0,00%
Nội dung 4	4.587.900,00	80,49%	0	0,00%	0	0,00%

Nội dung 5	4.587.900,00	80,49%	0	0,00%	0	0,00%
Nội dung 6	4.587.900,00	80,49%	0	0,00%	0	0,00%

Căn cứ quy định tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100 và căn cứ kết quả kiểm phiếu, Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2024 của Quỹ ETF IPAAM VN100 đã biểu quyết tán thành thông qua toàn bộ các nội dung được xin ý kiến với tỷ lệ biểu quyết trên số lượng đơn vị quỹ có quyền biểu quyết như sau:

- **Nội dung 1:** tỷ lệ tán thành đạt: 80,49 %
- **Nội dung 2:** tỷ lệ tán thành đạt: 80,49 %
- **Nội dung 3:** tỷ lệ tán thành đạt: 80,49 %
- **Nội dung 4:** tỷ lệ tán thành đạt: 80,49 %
- **Nội dung 5:** tỷ lệ tán thành đạt: 80,49 %
- **Nội dung 6:** tỷ lệ tán thành đạt: 80,49 %

Cuộc kiểm phiếu kết thúc vào hồi 11h30 ngày 25/04/2024. Biên bản kiểm phiếu này được lập thành 03 (ba) bản và sẽ được công bố trên trang điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

ĐẠI DIỆN VCB



NGUYỄN TUẤN NAM

ĐẠI DIỆN IPAAM



NGUYỄN HỒ NGA

THƯ KÝ BAN KIỂM PHIẾU



NGUYỄN BÍCH NGỌC



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
QUỸ ETF IPAAM VN100

- Căn cứ Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu của Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2024 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của Quỹ ETF IPAAM VN100 ngày tháng 4 năm 2024;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo thường niên năm 2023 của Quỹ ETF IPAAM VN100.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023 và phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2023.

Điều 3: Thông qua việc miễn nhiệm bà Phí Thị Thùy Dung - Thành viên Ban Đại diện quỹ và bầu bổ sung bà Lê Thị Hoài làm thành viên Ban Đại diện quỹ thay cho bà Phí Thị Thùy Dung.

Điều 4: Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2023 và kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2024.

Điều 5: Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ được quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100: Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban Đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ.

Điều 6: Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ lựa chọn phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024 là một trong số các công ty kiểm toán trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

Điều 7: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A và Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- UBCK, NHGS;
- Lưu.



TM. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ
Nguyễn Thị Huyền Trang

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 QUỸ ETF IPAAM VN100

Kính trình: Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF IPAAM VN100;

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A (IPAAM) kính trình Nhà đầu tư của Quỹ ETF IPAAM VN100 các nội dung cần lấy ý kiến Nhà đầu tư như sau:

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo thường niên năm 2023 của Quỹ ETF IPAAM VN100.

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán và phương án KHÔNG phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2023.

Nội dung 3: Thông qua việc miễn nhiệm bà Phí Thị Thùy Dung – Thành viên Ban đại diện quỹ và bầu bổ sung thay thế bà Lê Thị Hoài làm thành viên Ban Đại diện, cụ thể như sau:

- Căn cứ vào đơn xin từ nhiệm ngày 05/03/2024 của bà Phí Thị Thùy Dung – Thành viên Ban Đại diện quỹ được đính kèm tại Phụ lục 1 Tờ trình này, kính trình Đại hội thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban Đại diện quỹ của bà Phí Thị Thùy Dung.
- Để đảm bảo cơ cấu thành viên Ban Đại diện quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100, kính trình Đại hội thông qua việc bầu bổ sung bà Lê Thị Hoài làm Thành viên Ban Đại diện quỹ thay thế cho bà Phí Thị Thùy Dung. Thông tin về bà Lê Thị Hoài được nêu tại Phụ lục 2 của Tờ trình này và Bản cáo bạch cập nhật của Quỹ ETF IPAAM VN100.

Nội dung 4: Thông qua báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2023 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2024 như sau:

- Báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2023:

Thời gian	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	Ghi chú
Năm 2023	72.000.000 đồng	- Chủ tịch (01 người): 2.000.000 đồng/người/tháng - Thành viên (02 người): 2.000.000 đồng/người/tháng

- Kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2024:

Thời gian	Dự kiến ngân sách Ban Đại diện Quỹ	Ghi chú
Năm 2024	72.000.000 đồng	- Chủ tịch (01 người): 2.000.000 đồng/người/tháng - Thành viên (02 người): 2.000.000 đồng/người/tháng

Nội dung 5: Ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ được quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100: Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ.

Nội dung 6: Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ lựa chọn và phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024 là một trong số các công ty kiểm toán trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

Kính đề nghị Nhà đầu tư của Quỹ ETF IPAAM VN100 xem xét, cho ý kiến phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBCKNN, NHGS;
- Lưu: VT.

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN HÒNG

Phụ lục 1: Đơn xin từ nhiệm của Thành viên Ban Đại diện quỹ

178
G TY
HH
NH V
QUỸ Đ
KHOA
P.A
NG - 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2024

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi: - Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100
- Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

Tôi tên là: **Phí Thị Thùy Dung**

Ngày sinh: 08/11/1979

Số chứng minh thư nhân dân: 011825249

Chức vụ: Thành viên Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100.

Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 ngày 31/08/2021 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, tôi đã được bầu là thành viên Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 nhiệm kỳ 2021-2024. Nay vì lý do cá nhân phải thường xuyên đi công tác nước ngoài, tôi xin từ nhiệm chức vụ Thành viên Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 và Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 xem xét thông qua đơn xin từ nhiệm thành viên Ban đại diện Quỹ của tôi và triển khai các thủ tục có liên quan theo quy định để tôi được miễn nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 tại kỳ họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024 sắp tới.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Người làm đơn



Phí Thị Thùy Dung

C. I.
IÊN
TƯ T
N
P. H

Phụ lục 2: Danh sách thành viên Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 (nhiệm kỳ 2021-2026)

STT	Họ tên	Vị trí công tác hiện tại	Quốc tịch	Vị trí trong Ban Đại diện Quỹ	Thành viên độc lập/Không độc lập	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm làm việc	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Huyền Trang	Phó trưởng phòng Đầu tư, Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Việt Nam	Chủ tịch	Độc lập	Tài chính, ngân hàng, đầu tư	16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và quản lý tài sản	
2	Hoàng Thị Minh Phương	Chuyên viên Phòng Pháp chế, Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Việt Nam	Thành viên	Độc lập	Luật	07 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp chế	
3	Lê Thị Hoài	Chuyên viên cao cấp, Phòng Kế toán kiểm soát, Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Việt Nam	Thành viên	Độc lập	Kế toán	11 năm trong lĩnh vực kế toán	Bầu bổ sung thay thế



Ngày tháng năm 2024

PHIẾU LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
QUỸ ETF IPAAM VN100

I. Mục đích lấy ý kiến

Căn cứ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100, được sự phê duyệt của Ban đại diện Quỹ, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A tổ chức lấy ý kiến Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 bằng văn bản về các nội dung cần xin ý kiến Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2024 của Quỹ như nêu tại Tờ trình kèm theo.

II. Thông tin nhà đầu tư

Tên Nhà đầu tư:

Địa chỉ:

Số CMND/CCCD/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:

Số đơn vị Quỹ sở hữu tại thời điểm chốt quyền biểu quyết:

III. Ý kiến biểu quyết

Nhà đầu tư cho ý kiến biểu quyết về các nội dung sau bằng cách đánh dấu X hoặc ✓ vào ô lấy ý kiến:

Nội dung 1: Thông qua báo cáo thường niên năm 2023 của Quỹ ETF IPAAM VN100.

☐ Nhất trí	☐ Không nhất trí	☐ Không có ý kiến
-----------------------------------	---	--

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán và phương án KHÔNG phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2023.

☐ Nhất trí	☐ Không nhất trí	☐ Không có ý kiến
-----------------------------------	---	--

Nội dung 3: Thông qua việc miễn nhiệm bà Phí Thị Thùy Dung - Thành viên Ban Đại diện quỹ và bầu bổ sung bà Lê Thị Hoài làm Thành viên Ban Đại diện quỹ thay cho bà Phí Thị Thùy Dung.

☐ Nhất trí	☐ Không nhất trí	☐ Không có ý kiến
-----------------------------------	---	--

Nội dung 4: Thông qua Báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2023 và kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2024.

☐ Nhất trí	☐ Không nhất trí	☐ Không có ý kiến
-----------------------------------	---	--

Nội dung 5: Ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ được quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100: Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban Đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ.

☐

Nhất trí

☐

Không nhất trí

☐

Không có ý kiến

Nội dung 6: Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ lựa chọn phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024 là một trong số các công ty kiểm toán trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

☐

Nhất trí

☐

Không nhất trí

☐

Không có ý kiến

IV. Thời hạn trả lời

Nhà đầu tư vui lòng cho ý kiến và ký xác nhận vào phần ký tên dưới đây, bỏ phiếu biểu quyết này trong phong bì dán kín và gửi tới địa chỉ:

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Thời hạn ngày gửi ý kiến trả lời (tính theo dấu bưu điện): **trước ngày 24/04/2024**

Để được hỗ trợ, vui lòng liên hệ:

Điện thoại: 024 7305 6188

Email: support@ipa.com.vn

NHÀ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

QUỸ ĐẦU TƯ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2023



NỘI DUNG BÁO CÁO

- I. THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ ETF IPAAM VN100
- II. ĐIỂM NHẤN TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100
- III. KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2023
- IV. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2024
- V. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ETF IPAAM VN100
- VI. GIỚI THIỆU CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ IPA
- VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023

I. THÔNG TIN QUỸ ĐẦU TƯ CHỦ ĐỘNG VND (VNDAF)



I. THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ ETF IPAAM VN100

Tên quỹ	Quỹ ETF IPAAM VN100
Chỉ số tham chiếu	VN100 Index
Mã niêm yết	FUEIP100
Loại hình quỹ	Quỹ hoán đổi danh mục
Mục tiêu đầu tư	Bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN100 trong tất cả các giai đoạn.
Chiến lược đầu tư	Quỹ ETF IPAAM VN100 áp dụng chiến lược đầu tư thụ động, tập trung mô phỏng tỷ suất sinh lời của chỉ số tham chiếu. Chiến lược đầu tư thụ động đặt niềm tin vào tăng trưởng dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, đầu tư và nắm giữ các cổ phiếu trong danh mục của chỉ số tham chiếu, hạn chế giao dịch mua/bán cổ phiếu hàng ngày.
Ngày thành lập	14/09/2021
Công ty Quản lý quỹ	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A (IPAAM)
Ngân hàng giám sát	Vietcombank Hội sở
Đại lý phân phối	- Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (VND) - Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC)

II. ĐIỂM NHẤN TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100



II. ĐIỂM NHẤN TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100

Hiệu quả đầu tư

	NAV/CCQ (đồng) 31/12/2023	Tăng trưởng		
		1 tháng	3 tháng	Từ ngày góp vốn
FUEIP100	8.245,87	4,24%	-1,17%	-17,54%
VN30		4,37%	-0,59%	-14,45%
VNINDEX		3,27%	-2,10%	-13,72%

Chỉ số cơ bản của Quỹ tại ngày 31/12/2023

	FUEIP100	VN100
Số lượng chứng khoán nắm giữ	69	100
Định giá danh mục		
P/E (x)	11,76	12,79
P/B (x)	1,57	1,72
ROE (%)	13,31	14,58
Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (TE)	0,45%	

Cơ cấu danh mục theo ngành (%NAV) tại ngày 31/12/2023

Ngân hàng	42,9%
Bất động sản	13,4%
Thực phẩm và đồ uống	9,0%
Tài nguyên Cơ bản	6,6%
Công nghệ Thông tin	6,4%
Dịch vụ tài chính	5,6%
Bán lẻ	3,9%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2,9%
Hóa chất	2,2%
Du lịch và Giải trí	1,8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1,5%
Xây dựng và Vật liệu	1,1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0,9%
Dầu khí	0,7%
Ô tô và phụ tùng	0,3%
Bảo hiểm	0,2%

Quỹ luôn bám sát chỉ số tham chiếu và VNIndex



Cơ cấu vốn hóa danh mục đầu tư tại ngày 31/12/2023

Phân loại	Tỷ trọng
Cổ phiếu vốn hóa lớn - VN30	72,5%
Cổ phiếu vốn hóa trung bình VN MIDCAP	27,5%

III. KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2023



III. KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2023

Vượt qua nhiều khó khăn, kinh tế Việt Nam ghi nhận một số điểm sáng trong năm 2023

GDP của Việt Nam tăng 6,72% svck trong Q4/23 (so với +5,92% trong Q4/22), nâng mức tăng trưởng cả năm 2023 lên 5,05%. Đây là mức tăng trưởng thấp thứ ba trong giai đoạn từ 2011-2023, (chỉ cao hơn năm 2020 và 2021) do ảnh hưởng của sự sụt giảm đơn đặt hàng xuất khẩu, nền lãi suất cho vay cao trong 6T năm 2023, sự suy giảm niềm tin của nhà đầu tư đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp và sự trì trệ của thị trường bất động sản. Ngành công nghiệp & xây dựng phản ánh rõ nhất những khó khăn của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2023 với tốc độ tăng trưởng cả năm chỉ 3,74%, mức tăng trưởng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2023. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản là điểm sáng của nền kinh tế, đạt mức tăng trưởng cao nhất 5 năm là +3,83% svck trong năm 2023. Đà tăng trưởng mạnh mẽ được thúc đẩy bởi (1) Xuất khẩu một số nông sản lập kỷ lục mới, nổi bật là gạo (+38% svck) và rau quả (+69% svck); (2) Việc ứng dụng công nghệ cao giúp nâng cao năng suất trong trồng trọt, chăn nuôi.

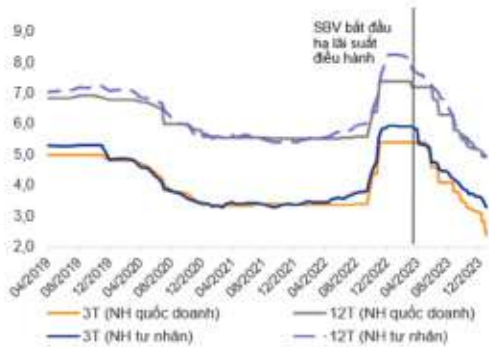


Năm 2023, giá trị xuất khẩu của Việt Nam đạt 354,7 tỷ USD (-4,6% svck) trong khi nhập khẩu của Việt Nam giảm xuống 326,4 tỷ USD (-9,2% svck). Điều này dẫn đến cán cân thương mại đạt thặng dư 28,3 tỷ USD trong năm 2023, gấp 2,3 lần cùng kỳ năm ngoái. Thặng dư thương mại cao là yếu tố hỗ trợ tăng trưởng GDP và sự ổn định của Việt Nam đồng trong năm 2023. Vốn đầu tư tư nhân chỉ tăng 3,6% svck trong Q4/23, mức cải thiện nhẹ so với tốc độ tăng trưởng của ba quý đầu năm 2023. Vốn đầu tư công thực hiện năm 2023 tăng 21,2% svck lên 623,5 nghìn tỷ đồng (17,0 tỷ USD), so với mức tăng 19,9% svck của năm 2022. Vốn đầu tư công thực hiện năm 2023 ước đạt 85% kế hoạch cả năm, thấp hơn một chút so với mức hoàn thành 86% vào năm ngoái.

Dòng vốn FDI khởi sắc trong Q4/23 giúp thu hút vốn FDI đăng ký đạt 36,6 tỷ USD (+32,1% svck) trong năm 2023, là mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm gần đây. Cùng với đó, vốn FDI giải ngân đạt mức kỷ lục mới là 23,1 tỷ USD (+3,5% svck). Với lợi thế cạnh tranh là quốc gia có trữ lượng đất hiếm lớn thứ hai thế giới, cùng với chuyến thăm Việt Nam gần đây của CEO NVIDIA để tìm kiếm sự hợp tác trong lĩnh vực bán dẫn, Việt Nam có thể nổi lên trong tương lai trở thành một trung tâm trong khu vực về lĩnh vực bán dẫn. Điều này sẽ củng cố triển vọng thu hút vốn FDI của Việt Nam trong trung và dài hạn. Năm 2023, Việt Nam thu hút nhiều dự án FDI lớn vào lĩnh vực sản xuất như dự án Tổ hợp công nghệ pin quang điện Jinko Solar Hải Hà với quy mô 1,5 tỷ USD và dự án Mở rộng nhà máy LG Innotek tại Hải Phòng (1,0 tỷ USD). Điều này cho thấy Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn trong xu hướng dịch chuyển chuỗi giá trị của ngành sản xuất điện tử toàn cầu.

III. KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2023

Lãi suất huy động đã giảm xuống dưới mức đáy trong thời kỳ Covid-19



Dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã cải thiện nhẹ trong năm 2023



Sau các đợt cắt giảm lãi suất của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), mặt bằng lãi suất thị trường đã giảm mạnh. Lãi suất huy động thậm chí đã giảm xuống dưới mức đáy thời kỳ Covid-19 (2021-6T22). Trong khi đó, lãi suất cho vay hiện tại cũng đã giảm khoảng 2-3 điểm % so với cuối năm 2022. Lạm phát toàn phần tăng 3,58% svck trong T12/23 trong khi CPI bình quân năm 2023 ở mức 3,25%, đạt mục tiêu Chính phủ đề ra là kiểm soát CPI bình quân dưới 4,5%. Áp lực lạm phát năm 2023 chủ yếu đến từ (1) điều chỉnh giá dịch vụ công theo lộ trình của Chính phủ (học phí, giá dịch vụ y tế, giá điện), (2) giá thực phẩm trong nước tăng theo đà tăng giá gạo xuất khẩu và (3) giá thuê nhà ở và giá vật liệu xây dựng như cát, xi măng tăng.

Biến động tỷ giá trong năm 2023 nhìn chung ổn định hơn so với năm 2022. Dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã cải thiện nhẹ trong năm 2023. Thành tựu của kinh tế Việt Nam cũng được các tổ chức quốc tế ghi nhận khi Fitch nâng xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam lên "BB+" với triển vọng "Ổn định".

Thị trường chứng khoán 2023 khép lại một năm tăng trưởng nhưng nhiều biến động cả trong nước và trên trường quốc tế

Hiệu suất trên các thị trường chứng khoán thế giới có sự phân hóa lớn. Tính chung cả năm 2023, trước những biến số khó lường ảnh hưởng đến kinh tế vĩ mô, VN-INDEX ghi nhận hiệu suất đầu tư 12,2%, cao hơn đáng kể so với các thị trường chứng khoán khác trong khu vực Đông Nam Á.

Đà bán ròng của khối ngoại là nốt trầm trong năm 2023. Tổng giá trị bán ròng 2023 của khối ngoại đạt 22,9 nghìn tỷ đồng trên 3 sàn giao dịch. Một trong những lý do thúc đẩy hoạt động bán ròng mạnh mẽ của nhà đầu tư nước ngoài là việc tái cơ cấu danh mục đầu tư. Diễn biến tích cực của thị trường chứng khoán ở những nước phát triển có thể khiến nhà đầu tư nước ngoài rút tiền khỏi các thị trường có rủi ro cao như thị trường cận biên hoặc mới nổi.

Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) hồi phục dần sau những nỗ lực tháo gỡ khó khăn cho thị trường. Trong năm 2023 có hơn 320 đợt phát hành TPDN thành công với tổng giá trị phát hành đạt hơn 312,7 nghìn tỷ đồng, tăng 17% svck. Kể từ cuối Q1/23, thời điểm Nghị định 08 về việc sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế được ban hành, hoạt động phát hành TPDN đã chứng kiến sự phục hồi. Tổng giá trị TPDN riêng lẻ đáo hạn trong năm 2023 là hơn 216 nghìn tỷ đồng, tăng gần 100% svck, trong đó gần 40% là nhóm Bất động sản. Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh còn nhiều khó khăn, dòng tiền eo hẹp, nhiều Tổ chức phát hành đã thực hiện phương án đàm phán để gia hạn kỳ hạn trái phiếu với trái chủ.

IV. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2024



IV. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2024

Kinh tế Việt Nam hướng tới phục hồi mạnh mẽ hơn vào năm 2024 gia tăng.

Chính sách tài khóa mở rộng và nền lãi suất trong nước giảm là hai yếu tố chính thúc đẩy sự phục hồi kinh tế của Việt Nam từ cuối năm 2023. Các yếu tố hỗ trợ chính bao gồm: (1) Hoạt động sản xuất và xuất khẩu phục hồi mạnh mẽ hơn, (2) Nhu cầu tiêu dùng trong nước cải thiện, (3) Sự hồi phục của đầu tư tư nhân và (4) Sự ấm dần lên của thị trường bất động sản.

Việt Nam vẫn có những yếu tố giúp hỗ trợ kiểm soát lạm phát năm 2024: (1) Lạm phát toàn cầu giảm và tỷ giá VNĐ ổn định hơn trong năm 2024 giúp giảm bớt áp lực nhập khẩu lạm phát, (2) Chi phí đầu vào kinh doanh năm 2024 giảm (giá nhập khẩu giảm, lãi suất cho vay giảm) và (3) Hỗ trợ từ việc cắt giảm thuế của Chính phủ.

NHNN được kỳ vọng sẽ duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng để hỗ trợ phục hồi kinh tế. Lãi suất huy động khả năng cao sẽ duy trì ở mức thấp trong suốt năm 2024 do NHNN đặt mục tiêu duy trì môi trường lãi suất thấp để hỗ trợ phục hồi kinh tế. Thêm vào đó, lạm phát được kiểm soát trong năm 2024 tạo điều kiện thuận lợi để duy trì môi trường lãi suất thấp.

Tỷ giá được duy trì ổn định nhờ (1) Thặng dư thương mại cải thiện rõ rệt trong năm 2023 và các cán cân này sẽ duy trì ở mức cao trong năm 2024 và (2) Dự trữ ngoại hối của Việt Nam được cải thiện.

Thị trường chứng khoán có dư địa tăng trưởng nhờ định giá hấp dẫn

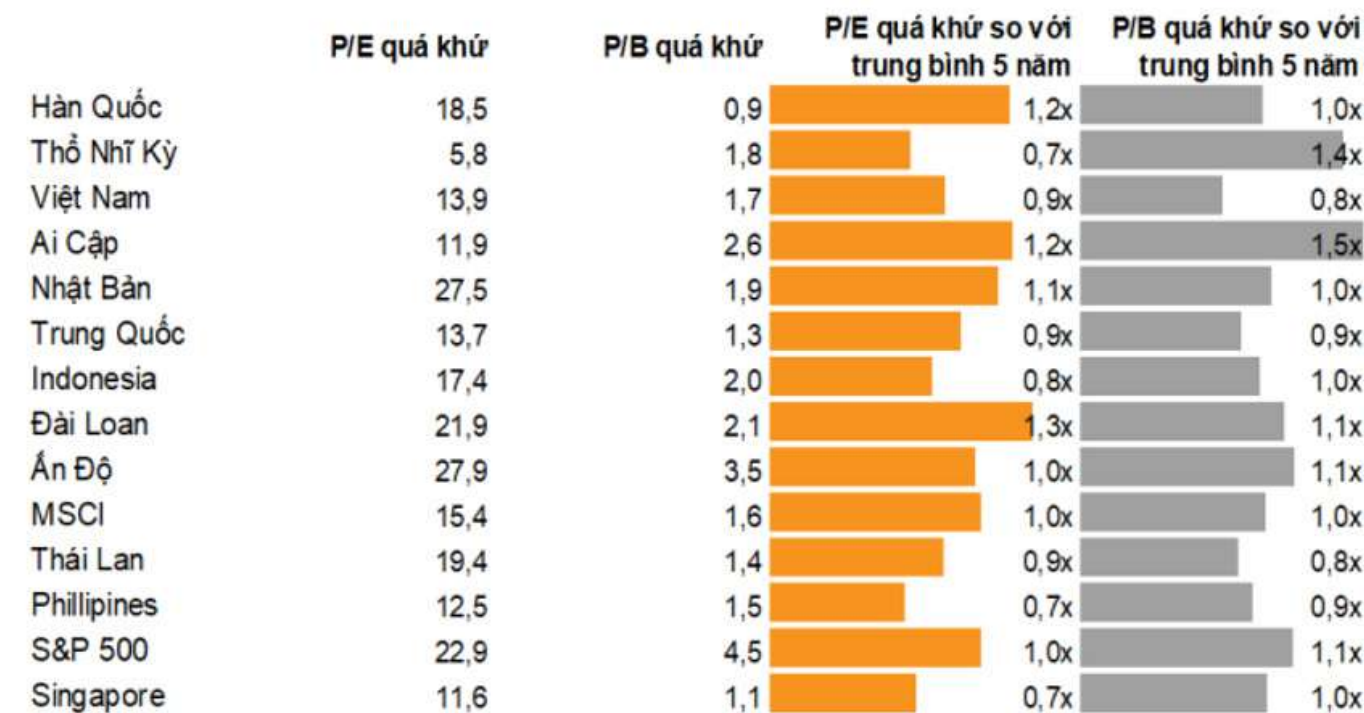
Mặc dù VN-Index đã ghi nhận đà tăng 12.2% trong năm 2023, định giá thị trường vẫn đang tương đối hấp dẫn với những luận điểm sau: (1) P/E đang được giao dịch thấp hơn 7,3% so với trung bình 5 năm; (2) EPS dự kiến tăng trưởng dương trong năm 2024, giúp định giá thêm hấp dẫn.

P/E 2024 của VN-INDEX ở mức 11,8x dựa trên kịch bản tăng trưởng lợi nhuận tích cực 18% trong năm 2024. Định giá VN-Index đang ở mức tương đối hấp dẫn so với các thị trường mới nổi. P/E 2023 đang giao dịch chiết khấu 9,7% so với trung bình các thị trường mới nổi (MSCI EM), trong khi P/B đạt mức 1,6x là tương đương với trung bình (MSCI EM).

Thêm vào đó, Chênh lệch giữa E/P và lãi suất đang ở mức cao so với quá khứ, cho thấy thị trường chứng khoán đang hấp dẫn hơn tương đối so với kênh gửi tiết kiệm. E/P của VN-Index là 7,2% (tại ngày 31/12/2023) trong khi lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân hiện nay chưa đến 5,0%/năm.

IV. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2024

Định giá của VN-Index còn tương đối hấp dẫn so với các thị trường mới nổi



Diễn biến định giá của VN-Index trong giai đoạn 2018 - 2023



(Nguồn: Bloomberg và VNDIRECT)

V. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ETF IPAAM VN100



V. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ETF IPAAM VN100

Ban đại diện quỹ gồm 03 (ba) thành viên độc lập như sau:

- Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban Đại diện quỹ
- Bà Phí Thị Thùy Dung – Thành viên độc lập Ban đại diện quỹ
- Bà Hoàng Thị Minh Phương – Thành viên độc lập Ban đại diện quỹ

Trong năm 2023, Ban đại diện Quỹ đã họp và ban hành các nghị quyết sau:

Nghị quyết số 03/2022/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 03/03/2023 phê duyệt:

- Thông qua việc tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2023 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- Ủy quyền và giao Ban điều hành Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện các công việc cần thiết để tiến hành tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2023.

Nghị quyết số 02/2023/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 29/06/2023 phê duyệt:

- Thông qua việc lựa chọn Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho Quỹ năm 2023.
- Ủy quyền và giao Ban điều hành Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện các công việc cần thiết để ký Hợp đồng với Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

VI. GIỚI THIỆU CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ IPAAM



VI. GIỚI THIỆU CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ IPAAM

THÔNG TIN CHUNG

Ra đời từ năm 2008, IPAAM là một trong những công ty quản lý quỹ đầu tiên tại Việt Nam. Hiện tại, IPAAM là thành viên của CTCP Tập đoàn đầu tư I.P.A, tập đoàn đầu tư đa ngành với các lĩnh vực cốt lõi gồm Dịch vụ tài chính đầu tư (với hai thành viên chính là Công ty chứng khoán VNDIRECT và IPAAM), Bất động sản và Năng lượng.

IPAAM có vốn điều lệ 100 tỷ đồng, quản lý các sản phẩm đầu tư đa dạng gồm Quỹ mở cổ phiếu, Quỹ mở trái phiếu, Quỹ ETF và các danh mục đầu tư cho nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm tài chính của Tập đoàn I.P.A.

GIÁ TRỊ CỦA CHÚNG TÔI

Công nghệ: trong hệ sinh thái của Tập đoàn đầu tư I.P.A, IPAAM và VNDIRECT là hai công ty thành viên có nền tảng công nghệ mạnh, đi đầu thị trường. Chúng tôi sở hữu nền tảng quản lý tài sản giúp nhà đầu tư giao dịch các loại tài sản đầu tư bao gồm chứng chỉ quỹ trực tuyến thuận lợi, an toàn và nhanh chóng.

Con người: IPAAM sở hữu đội ngũ chuyên gia quản lý đầu tư chuyên nghiệp, chính trực, tận tâm. Từng cá nhân đều có kinh nghiệm chuyên sâu trong quản lý tài sản với nhiều năm làm việc tại các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế. Chúng tôi luôn đặt nguyên tắc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp là yếu tố quan trọng hàng đầu khi xây dựng hệ thống đánh giá tuân thủ và kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo sự minh bạch và chất lượng trong các sản phẩm dịch vụ cung cấp cấp tới các nhà đầu tư. Với tổng cộng hơn 80 năm kinh nghiệm quản lý đầu tư của đội ngũ, chúng tôi tự tin mang tới các sản phẩm dịch vụ quản lý đầu tư chuyên nghiệp hiệu quả cho các nhà đầu tư.

Chuỗi giá trị: Nằm trong chuỗi giá trị của hệ sinh thái Tập đoàn đầu tư I.P.A và VNDIRECT, IPAAM thừa hưởng mạng lưới khách hàng đa dạng, xây dựng được mối quan hệ vững chắc và sự am hiểu về hoạt động của các công ty đầu tư tiềm năng, từ đó không chỉ đánh giá chọn lọc đầu tư hiệu quả mà còn kết nối các cơ hội đầu tư, các đối tác chiến lược và nhà đầu tư.

TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

Trở thành công ty quản lý quỹ tin cậy nhất cho nhà đầu tư lựa chọn khi hướng tới mục đích an tâm đầu tư

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023



VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023

1. BÁO CÁO THU NHẬP

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
1	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	7.707.801.210	(22.571.263.818)
2	1.1. Cổ tức được chia	774.022.800	555.730.449
3	1.2. Tiền lãi được nhận	662.220	756.613
4	1.3. Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư	(2.228.087.609)	(849.569.600)
5	1.4. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	9.161.203.799	(22.278.181.280)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ	10.525.766	20.641.948
11	2.1. Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	10.525.766	20.641.948
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF	1.143.943.329	1.183.093.769
20.1	3.1. Phí quản lý quỹ ETF	269.601.278	311.888.254
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF	247.601.074	249.261.322
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát	66.000.000	66.000.000
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF	198.000.000	198.000.000
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	66.000.000	66.000.003
20.6	3.6. Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF	99.999.890	99.999.890
20.8	3.7. Chi phí kiểm toán	70.200.000	64.900.000
20.11	3.8. Chi phí hoạt động khác	126.541.087	127.044.300
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	6.553.332.115	(23.774.999.535)
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	6.553.332.115	(23.774.999.535)
31	5.1. Lợi nhuận đã thực hiện	(2.607.871.684)	(1.496.818.255)
32	5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	9.161.203.799	(22.278.181.28)
41	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ	6.553.332.115	(23.774.999.535)

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023

2. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	I. TÀI SẢN		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	240.742.647	212.713.474
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	240.742.647	212.713.474
120	2. Các khoản đầu tư thuần	47.008.962.000	40.431.549.970
121	2.1. Các khoản đầu tư	47.008.962.000	40.431.549.970
130	3. Các khoản phải thu	33.082.000	68.493.000
133	3.2. Phải thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	33.082.000	68.493.000
136	3.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	33.082.000	68.493.000
137	3.2. Phải thu khác	-	-
100	TỔNG TÀI SẢN	47.282.786.647	40.712.756.444
300	II. NỢ PHẢI TRẢ		
314	1. Phải trả Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.800.000	1.800.000
316	2. Chi phí phải trả	59.400.000	62.200.000
319	3. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	219.922.961	200.424.873
320	4. Phải trả, phải nộp khác	200.000	200.000
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	281.322.961	264.624.873
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẤM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF	47.001.463.686	40.448.131.571
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	57.000.000.000	57.000.000.000
412	1.1. Vốn góp phát hành	57.000.000.000	57.000.000.000
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	423.301.296	423.301.296
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	(10.421.837.610)	(16.975.169.725)
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF/1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	8.245,87	7.096,16
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ	-	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
004	Số lượng Chứng chỉ Quỹ ETF đang lưu hành	5.700.000	5.700.000

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023

3. BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF (NAV) đầu kỳ	40.448.131.571	63.167.132.486
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	6.553.332.115	(23.774.999.535)
	Trong đó:		
II.1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong năm	6.553.332.115	(23.774.999.535)
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do hoán đổi lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ ETF	-	1.055.998.620
	Trong đó:		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ Quỹ	-	1.055.998.620
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF cuối năm	47.001.463.686	40.448.131.571

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023

4. BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ CỔ PHIẾU	SỐ LƯỢNG	GIÁ THỊ TRƯỜNG TẠI NGÀY 31/12 /2023	TỔNG GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %/TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA QUỸ
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT					
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	ACB	102.493	23.900	2.449.582.700	5,18%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	BCG	12.500	8.820	110.250.000	0,23%
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	6.697	43.400	290.649.800	0,61%
4	Tập đoàn Bảo Việt	BVH	2.300	39.500	90.850.000	0,19%
5	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	CTG	23.577	27.100	638.936.700	1,35%
6	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	DBC	4.735	27.400	129.739.000	0,27%
7	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	DCM	4.000	32.400	129.600.000	0,27%
8	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	DGC	6.944	94.400	655.513.600	1,39%
9	Công ty Cổ phần Thế giới số	DGW	2.700	52.300	141.210.000	0,30%
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	DIG	14.374	26.750	384.504.500	0,81%
11	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	DPM	5.000	33.300	166.500.000	0,35%
12	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	DXG	14.500	19.350	280.575.000	0,59%
13	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	EIB	45.952	18.350	843.219.200	1,78%
14	Công ty Cổ phần FPT	FPT	31.701	96.100	3.046.466.100	6,44%
15	Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	FRT	2.185	107.000	233.795.000	0,49%
16	Công ty Cổ phần khí Việt Nam	GAS	3.600	75.500	271.800.000	0,57%
17	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	GEX	17.585	23.600	415.006.000	0,88%
18	Công ty Cổ phần Gemadept	GMD	8.000	70.500	564.000.000	1,19%
19	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR	4.700	21.200	99.640.000	0,21%
20	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	HAG	19.000	13.200	250.800.000	0,53%
21	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồ Chí Minh	HCM	6.600	34.200	225.720.000	0,48%
22	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	HDB	59.358	20.300	1.204.967.400	2,55%
23	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	HDG	4.275	27.600	117.990.000	0,25%
24	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	HHV	9.678	15.450	149.525.100	0,32%
25	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	93.860	27.950	2.623.387.000	5,55%
26	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	HSG	15.553	22.800	354.608.400	0,75%
27	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBC	16.966	31.750	538.670.500	1,14%
28	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	KDC	4.330	63.000	272.790.000	0,58%

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ CỔ PHIẾU	SỐ LƯỢNG	GIÁ THỊ TRƯỜNG TẠI NGÀY 31/12 /2023	TỔNG GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %/TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA QUỸ
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT (tiếp theo)					
29	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH	15.011	31.400	471.345.400	1,00%
30	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	LPB	67.598	15.750	1.064.668.500	2,25%
31	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	MBB	84.146	18.650	1.569.322.900	3,32%
32	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	MSB	49.980	13.000	649.740.000	1,37%
33	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	MSN	19.040	67.000	1.275.680.000	2,70%
34	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	34.300	42.800	1.468.040.000	3,10%
35	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	NKG	5.940	24.650	146.421.000	0,31%
36	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	NLG	7.578	36.650	277.733.700	0,59%
37	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	OCB	33.150	13.300	440.895.000	0,93%
38	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	PAN	4.200	20.200	84.840.000	0,18%
39	Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1	PC1	5.237	28.800	150.825.600	0,32%
40	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR	10.032	27.850	279.391.200	0,59%
41	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX	3.800	34.500	131.100.000	0,28%
42	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	PNJ	8.000	86.000	688.000.000	1,46%
43	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	POW	13.700	11.250	154.125.000	0,33%
44	Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	PVD	7.312	28.300	206.929.600	0,44%
45	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	PVT	4.700	26.400	124.080.000	0,26%
46	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	REE	4.974	56.800	282.523.200	0,60%
47	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	SAB	4.100	63.000	258.300.000	0,55%
48	Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa	SBT	9.904	13.200	130.732.800	0,28%
49	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội	SHB	84.863	10.800	916.520.400	1,94%
50	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	SSB	39.680	23.900	948.352.000	2,01%
51	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	SSI	30.800	32.800	1.010.240.000	2,14%

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ CỔ PHIẾU	SỐ LƯỢNG	GIÁ THỊ TRƯỜNG TẠI NGÀY 31/12 /2023	TỔNG GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %/TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA QUỸ
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT (tiếp theo)					
52	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	STB	55.300	27.950	1.545.635.000	3,27%
53	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB	67.000	31.800	2.130.600.000	4,51%
54	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH	10.808	13.200	142.665.600	0,30%
55	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	TPB	38.758	17.400	674.389.200	1,43%
56	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VCB	17.983	80.300	1.444.034.900	3,05%
57	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	VCG	7.967	24.700	196.784.900	0,42%
58	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	VCI	9.230	42.750	394.582.500	0,83%
59	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	VHC	2.600	74.400	193.440.000	0,41%
60	Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	38.300	43.200	1.654.560.000	3,50%
61	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB	40.856	19.600	800.777.600	1,69%
62	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	VIC	33.600	44.600	1.498.560.000	3,17%
63	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	VIX	18.700	17.100	319.770.000	0,68%
64	Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	VJC	8.000	108.000	864.000.000	1,83%
65	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	VND	26.800	22.250	596.300.000	1,26%
66	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	VNM	24.500	67.600	1.656.200.000	3,50%
67	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	138.497	19.200	2.659.142.400	5,62%
68	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - INVEST	VPI	3.410	55.000	187.550.000	0,40%
69	Công ty Cổ phần Vincom Retail	VRE	26.700	23.300	622.110.000	1,31%
	Tổng		1.660.217		46.991.204.400	99,38%
II	CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC					
1	Quyền mua chứng khoán MIRDYG231		14.500	1.225	17.757.600	0,04%
	Tổng		14.500		17.757.600	0,04%
II	CÁC TÀI SẢN KHÁC					
1	Cổ tức được nhận				33.082.000	0,07%
	Tổng				33.082.000	0,07%
III	TIỀN					
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF				240.742.647	0,51%
	Tổng				240.742.647	0,51%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC				47.282.786.647	100%

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023

5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1	(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	6.553.332.115	(23.774.999.535)
	Điều chỉnh lỗ/(lợi nhuận) do việc mua hộ chứng khoán hạn chế	-	-
2	Điều chỉnh cho các khoản tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	(9.091.003.799)	23.774.999.535
3	Lỗ/(lãi) chưa thực hiện	(9.161.203.799)	22.278.181.280
4	Chi phí trích trước	70.200.000	64.900.000
5	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động	(2.537.671.684)	(1.431.918.255)
6	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư	2.583.791.769	1.291.798.600
7	(Tăng)/giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư	35.411.000	(21.143.000)
13	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	(340.000)
16	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác	(73.000.000)	(54.960.000)
17	Tăng/(giảm) phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	19.498.088	90.259.428
19	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư	28.029.173	(126.303.227)
21	Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ	-	5.055.620
30	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	-	5.055.620
40	III. (Giảm)/Tăng tiền thuần trong kỳ	28.029.173	(121.047.607)
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	212.713.474	333.761.081
51	- Tiền gửi ngân hàng đầu năm	212.713.474	333.761.081
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF	212.713.474	333.760.934
53	- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư	-	147
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	240.742.647	212.713.474
56	- Tiền gửi ngân hàng cuối năm	240.742.647	212.713.474
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF	240.742.647	212.713.474
58	- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư	-	-
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm	28.029.173	121.047.607

Quỹ ETF IPAAM VN100

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Quỹ ETF IPAAM VN100

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Quỹ ETF IPAAM VN100

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 11
Báo cáo của ngân hàng giám sát	12
Báo cáo kiểm toán độc lập	13 - 14
Báo cáo thu nhập	15
Báo cáo tình hình tài chính	16 - 17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ ETF	18
Báo cáo danh mục đầu tư	19 - 22
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	23 - 24
Thuyết minh báo cáo tài chính	25 - 60

Quỹ ETF IPAAM VN100

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ ETF IPAAM VN100 ("Quỹ") được thành lập ngày 14 tháng 09 năm 2021 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập số 37/GCN-UBCK ngày 14 tháng 09 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ là 52.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 5.200.000 Chứng chỉ Quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một Chứng chỉ Quỹ trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ. Giá bán một lô Chứng chỉ Quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có). Giá mua lại một lô Chứng chỉ Quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 57.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.700.000 Chứng chỉ Quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 100/GCN-UBCK ngày 28 tháng 07 năm 2021. Chứng chỉ Quỹ được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 530/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 09 năm 2021 do HOSE cấp.

Điều lệ hoạt động của Quỹ được Ban Đại diện Quỹ ban hành ngày 28 tháng 07 năm 2021.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ ETF IPAAM VN100 được quản lý bởi Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A (sau đây được gọi tắt là "Công ty"), là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 0102703178 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2021, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 cấp ngày 08 tháng 03 năm 2024 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
02/GPĐC-UBCK	Ngày 08 tháng 03 năm 2017
22/GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Hoạt động chính hiện tại của Công ty là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang quản lý bốn (04) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt (VNDCF) và Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100). Bên cạnh đó, trong năm, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, Công ty Cổ phần Âm thực Mặt trời vàng và Công ty Cổ phần Bkav.

Trụ sở chính của Công ty và Quỹ đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 05 tháng 03 năm 2024 là Ông Vũ Hiền - Chức danh: Chủ tịch Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ từ ngày 05 tháng 03 năm 2024 đến ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Minh Hương - Chức danh: Chủ tịch Công ty.

Bà Nguyễn Hồ Nga được bà Phạm Minh Hương ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 88/2024/UQ-IPAAM ngày 05 tháng 03 năm 2024 của Chủ tịch Công ty.

Quỹ ETF IPAAM VN100

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Thị Huyền Trang	Chủ tịch	28 tháng 07 năm 2021
Phí Thị Thùy Dung	Thành viên độc lập	28 tháng 07 năm 2021
Hoàng Thị Minh Phương	Thành viên độc lập	28 tháng 07 năm 2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 ("Quỹ") trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ (sau đây được gọi tắt là Ban Tổng Giám đốc) chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Bà Nguyễn Thị Huyền Trang
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày tháng năm 2024

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 Mục tiêu

Mục tiêu của Quỹ ETF IPAAM VN100 là bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN100 trong tất cả các giai đoạn.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, NAV/CCQ là 8.245,87 VND, giảm 17,54% so với ngày thành lập Quỹ.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF IPAAM VN100 áp dụng chiến lược đầu tư thụ động, tập trung mô phỏng tỷ suất sinh lời của chỉ số tham chiếu VN100.

1.4 Phân loại Quỹ

Phân loại Quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục.

1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Không có.

1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn

Trung bình.

1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động quỹ

Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 37/GCN-UBCK ngày 14 tháng 09 năm 2021, theo đó Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.8 Quy mô của Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tính đến kỳ báo cáo, số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 5.700.000, giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ là 8.245,87 VND.

1.9 Chỉ số tham chiếu của Quỹ: VN100

1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận Quỹ

Quỹ không phân phối lợi nhuận.

1.11 Lợi nhuận thuần thực tế đã phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Không có.

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

2.1 Cơ cấu tài sản

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Danh mục chứng khoán	99,42%	99,31%
Tiền	0,51%	0,52%
Tài sản khác	0,07%	0,17%
	100 %	100 %

2.2 Chi tiết Chỉ tiêu hoạt động

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	47.001.463.686	40.448.131.571
Tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	5.700.000	5.700.000
Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ (CCQ)	8.245,87	7.096,16
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	9.058,29	11.457,32
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	7.010,72	6.207,66
Tốc độ vòng quay danh mục trong năm	8,63%	14,81%

2.3 Tăng trưởng qua các năm

	NAV/CCQ (đồng) 31/12/2023	Tăng trưởng		
		6 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày góp vốn
FUEIP100	8.245,87	4,38%	16,20%	-17,54%

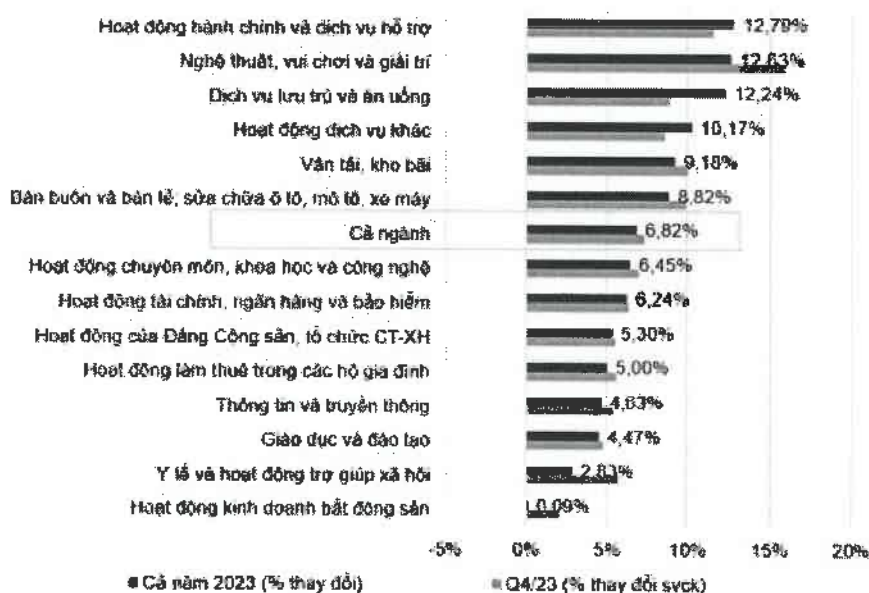
Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG NĂM 2023

Vượt qua nhiều khó khăn, kinh tế Việt Nam ghi nhận một số điểm sáng trong năm 2023

GDP của Việt Nam tăng 6,72% svck trong Q4/23 (so với +5,92% trong Q4/22), nâng mức tăng trưởng cả năm 2023 lên 5,05%. Đây là mức tăng trưởng thấp thứ ba trong giai đoạn từ 2011-2023, (chỉ cao hơn năm 2020 và 2021) do ảnh hưởng của sự sụt giảm đơn đặt hàng xuất khẩu, nền lãi suất cho vay cao trong 6T năm 2023, sự suy giảm niềm tin của nhà đầu tư đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp và sự trì trệ của thị trường bất động sản. Ngành công nghiệp & xây dựng phản ánh rõ nhất những khó khăn của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2023 với tốc độ tăng trưởng cả năm chỉ 3,74%, mức tăng trưởng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2023. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản là điểm sáng của nền kinh tế, đạt mức tăng trưởng cao nhất 5 năm là +3,83% svck trong năm 2023. Đà tăng trưởng mạnh mẽ được thúc đẩy bởi (1) Xuất khẩu một số nông sản lập kỷ lục mới, nổi bật là gạo (+38% svck) và rau quả (+69% svck); (2) Việc ứng dụng công nghệ cao giúp nâng cao năng suất trong trồng trọt, chăn nuôi.



Năm 2023, giá trị xuất khẩu của Việt Nam đạt 354,7 tỷ USD (-4,6% svck) trong khi nhập khẩu của Việt Nam giảm xuống 326,4 tỷ USD (-9,2% svck). Điều này dẫn đến cán cân thương mại đạt thặng dư 28,3 tỷ USD trong năm 2023, gấp 2,3 lần cùng kỳ năm ngoái. Thặng dư thương mại cao là yếu tố hỗ trợ tăng trưởng GDP và sự ổn định của Việt Nam đồng trong năm 2023.

Vốn đầu tư tư nhân chỉ tăng 3,6% svck trong Q4/23, mức cải thiện nhẹ so với tốc độ tăng trưởng của ba quý đầu năm 2023. Vốn đầu tư công thực hiện năm 2023 tăng 21,2% svck lên 623,5 nghìn tỷ đồng (17,0 tỷ USD), so với mức tăng 19,9% svck của năm 2022. Vốn đầu tư công thực hiện năm 2023 ước đạt 85% kế hoạch cả năm, thấp hơn một chút so với mức hoàn thành 86% vào năm ngoái.

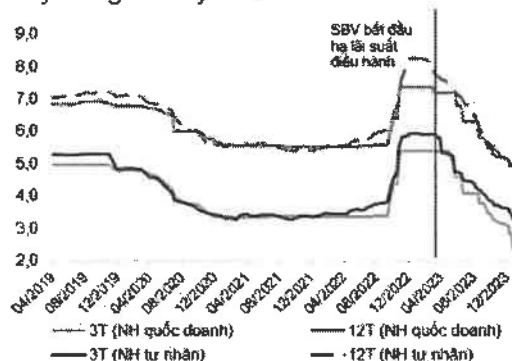
Dòng vốn FDI khởi sắc trong Q4/23 giúp thu hút vốn FDI đăng ký đạt 36,6 tỷ USD (+32,1% svck) trong năm 2023, là mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm gần đây. Cùng với đó, vốn FDI giải ngân đạt mức kỷ lục mới là 23,1 tỷ USD (+3,5% svck). Với lợi thế cạnh tranh là quốc gia có trữ lượng đất hiếm lớn thứ hai thế giới, cùng với chuyển thăm Việt Nam gần đây của CEO NVIDIA để tìm kiếm sự hợp tác trong lĩnh vực bán dẫn, Việt Nam có thể nổi lên trong tương lai trở thành một trung tâm trong khu vực về lĩnh vực bán dẫn. Điều này sẽ củng cố triển vọng thu hút vốn FDI của Việt Nam trong trung và dài hạn. Năm 2023, Việt Nam thu hút nhiều dự án FDI lớn vào lĩnh vực sản xuất như dự án Tổ hợp công nghệ pin quang điện Jinko Solar Hải Hà với quy mô 1,5 tỷ USD và dự án Mở rộng nhà máy LG Innotek tại Hải Phòng (1,0 tỷ USD). Điều này cho thấy Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn trong xu hướng dịch chuyển chuỗi giá trị của ngành sản xuất điện tử toàn cầu.

Quỹ ETF IPAAM VN100

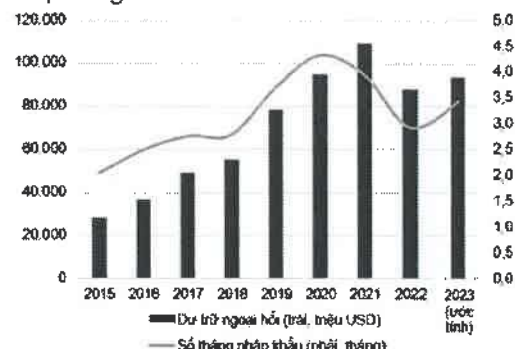
BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG NĂM 2023 (tiếp theo)

Lãi suất huy động đã giảm xuống dưới mức đáy trong thời kỳ Covid-19



Dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã cải thiện nhẹ trong năm 2023



Nguồn: Bloomberg và VNDIRECT

Sau các đợt cắt giảm lãi suất của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), mặt bằng lãi suất thị trường đã giảm mạnh. Lãi suất huy động thậm chí đã giảm xuống dưới mức đáy thời kỳ Covid-19 (2021-6T22). Trong khi đó, lãi suất cho vay hiện tại cũng đã giảm khoảng 2-3 điểm % so với cuối năm 2022. Lạm phát toàn phần tăng 3,58% svck trong T12/23 trong khi CPI bình quân năm 2023 ở mức 3,25%, đạt mục tiêu Chính phủ đề ra là kiểm soát CPI bình quân dưới 4,5%. Áp lực lạm phát năm 2023 chủ yếu đến từ (1) điều chỉnh giá dịch vụ công theo lộ trình của Chính phủ (học phí, giá dịch vụ y tế, giá điện), (2) giá thực phẩm trong nước tăng theo đà tăng giá gạo xuất khẩu và (3) giá thuê nhà ở và giá vật liệu xây dựng như cát, xi măng tăng.

Biến động tỷ giá trong năm 2023 nhìn chung ổn định hơn so với năm 2022. Dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã cải thiện nhẹ trong năm 2023. Thành tựu của kinh tế Việt Nam cũng được các tổ chức quốc tế ghi nhận khi Fitch nâng xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam lên "BB+" với triển vọng "Ổn định".

Thị trường chứng khoán 2023 khép lại một năm tăng trưởng nhưng nhiều biến động cả trong nước và trên trường quốc tế

Hiệu suất trên các thị trường chứng khoán thế giới có sự phân hóa lớn. Tính chung cả năm 2023, trước những biến số khó lường ảnh hưởng đến kinh tế vĩ mô, VN-INDEX ghi nhận hiệu suất đầu tư 12,2%, cao hơn đáng kể so với các thị trường chứng khoán khác trong khu vực Đông Nam Á.

Đà bán ròng của khối ngoại là nốt trầm trong năm 2023. Tổng giá trị bán ròng 2023 của khối ngoại đạt 22,9 nghìn tỷ đồng trên 3 sàn giao dịch. Một trong những lý do thúc đẩy hoạt động bán ròng mạnh mẽ của nhà đầu tư nước ngoài là việc tái cơ cấu danh mục đầu tư. Diễn biến tích cực của thị trường chứng khoán ở những nước phát triển có thể khiến nhà đầu tư nước ngoài rút tiền khỏi các thị trường có rủi ro cao như thị trường cận biên hoặc mới nổi.

Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) hồi phục dần sau những nỗ lực tháo gỡ khó khăn cho thị trường. Trong năm 2023 có hơn 320 đợt phát hành TPDN thành công với tổng giá trị phát hành đạt hơn 312,7 nghìn tỷ đồng, tăng 17% svck. Kể từ cuối Q1/23, thời điểm Nghị định 08 về việc sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế được ban hành, hoạt động phát hành TPDN đã chứng kiến sự phục hồi. Tổng giá trị TPDN riêng lẻ đáo hạn trong năm 2023 là hơn 216 nghìn tỷ đồng, tăng gần 100% svck, trong đó gần 40% là nhóm Bất động sản. Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh còn nhiều khó khăn, dòng tiền eo hẹp, nhiều Tổ chức phát hành đã thực hiện phương án đàm phán để gia hạn kỳ hạn trái phiếu với trái chủ.

Quỹ ETF IPAAM VN100

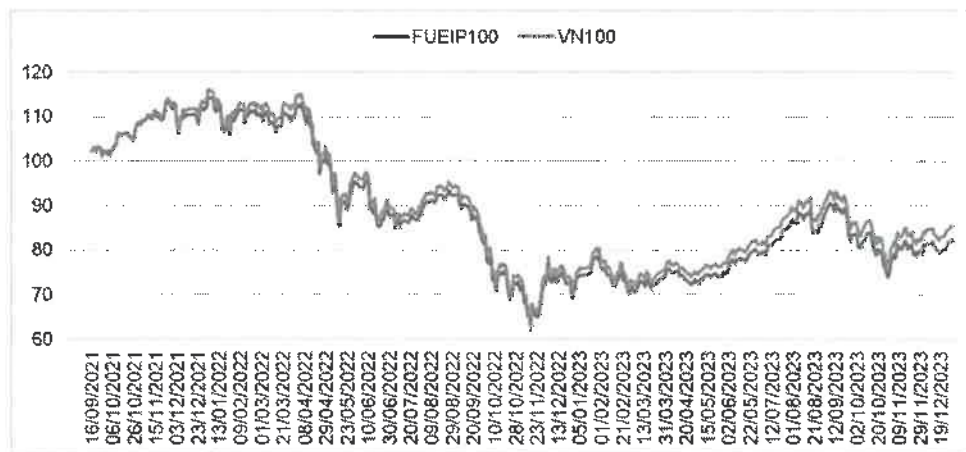
BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của quỹ

	Chỉ số FUEIP100	Chỉ số VN100
Số lượng chứng khoán nắm giữ	69	100
Định giá danh mục		
P/E (x)	11,76	12,79
P/B (x)	1,57	1,72
ROE (%)	13,31	14,58
Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (TE)	0,45%	
Cổ phiếu vốn hóa lớn - VN30	72,5%	
Cổ phiếu vốn hóa trung bình- VN MIDCAP	27,5%	

Biểu đồ tăng trưởng của FUEIP100 và bám sát chỉ số VN100



4.2 Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Số lượng nhà đầu tư	Tổ chức	Cá nhân
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	07	488
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	08	422

4.3 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ

Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty quản lý quỹ và người có liên quan	70,24%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất	89,54%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài	1,50%
Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ, kể cả giao dịch ký danh	430

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Kinh tế Việt Nam hướng tới phục hồi mạnh mẽ hơn vào năm 2024

Chính sách tài khóa mở rộng và nền lãi suất trong nước giảm là hai yếu tố chính thúc đẩy sự phục hồi kinh tế của Việt Nam từ cuối năm 2023. Các yếu tố hỗ trợ chính bao gồm: (1) Hoạt động sản xuất và xuất khẩu phục hồi mạnh mẽ hơn, (2) Nhu cầu tiêu dùng trong nước cải thiện, (3) Sự hồi phục của đầu tư tư nhân và (4) Sự ấm dần lên của thị trường bất động sản.

Việt Nam vẫn có những yếu tố giúp hỗ trợ kiểm soát lạm phát năm 2024: (1) Lạm phát toàn cầu giảm và tỷ giá VNĐ ổn định hơn trong năm 2024 giúp giảm bớt áp lực nhập khẩu lạm phát, (2) Chi phí đầu vào kinh doanh năm 2024 giảm (giá nhập khẩu giảm, lãi suất cho vay giảm) và (3) Hỗ trợ từ việc cắt giảm thuế của Chính phủ.

NHNN được kỳ vọng sẽ duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng để hỗ trợ phục hồi kinh tế. Lãi suất huy động khả năng cao sẽ duy trì ở mức thấp trong suốt năm 2024 do NHNN đặt mục tiêu duy trì môi trường lãi suất thấp để hỗ trợ phục hồi kinh tế. Thêm vào đó, lạm phát được kiểm soát trong năm 2024 tạo điều kiện thuận lợi để duy trì môi trường lãi suất thấp.

Tỷ giá được duy trì ổn định nhờ (1) Thặng dư thương mại cải thiện rõ rệt trong năm 2023 và các cán cân này sẽ duy trì ở mức cao trong năm 2024 và (2) Dự trữ ngoại hối của Việt Nam được cải thiện.

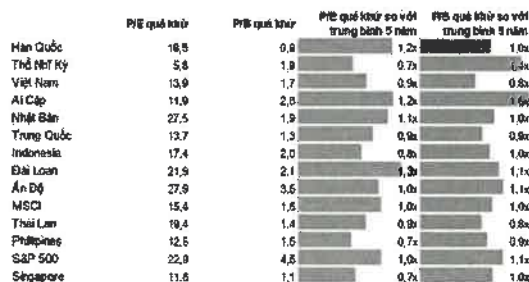
Thị trường chứng khoán có dư địa tăng trưởng nhờ định giá hấp dẫn

Mặc dù VN-Index đã ghi nhận đà tăng 12,2% trong năm 2023, định giá thị trường vẫn đang tương đối hấp dẫn với những luận điểm sau: (1) P/E đang được giao dịch thấp hơn 7,3% so với trung bình 5 năm; (2) EPS dự kiến tăng trưởng dương trong năm 2024, giúp định giá thêm hấp dẫn.

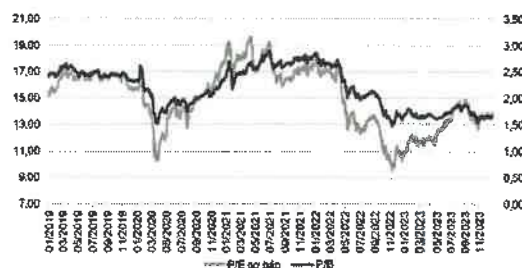
P/E 2024 của VN-INDEX ở mức 11,8x dựa trên kịch bản tăng trưởng lợi nhuận tích cực 18% trong năm 2024. Định giá VN-Index đang ở mức tương đối hấp dẫn so với các thị trường mới nổi. P/E 2023 đang giao dịch chiết khấu 9,7% so với trung bình các thị trường mới nổi (MSCI EM), trong khi P/B đạt mức 1,6x là tương đương với trung bình (MSCI EM).

Thêm vào đó, chênh lệch giữa E/P và lãi suất đang ở mức cao so với quá khứ, cho thấy thị trường chứng khoán đang hấp dẫn hơn tương đối so với kênh gửi tiết kiệm. E/P của VN-Index là 7,2% (tại ngày 31/12/2023) trong khi lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân hiện nay chưa đến 5,0%/năm.

Định giá của VN-Index còn tương đối hấp dẫn so với các thị trường mới nổi



Diễn biến định giá của VN-Index trong giai đoạn 2018 - 2023



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro và VNDIRECT

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC

Ban điều hành Quỹ

Bà Nguyễn Hồ Nga

Giám đốc đầu tư

Bà Nga có hơn 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính đầu tư. Trước khi gia nhập IPAAM, bà từng giữ vị trí phân tích đầu tư tại Công ty Chứng khoán BIDV, Trưởng phòng Nghiên cứu và Phân tích tại Công ty quản lý quỹ PVFC Capital, Giám đốc Huy động quỹ và phát triển kinh doanh tại PVFC Capital.

Bà Nga tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Tài chính, Trường Đại học Bristol, UK và Cử nhân Tài chính Kế toán, Trường Đại học New South Wales, Úc.

Ông Cao Minh Hoàng

Quản lý đầu tư

Ông Hoàng có hơn 17 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư tài chính và kiểm toán, trong đó có 2 năm làm việc tại Ernst & Young, 2 năm làm việc tại VNDIRECT và Vingroup.

Từ năm 2012-2015, ông giữ vị trí Trưởng phòng Phân tích tại IPAAM, phụ trách việc phân tích và quản lý danh mục đầu tư. Hiện tại, ông Hoàng đảm nhiệm vị trí Giám đốc đầu tư IPAAM.

Ông Hoàng tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân và đã vượt qua kỳ thi CFA Level 3.

Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ban đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang

*Thành viên độc lập
Chủ tịch Ban đại diện Quỹ*

Bà Trang hiện là Phó trưởng phòng Đầu tư, Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.

Bà Trang có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý vốn và đầu tư. Bà từng làm việc tại Ban Quản lý vốn và đầu tư tại Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí giữ vị trí Phó Ban Đầu tư của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí.

Bà Trang tốt nghiệp Khoa Tài chính Ngân hàng và có bằng Thạc sĩ Quản lý Kinh tế của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Bà Phí Thị Thùy Dung

*Thành viên độc lập
Ban đại diện Quỹ*

Bà Dung hiện giữ vị trí Kế Toán Trưởng tại Đại sứ quán Úc tại Việt Nam.

Bà Dung có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và quản lý tài chính. Bà từng làm Kế toán công chứng tại Duncan Dovico Chartered Accountant.

Bà tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán tài chính tại Đại học Tổng hợp Sydney, Úc và Thạc sĩ Thương mại tại Đại học Macquarie, Úc. Bà có bằng Chartered of Accountant (CA) và là thành viên Viện Kế toán Công chứng Úc (The Institute of Chartered Accountants).

Bà Hoàng Thị Minh Phương

*Thành viên độc lập
Ban đại diện Quỹ*

Bà Phương hiện là Chuyên viên pháp chế tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect.

Bà Phương có trình độ chuyên môn về pháp luật và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực pháp luật chứng khoán.

Bà Phương tốt nghiệp Cử nhân Luật tại Đại học Công đoàn và có Giấy chứng nhận đào tạo nghề Luật sư của Học viện Tư pháp.

Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán I.P.A



Nguyễn Hồ Nga
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng Giám sát của Quỹ ETF IPAAM VN100 (“Quỹ”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF IPAAM VN100 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong năm, Quỹ không thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ.
- Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.



ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Võ Trí Thanh

Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Trường Sơn

Số tham chiếu: 12860878/E-67570211

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Nhà đầu tư
Quỹ ETF IPAAM VN100**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ ETF IPAAM VN100 ("Quỹ"), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2024 và được trình bày từ trang 15 đến trang 60 bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

TÍNH NHẬT
CỘNG HÒA
VIỆT NAM
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
QUẬN 1
ĐƯỜNG
NGUYỄN HỮU CƯỜNG
TÊN NHẬT
CỘNG HÒA
VIỆT NAM
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
QUẬN 1
ĐƯỜNG
NGUYỄN HỮU CƯỜNG

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ hoán đổi danh mục.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO THU NHẬP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		7.707.801.210	(22.571.263.818)
2	1.1. Cổ tức được chia	5	774.022.800	555.730.449
3	1.2. Tiền lãi được nhận		662.220	756.613
4	1.3. Lãi/(Lỗ) bán các khoản đầu tư	6	(2.228.087.609)	(849.569.600)
5	1.4. Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	7	9.161.203.799	(22.278.181.280)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		10.525.766	20.641.948
11	2.1. Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	8	10.525.766	20.641.948
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF		1.143.943.329	1.183.093.769
20.1	3.1. Phí quản lý quỹ ETF		269.601.278	311.888.254
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF		247.601.074	249.261.322
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát		66.000.000	66.000.000
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF		198.000.000	198.000.000
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		66.000.000	66.000.003
20.6	3.6. Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF		99.999.890	99.999.890
20.8	3.7. Chi phí kiểm toán		70.200.000	64.900.000
20.11	3.8. Chi phí hoạt động khác	9	126.541.087	127.044.300
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		6.553.332.115	(23.774.999.535)
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		6.553.332.115	(23.774.999.535)
31	5.1. Lợi nhuận đã thực hiện		(2.607.871.684)	(1.496.818.255)
32	5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		9.161.203.799	(22.278.181.280)
41	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ		6.553.332.115	(23.774.999.535)

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	10	240.742.647	212.713.474
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		240.742.647	212.713.474
120	2. Các khoản đầu tư thuần	11	47.008.962.000	40.431.549.970
121	2.1. Các khoản đầu tư		47.008.962.000	40.431.549.970
130	3. Các khoản phải thu	12	33.082.000	68.493.000
133	3.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		33.082.000	68.493.000
136	3.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		33.082.000	68.493.000
137	3.2. Phải thu khác		-	-
100	TỔNG TÀI SẢN		47.282.786.647	40.712.756.444
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
314	1. Phải trả Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.800.000	1.800.000
316	2. Chi phí phải trả	14	59.400.000	62.200.000
319	3. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	15	219.922.961	200.424.873
320	4. Phải trả, phải nộp khác		200.000	200.000
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		281.322.961	264.624.873
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF		47.001.463.686	40.448.131.571
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	16	57.000.000.000	57.000.000.000
412	1.1. Vốn góp phát hành		57.000.000.000	57.000.000.000
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		423.301.296	423.301.296
420	3. Lợi nhuận/(Lỗ) chưa phân phối	17	(10.421.837.610)	(16.975.169.725)
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		8.245,87	7.096,16
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-	-

Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt

Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
004	Số lượng Chứng chỉ Quỹ ETF đang lưu hành	19	5.700.000	5.700.000

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 03 năm 2024

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF (NAV) đầu năm	40.448.131.571	63.167.132.486
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	6.553.332.115	(23.774.999.535)
II.1	<i>Trong đó:</i> Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong năm	6.553.332.115	(23.774.999.535)
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do hoán đổi lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ ETF	-	1.055.998.620
III.1	<i>Trong đó:</i> Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ Quỹ	-	1.055.998.620
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF cuối năm	47.001.463.686	40.448.131.571

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thủy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt




Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	CHỈ TIÊU	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	CÓ PHIẾU NIÊM YẾT					
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	ACB	102.493	23.900	2.449.582.700	5,18%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	BCG	12.500	8.820	110.250.000	0,23%
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	6.697	43.400	290.649.800	0,61%
4	Tập đoàn Bảo Việt	BVH	2.300	39.500	90.850.000	0,19%
5	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	CTG	23.577	27.100	638.936.700	1,35%
6	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	DBC	4.735	27.400	129.739.000	0,27%
7	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	DCM	4.000	32.400	129.600.000	0,27%
8	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	DGC	6.944	94.400	655.513.600	1,39%
9	Công ty Cổ phần Thế giới số	DGW	2.700	52.300	141.210.000	0,30%
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	DIG	14.374	26.750	384.504.500	0,81%
11	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	DPM	5.000	33.300	166.500.000	0,35%
12	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	DXG	14.500	19.350	280.575.000	0,59%
13	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	EIB	45.952	18.350	843.219.200	1,78%
14	Công ty Cổ phần FPT	FPT	31.701	96.100	3.046.466.100	6,44%
15	Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	FRT	2.185	107.000	233.795.000	0,49%
16	Công ty Cổ phần khí Việt Nam	GAS	3.600	75.500	271.800.000	0,57%
17	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	GEX	17.585	23.600	415.006.000	0,88%
18	Công ty Cổ phần Gemadept	GMD	8.000	70.500	564.000.000	1,19%
19	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR	4.700	21.200	99.640.000	0,21%
20	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	HAG	19.000	13.200	250.800.000	0,53%
21	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồ Chí Minh	HCM	6.600	34.200	225.720.000	0,48%
22	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	HDB	59.358	20.300	1.204.967.400	2,55%
23	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	HDG	4.275	27.600	117.990.000	0,25%
24	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	HHV	9.678	15.450	149.525.100	0,32%
25	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	93.860	27.950	2.623.387.000	5,55%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	CHỈ TIÊU	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT (tiếp theo)					
26	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	HSG	15.553	22.800	354.608.400	0,75%
27	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBC	16.966	31.750	538.670.500	1,14%
28	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	KDC	4.330	63.000	272.790.000	0,58%
29	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH	15.011	31.400	471.345.400	1,00%
30	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	LPB	67.598	15.750	1.064.668.500	2,25%
31	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	MBB	84.146	18.650	1.569.322.900	3,32%
32	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	MSB	49.980	13.000	649.740.000	1,37%
33	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	MSN	19.040	67.000	1.275.680.000	2,70%
34	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	34.300	42.800	1.468.040.000	3,10%
35	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	NKG	5.940	24.650	146.421.000	0,31%
36	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	NLG	7.578	36.650	277.733.700	0,59%
37	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	OCB	33.150	13.300	440.895.000	0,93%
38	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	PAN	4.200	20.200	84.840.000	0,18%
39	Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1	PC1	5.237	28.800	150.825.600	0,32%
40	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR	10.032	27.850	279.391.200	0,59%
41	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX	3.800	34.500	131.100.000	0,28%
42	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	PNJ	8.000	86.000	688.000.000	1,46%
43	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	POW	13.700	11.250	154.125.000	0,33%
44	Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	PVD	7.312	28.300	206.929.600	0,44%
45	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	PVT	4.700	26.400	124.080.000	0,26%
46	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	REE	4.974	56.800	282.523.200	0,60%
47	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB	4.100	63.000	258.300.000	0,55%
48	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	SBT	9.904	13.200	130.732.800	0,28%
49	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	SHB	84.863	10.800	916.520.400	1,94%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	CHỈ TIÊU	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT (tiếp theo)					
50	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	SSB	39.680	23.900	948.352.000	2,01%
51	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	SSI	30.800	32.800	1.010.240.000	2,14%
52	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	STB	55.300	27.950	1.545.635.000	3,27%
53	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB	67.000	31.800	2.130.600.000	4,51%
54	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH	10.808	13.200	142.665.600	0,30%
55	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	TPB	38.758	17.400	674.389.200	1,43%
56	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VCB	17.983	80.300	1.444.034.900	3,05%
57	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	VCG	7.967	24.700	196.784.900	0,42%
58	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	VCI	9.230	42.750	394.582.500	0,83%
59	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	VHC	2.600	74.400	193.440.000	0,41%
60	Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	38.300	43.200	1.654.560.000	3,50%
61	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB	40.856	19.600	800.777.600	1,69%
62	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	VIC	33.600	44.600	1.498.560.000	3,17%
63	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	VIX	18.700	17.100	319.770.000	0,68%
64	Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	VJC	8.000	108.000	864.000.000	1,83%
65	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	VND	26.800	22.250	596.300.000	1,26%
66	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	VNM	24.500	67.600	1.656.200.000	3,50%
67	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	138.497	19.200	2.659.142.400	5,62%
68	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - INVEST	VPI	3.410	55.000	187.550.000	0,40%
69	Công ty Cổ phần Vincom Retail	VRE	26.700	23.300	622.110.000	1,31%
	Tổng		1.660.217		46.991.204.400	99,38%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	CHỈ TIÊU	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
II	CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC					
1	Quyền mua chứng khoán MIRDYG231		14.500	1.225	17.757.600	0,04%
	Tổng		14.500		17.757.600	0,04%
II	CÁC TÀI SẢN KHÁC					
1	Cổ tức được nhận				33.082.000	0,07%
	Tổng				33.082.000	0,07%
III	TIỀN					
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF				240.742.647	0,51%
	Tổng				240.742.647	0,51%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC				47.282.786.647	100%

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		6.553.332.115	(23.774.999.535)
	Điều chỉnh (lợi nhuận) do việc mua hộ chứng khoán hạn chế		-	-
02	Điều chỉnh cho các khoản tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(9.091.003.799)	22.343.081.280
03	Lỗ/(lãi) chưa thực hiện	7	(9.161.203.799)	22.278.181.280
04	Chi phí trích trước		70.200.000	64.900.000
05	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		(2.537.671.684)	(1.431.918.255)
06	(Giảm)/ Tăng các khoản đầu tư		2.583.791.769	1.291.798.600
07	(Giảm)/ Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		35.411.000	(21.143.000)
13	(Giảm)/ Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		-	(340.000)
16	(Giảm)/ Tăng phải trả, phải nộp khác		(73.000.000)	(54.960.000)
17	(Giảm)/Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		19.498.088	90.259.428
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		28.029.173	(126.303.227)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
21	Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ		-	5.055.620
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	5.055.620
40	III. (Giảm)/Tăng tiền thuần trong năm		28.029.173	(121.047.607)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	10	212.713.474	333.761.081
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		212.713.474	333.761.081
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		212.713.474	333.760.934
53	- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư		-	147
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	10	240.742.647	212.713.474
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		240.742.647	212.713.474
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		240.742.647	212.713.474
58	- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư		-	-
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		28.029.173	(121.047.607)

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ ETF IPAAM VN100 ("Quỹ") được thành lập ngày 14 tháng 09 năm 2021 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập số 37/GCN-UBCK ngày 14 tháng 09 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ là 52.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 5.200.000 Chứng chỉ Quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một Chứng chỉ Quỹ trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ. Giá bán một lô Chứng chỉ Quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có). Giá mua lại một lô Chứng chỉ Quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 57.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.700.000 Chứng chỉ Quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 100/GCN-UBCK ngày 28 tháng 07 năm 2021. Chứng chỉ Quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 530/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 09 năm 2021 do HOSE cấp.

Điều lệ hoạt động của Quỹ được Ban Đại diện Quỹ ban hành ngày 28 tháng 07 năm 2021.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ ETF IPAAM VN100 được quản lý bởi Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A (sau đây được gọi tắt là "Công ty"), là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 0102703178 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2021, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 cấp ngày 08 tháng 03 năm 2024 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
02/GPĐC-UBCK	Ngày 08 tháng 03 năm 2017
22/GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Hoạt động chính hiện tại của Công ty là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang quản lý bốn (04) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt (VNDCF) và Quỹ IPAAM ETF VN100 (IPAAM VN100). Bên cạnh đó, trong năm, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, Công ty Cổ phần Âm thực Mặt trời vàng và Công ty Cổ phần Bkav.

Trụ sở chính của Công ty và Quỹ đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.1 Thông tin về Quỹ (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 05 tháng 03 năm 2024 là Ông Vũ Hiền - Chức danh: Chủ tịch Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ từ ngày 05 tháng 03 năm 2024 đến ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Minh Hương - Chức danh: Chủ tịch Công ty.

Bà Nguyễn Hồ Nga được bà Phạm Minh Hương ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 88/2024/UQ-IPAAM ngày 05 tháng 03 năm 2024 của Chủ tịch Công ty.

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập là 52.000.000.000 đồng Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn thực góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 57.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.700.000 Chứng chỉ Quỹ (Thuyết minh 16).

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ Số Tham Chiếu là chỉ số VN100 do HOSE xây dựng và quản lý như được mô tả chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF IPAAM VN100 được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch hàng ngày nếu đó là ngày làm việc ("Ngày giao dịch"). Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan đến lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của Công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ. Việc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên website của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 98"), cụ thể như sau:

- Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ Chính phủ;
- Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ (bao gồm: giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật) của một tổ chức, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- Trừ trường hợp là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục Chỉ Số Tham Chiếu, không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ:
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - (iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - (iv) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
- Không đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;
- Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - (i) Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là tài sản quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ trừ trường hợp đó là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục Chỉ Số Tham Chiếu;
- Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh, dư nợ vay khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ ÁP DỤNG

3.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư số 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Do vậy, báo cáo tài chính kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A khẳng định rằng báo cáo tài chính kèm theo tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại kỳ lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro trong quá trình chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Đối với cổ phiếu niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá trị của các khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo được xác định là giá mua cổ phiếu, hoặc giá trị sổ sách của cổ phiếu, hoặc giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch vì lý do khác ngoài việc thay đổi sở giao dịch chứng khoán thì giá được xác định là một trong các mức giá sau: Giá trị sổ sách hoặc Mệnh giá hoặc Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3. Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

Quyền mua cổ phiếu: Giá trị của quyền mua cổ phiếu là giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất đến Ngày Định Giá trừ đi giá phát hành nhân với tỷ lệ thực hiện quyền. Trong trường hợp giá trị quyền xác định là âm (-), giá sử dụng để định giá là 0 VND (Không Đồng Việt Nam).

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư phù hợp với Thông tư số 98 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Thông tư 98 như sau:

Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán

- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau;
 - ▶ Giá trị sổ sách; hoặc
 - ▶ Giá mua; hoặc
 - ▶ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) do bán các khoản đầu tư

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi cổ phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.5. Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Mỗi Chứng chỉ Quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Một lô Chứng chỉ Quỹ tương ứng với 100.000 Chứng chỉ Quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô Chứng chỉ Quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô Chứng chỉ Quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (02) số thập phân.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô Chứng chỉ Quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Vốn góp hoán đổi lại

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô Chứng chỉ Quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư (tiếp theo)

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá mua lại Chứng chỉ Quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô Chứng chỉ Quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch cộng với giá dịch vụ phát hành.

Giá mua lại là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô Chứng chỉ Quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch trừ đi giá dịch vụ mua lại.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư

Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ Quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho Nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong năm hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật. Sau khi chi trả lợi tức, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và đảm bảo giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.

Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền hoặc Chứng chỉ Quỹ phát hành thêm. Trường hợp Quỹ phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty Chứng khoán và Ngân hàng Giám sát.

4.8. Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền.

Giá dịch vụ quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ ETF IPAAM VN100. Giá dịch vụ quản lý Quỹ ETF IPAAM VN100 là 0,6% NAV/năm. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng Giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng giám sát và giá dịch vụ lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm lưu ký chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng giám sát là 0,06% NAV/năm (không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)), giá dịch vụ lưu ký tối thiểu hàng tháng là 20.000.000 VND. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giám sát Quỹ được trả cho Ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ giám sát được tính là 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Giá dịch vụ giám sát tối thiểu hàng tháng là 5.000.000 VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng giám sát là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Trụ sở chính là: 0,03% giá trị giao dịch. Tối thiểu là 100.000 VND/ngày giao dịch và tối đa là 10.000.000 VND/ngày giao dịch (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Mức phí trên chưa bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, chi phí pháp lý, chi phí tem thư...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8. *Chi phí* (tiếp theo)

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng giám sát sẽ là 0,03% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 15.000.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế VAT. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được xác định mỗi tháng là 5.000.000 VND (chưa bao gồm VAT). Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng còn bao gồm cả phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu được trả cho Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cho dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số VN100. Giá dịch vụ được xác định là 0,05% NAV/năm, tối thiểu là 50.000.000 VND/năm. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)

Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu. Giá dịch vụ được xác định là 0,05% NAV/năm, tối thiểu là 50.000.000 VND/năm. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công ty Kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

Chi phí khác được pháp luật cho phép.

4.9. *Thuế*

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9. Thuế (tiếp theo)

Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 08 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư số 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 92 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 08 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư số 78.

4.10. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.11. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ ETF không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA

Đơn vị tính: VND

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức đã nhận bằng tiền	740.940.800	487.237.449
Cổ tức phải thu	33.082.000	68.493.000
Tổng cộng	774.022.800	555.730.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoán kỳ này VND	Lỗ bán chứng khoán kỳ trước VND
I	Lãi bán các khoản đầu tư	4.053.865.160	6.281.952.769	(2.228.087.609)	(849.569.600)
1	Cổ phiếu niêm yết	4.053.865.160	6.281.952.769	(2.228.087.609)	(849.569.600)
	Tổng cộng	4.053.865.160	6.281.952.769	(2.228.087.609)	(849.569.600)

7. CHÉNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Chênh lệch điều chỉnh số cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
1	Cổ phiếu niêm yết	54.709.652.049	46.991.204.400	(7.718.447.649)	(16.861.893.848)	9.143.446.199
2	Quyền mua chứng khoán	-	17.757.600	17.757.600	-	17.757.600
	Tổng cộng	54.709.652.049	47.008.962.000	(7.700.690.049)	(16.861.893.848)	9.161.203.799

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CHI PHÍ GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Năm 2023</i> <i>VND</i>	<i>Năm 2022</i> <i>VND</i>
Chi phí môi giới, giao dịch bán các khoản đầu tư	10.525.766	20.641.948

9. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm 2023</i> <i>VND</i>	<i>Năm 2022</i> <i>VND</i>
Chi phí thù lao ban đại diện Quỹ	72.000.000	72.000.000
Chi phí quản lý niêm yết của HOSE	30.000.000	30.000.000
Chi phí thường niên trả UBCK	7.500.000	7.500.000
Phí dịch vụ lưu ký - Phí thực hiện quyền trả VSD	16.700.000	16.700.000
Phí dịch vụ lưu ký - Phí đăng ký niêm yết bổ sung trả VSD	-	500.000
Chi phí ngân hàng	341.087	344.300
Tổng cộng	126.541.087	127.044.300

10. TIỀN GỬI HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2023</i> <i>VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2022</i> <i>VND</i>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ	240.742.647	212.713.474

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

STT	Cổ phiếu niêm yết	Cổ phiếu niêm yết		Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
		Giá mua (*) VND	Giá trị hợp lý VND	Tăng VND	(Giảm) VND	
1	ACB	2.319.072.864	2.449.582.700	130.509.836	-	2.449.582.700
2	BCG	141.935.000	110.250.000	-	(31.685.000)	110.250.000
3	BID	188.189.610	290.649.800	102.460.190	-	290.649.800
4	BVH	146.838.571	90.850.000	-	(55.988.571)	90.850.000
5	CTG	678.629.818	638.936.700	-	(39.693.118)	638.936.700
6	DBC	139.106.560	129.739.000	-	(9.367.560)	129.739.000
7	DCM	132.000.000	129.600.000	-	(2.400.000)	129.600.000
8	DGC	377.668.490	655.513.600	277.845.110	-	655.513.600
9	DGW	209.360.000	141.210.000	-	(68.150.000)	141.210.000
10	DIG	435.653.524	384.504.500	-	(51.149.024)	384.504.500
11	DPM	178.126.875	166.500.000	-	(11.626.875)	166.500.000
12	DXG	315.636.152	280.575.000	-	(35.061.152)	280.575.000
13	EIB	797.886.337	843.219.200	45.332.863	-	843.219.200
14	FPT	2.135.378.027	3.046.466.100	911.088.073	-	3.046.466.100
15	FRT	121.030.000	233.795.000	112.765.000	-	233.795.000
16	GAS	270.706.900	271.800.000	1.093.100	-	271.800.000
17	GEX	380.684.643	415.006.000	34.321.357	-	415.006.000
18	GMD	384.942.355	564.000.000	179.057.645	-	564.000.000
19	GVR	166.706.499	99.640.000	-	(67.066.499)	99.640.000
20	HAG	173.850.000	250.800.000	76.950.000	-	250.800.000
21	HCM	260.253.728	225.720.000	-	(34.533.728)	225.720.000
22	HDB	1.289.477.986	1.204.967.400	-	(84.510.586)	1.204.967.400
23	HDG	173.574.194	117.990.000	-	(55.584.194)	117.990.000
24	HHV	138.943.013	149.525.100	10.582.087	-	149.525.100
25	HPG	3.494.708.643	2.623.387.000	-	(871.321.643)	2.623.387.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau: (tiếp theo)

STT	Cổ phiếu	Giá mua (*) VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	(Giảm) VND	
26	HSG	490.025.729	354.608.400	-	(135.417.329)	354.608.400
27	KBC	497.812.231	538.670.500	40.858.269	-	538.670.500
28	KDC	235.048.289	272.790.000	37.741.711	-	272.790.000
29	KDH	509.131.623	471.345.400	-	(37.786.223)	471.345.400
30	LPB	953.188.931	1.064.668.500	111.479.569	-	1.064.668.500
31	MBB	1.744.291.461	1.569.322.900	-	(174.968.561)	1.569.322.900
32	MSB	819.665.746	649.740.000	-	(169.925.746)	649.740.000
33	MSN	2.150.511.549	1.275.680.000	-	(874.831.549)	1.275.680.000
34	MWVG	2.406.064.233	1.468.040.000	-	(938.024.233)	1.468.040.000
35	NKG	181.665.000	146.421.000	-	(35.244.000)	146.421.000
36	NLG	269.330.000	277.733.700	8.403.700	-	277.733.700
37	OCB	608.175.000	440.895.000	-	(167.280.000)	440.895.000
38	PAN	99.283.333	84.840.000	-	(14.443.333)	84.840.000
39	PC1	105.973.467	150.825.600	44.852.133	-	150.825.600
40	PDR	540.876.415	279.391.200	-	(261.485.215)	279.391.200
41	PLX	189.917.910	131.100.000	-	(58.817.910)	131.100.000
42	PNJ	548.980.952	688.000.000	139.019.048	-	688.000.000
43	POW	161.056.366	154.125.000	-	(6.931.366)	154.125.000
44	PVD	114.099.974	206.929.600	92.829.626	-	206.929.600
45	PVT	93.530.000	124.080.000	30.550.000	-	124.080.000
46	REE	224.316.515	282.523.200	58.206.685	-	282.523.200
47	SAB	338.699.423	258.300.000	-	(80.399.423)	258.300.000
48	SBT	176.542.936	130.732.800	-	(45.810.136)	130.732.800
49	SHB	948.708.413	916.520.400	-	(32.188.013)	916.520.400
50	SSB	1.058.638.436	948.352.000	-	(110.286.436)	948.352.000
51	SSI	1.301.682.622	1.010.240.000	-	(291.442.622)	1.010.240.000
52	STB	1.513.810.603	1.545.635.000	31.824.397	-	1.545.635.000

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN (tiếp theo)

STT	Cổ phiếu	Giá mua (*) VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	(Giảm) VND	
53	TCB	3.287.799.723	2.130.600.000	-	(1.157.199.723)	2.130.600.000
54	TCH	189.612.359	142.665.600	-	(46.946.759)	142.665.600
55	TPB	730.850.006	674.389.200	-	(56.460.806)	674.389.200
56	VCB	1.218.363.660	1.444.034.900	225.671.240	-	1.444.034.900
57	VCG	266.084.584	196.784.900	-	(69.299.684)	196.784.900
58	VCI	441.975.000	394.582.500	-	(47.392.500)	394.582.500
59	VHC	171.860.000	193.440.000	21.580.000	-	193.440.000
60	VHM	2.888.114.447	1.654.560.000	-	(1.233.554.447)	1.654.560.000
61	VIB	948.079.494	800.777.600	-	(147.301.894)	800.777.600
62	VIC	2.967.067.894	1.498.560.000	-	(1.468.507.894)	1.498.560.000
63	VIX	313.225.000	319.770.000	6.545.000	-	319.770.000
64	VJC	1.017.537.067	864.000.000	-	(153.537.067)	864.000.000
65	VND	761.308.071	596.300.000	-	(165.008.071)	596.300.000
66	VNM	2.126.800.303	1.656.200.000	-	(470.600.303)	1.656.200.000
67	VPB	3.156.592.290	2.659.142.400	-	(497.449.890)	2.659.142.400
68	VPI	181.570.000	187.550.000	5.980.000	-	187.550.000
69	VRE	711.425.205	622.110.000	-	(89.315.205)	622.110.000
Quyền mua chứng khoán						
1	MIRDXG231	-	17.757.600	17.757.600	-	17.757.600
Tổng cộng		54.709.652.049	47.008.962.000	2.755.304.239	(10.455.994.288)	47.008.962.000

41



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phải thu về dự thu cổ tức	33.082.000	68.493.000
Tổng cộng	33.082.000	68.493.000

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu năm VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số dư cuối năm VND
Thuế thu nhập cá nhân	1.800.000	7.200.000	(7.200.000)	1.800.000

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phí kiểm toán	43.200.000	38.500.000
Thù lao Ban Đại Diện Quỹ	16.200.000	16.200.000
Phí quản lý thường niên cho UBCK	-	7.500.000
Tổng cộng	59.400.000	62.200.000

15. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phí quản lý Quỹ	69.286.963	61.760.925
Phí phải trả Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM	92.135.998	80.163.948
Phí dịch vụ lưu ký Ngân hàng Giám sát	20.000.000	20.000.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	16.500.000
Phí phải trả Trung tâm Lưu ký Việt Nam (VSD)	16.500.000	16.500.000
Phí dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Tổng cộng	219.922.961	200.424.873

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn góp trong năm như sau:

	Đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Phát sinh trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	5.700.000	-	5.700.000
NAV bình quân (2) = (5)/(1)	VND/CCQ	10.074,26	-	10.074,26
Giá trị ghi theo mệnh giá (3)	VND	57.000.000.000	-	57.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (4)	VND	423.301.296	-	423.301.296
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ quỹ ETF (5) = (3) + (4)	VND	57.423.301.296	-	57.423.301.296
Vốn góp hoán đổi lại				
Số lượng (6)	CCQ	-	-	-
NAV bình quân (7) = (10)/(6)	VND/CCQ	-	-	-
Giá trị ghi theo mệnh giá (8)	VND	-	-	-
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư (9)	VND	-	-	-
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ quỹ ETF (10) = (8) + (9)	VND	-	-	-
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (11) = (1) - (6)				
	CCQ	5.700.000	-	5.700.000
Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (5) - (10)	VND	57.423.301.296	-	57.423.301.296
Lãi /(Lỗ) lũy kế (13)	VND	(16.975.169.725)	6.553.332.115	(10.421.837.610)
Giá trị tài sản ròng hiện hành (14) = (12) + (13)	VND	40.448.131.571	6.553.332.115	47.001.463.686
Giá trị tài sản ròng trên 1 lô chứng chỉ Quỹ	VND	709.616.343		824.587.082
Giá trị tài sản ròng hiện hành trên 1 Chứng chỉ quỹ (15) = (14)/(11)	VND/CCQ	7.096,16		8.245,87

17. LỢI NHUẬN/(LỖ) CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Phát sinh trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Lợi nhuận/(Lỗ) đã thực hiện	(113.275.877)	(2.607.871.684)	(2.721.147.561)
Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện	(16.861.893.848)	9.161.203.799	(7.700.690.049)
Tổng cộng	(16.975.169.725)	6.553.332.115	(10.421.837.610)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ VND
1	02/01/2023	40.442.161.158	5.700.000	7.095,11	
2	03/01/2023	41.953.749.843	5.700.000	7.360,30	265,19
3	04/01/2023	42.048.941.133	5.700.000	7.377,00	16,70
4	05/01/2023	42.460.752.404	5.700.000	7.449,25	72,25
5	08/01/2023	42.266.274.425	5.700.000	7.415,13	(34,12)
6	09/01/2023	42.341.884.550	5.700.000	7.428,40	13,27
7	10/01/2023	42.325.625.739	5.700.000	7.425,54	(2,86)
8	11/01/2023	42.463.324.427	5.700.000	7.449,70	24,16
9	12/01/2023	42.451.810.448	5.700.000	7.447,68	(2,02)
10	15/01/2023	42.582.820.338	5.700.000	7.470,67	22,99
11	16/01/2023	42.776.856.862	5.700.000	7.504,71	34,04
12	17/01/2023	43.827.256.309	5.700.000	7.688,99	184,28
13	18/01/2023	44.272.109.544	5.700.000	7.767,03	78,04
14	19/01/2023	44.546.901.201	5.700.000	7.815,24	48,21
15	26/01/2023	44.525.533.524	5.700.000	7.811,49	(3,75)
16	29/01/2023	44.895.268.309	5.700.000	7.876,36	64,87
17	30/01/2023	44.302.530.703	5.700.000	7.772,37	(103,99)
18	31/01/2023	44.732.628.622	5.700.000	7.847,82	75,45
19	01/02/2023	43.227.581.658	5.700.000	7.583,78	(264,04)
20	02/02/2023	43.259.304.892	5.700.000	7.589,35	5,57
21	05/02/2023	42.940.596.277	5.700.000	7.533,43	(55,92)
22	06/02/2023	43.306.112.132	5.700.000	7.597,56	64,13
23	07/02/2023	42.321.760.078	5.700.000	7.424,87	(172,69)
24	08/02/2023	42.448.842.075	5.700.000	7.447,16	22,29
25	09/02/2023	42.089.914.402	5.700.000	7.384,19	(62,97)
26	12/02/2023	41.620.672.349	5.700.000	7.301,87	(82,32)
27	13/02/2023	41.066.933.523	5.700.000	7.204,72	(97,15)
28	14/02/2023	40.964.146.907	5.700.000	7.186,69	(18,03)
29	15/02/2023	41.309.432.485	5.700.000	7.247,26	60,57
30	16/02/2023	41.830.464.437	5.700.000	7.338,67	91,41
31	19/02/2023	41.826.525.043	5.700.000	7.337,98	(0,69)
32	20/02/2023	43.116.489.745	5.700.000	7.564,29	226,31
33	21/02/2023	42.865.762.969	5.700.000	7.520,30	(43,99)
34	22/02/2023	41.660.949.028	5.700.000	7.308,93	(211,37)
35	23/02/2023	41.641.744.763	5.700.000	7.305,56	(3,37)
36	26/02/2023	40.833.490.593	5.700.000	7.163,77	(141,79)
37	27/02/2023	39.961.119.100	5.700.000	7.010,72	(153,05)
38	28/02/2023	40.111.772.867	5.700.000	7.037,15	26,43
39	01/03/2023	40.870.541.999	5.700.000	7.170,27	133,12
40	02/03/2023	40.723.599.226	5.700.000	7.144,49	(25,78)
41	05/03/2023	40.097.560.793	5.700.000	7.034,65	(109,84)
42	06/03/2023	40.209.612.589	5.700.000	7.054,31	19,66
43	07/03/2023	40.687.382.392	5.700.000	7.138,13	83,82
44	08/03/2023	41.243.532.982	5.700.000	7.235,70	97,57
45	09/03/2023	41.596.193.215	5.700.000	7.297,57	61,87
46	12/03/2023	41.432.961.850	5.700.000	7.268,94	(28,63)
47	13/03/2023	41.434.968.173	5.700.000	7.269,29	0,35
48	14/03/2023	40.876.505.547	5.700.000	7.171,31	(97,98)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ VND
49	15/03/2023	41.962.779.304	5.700.000	7.361,89	190,58
50	16/03/2023	41.322.103.343	5.700.000	7.249,49	(112,40)
51	19/03/2023	41.358.176.069	5.700.000	7.255,82	6,33
52	20/03/2023	40.526.663.144	5.700.000	7.109,94	(145,88)
53	21/03/2023	40.937.212.180	5.700.000	7.181,96	72,02
54	22/03/2023	41.177.460.716	5.700.000	7.224,11	42,15
55	23/03/2023	41.380.421.746	5.700.000	7.259,72	35,61
56	26/03/2023	41.565.604.402	5.700.000	7.292,21	32,49
57	27/03/2023	41.792.477.580	5.700.000	7.332,01	39,80
58	28/03/2023	41.844.777.117	5.700.000	7.341,18	9,17
59	29/03/2023	41.936.713.912	5.700.000	7.357,31	16,13
60	30/03/2023	42.071.316.025	5.700.000	7.380,93	23,62
61	31/03/2023	42.343.719.754	5.700.000	7.428,72	47,79
62	02/04/2023	42.337.571.970	5.700.000	7.427,64	(1,08)
63	03/04/2023	43.016.429.476	5.700.000	7.546,74	119,10
64	04/04/2023	43.115.963.636	5.700.000	7.564,20	17,46
65	05/04/2023	43.206.366.410	5.700.000	7.580,06	15,86
66	06/04/2023	42.713.899.420	5.700.000	7.493,66	(86,40)
67	09/04/2023	42.737.335.923	5.700.000	7.497,77	4,11
68	10/04/2023	42.715.115.030	5.700.000	7.493,87	(3,90)
69	11/04/2023	42.899.567.938	5.700.000	7.526,23	32,36
70	12/04/2023	42.915.579.122	5.700.000	7.529,04	2,81
71	13/04/2023	42.707.738.323	5.700.000	7.492,58	(36,46)
72	16/04/2023	42.211.471.440	5.700.000	7.405,52	(87,06)
73	17/04/2023	42.269.294.298	5.700.000	7.415,66	10,14
74	18/04/2023	42.266.932.995	5.700.000	7.415,25	(0,41)
75	19/04/2023	41.903.843.871	5.700.000	7.351,55	(63,70)
76	20/04/2023	41.830.745.818	5.700.000	7.338,72	(12,83)
77	23/04/2023	41.537.432.307	5.700.000	7.287,26	(51,46)
78	24/04/2023	41.470.471.147	5.700.000	7.275,52	(11,74)
79	25/04/2023	41.112.519.727	5.700.000	7.212,72	(62,80)
80	26/04/2023	41.410.613.197	5.700.000	7.265,01	52,29
81	27/04/2023	41.359.087.682	5.700.000	7.255,98	(9,03)
82	30/04/2023	41.801.551.800	5.700.000	7.333,60	77,62
83	03/05/2023	41.792.529.475	5.700.000	7.332,02	(1,58)
84	04/05/2023	41.400.233.059	5.700.000	7.263,19	(68,83)
85	07/05/2023	41.338.505.205	5.700.000	7.252,36	(10,83)
86	08/05/2023	41.754.767.611	5.700.000	7.325,39	73,03
87	09/05/2023	41.779.945.533	5.700.000	7.329,81	4,42
88	10/05/2023	42.046.160.270	5.700.000	7.376,51	46,70
89	11/05/2023	42.050.744.421	5.700.000	7.377,32	0,81
90	14/05/2023	42.421.245.269	5.700.000	7.442,32	65,00
91	15/05/2023	42.448.205.786	5.700.000	7.447,05	4,73
92	16/05/2023	42.399.279.667	5.700.000	7.438,47	(8,58)
93	17/05/2023	42.059.074.361	5.700.000	7.378,78	(59,69)
94	18/05/2023	42.326.379.212	5.700.000	7.425,68	46,90
95	21/05/2023	42.338.854.814	5.700.000	7.427,86	2,18
96	22/05/2023	42.619.576.184	5.700.000	7.477,11	49,25
97	23/05/2023	42.436.107.390	5.700.000	7.444,93	(32,18)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ VND
98	24/05/2023	42.169.711.205	5.700.000	7.398,19	(46,74)
99	25/05/2023	42.145.051.165	5.700.000	7.393,86	(4,33)
100	28/05/2023	42.163.480.924	5.700.000	7.397,10	3,24
101	29/05/2023	42.647.768.570	5.700.000	7.482,06	84,96
102	30/05/2023	42.778.617.366	5.700.000	7.505,02	22,96
103	31/05/2023	42.614.879.439	5.700.000	7.476,29	(28,73)
104	01/06/2023	42.889.505.942	5.700.000	7.524,47	48,18
105	04/06/2023	43.603.655.930	5.700.000	7.649,76	125,29
106	05/06/2023	43.744.471.518	5.700.000	7.674,46	24,70
107	06/06/2023	44.199.489.657	5.700.000	7.754,29	79,83
108	07/06/2023	44.366.331.963	5.700.000	7.783,56	29,27
109	08/06/2023	43.719.342.515	5.700.000	7.670,06	(113,50)
110	11/06/2023	44.107.904.867	5.700.000	7.738,22	68,16
111	12/06/2023	44.428.905.514	5.700.000	7.794,54	56,32
112	13/06/2023	44.593.490.186	5.700.000	7.823,41	28,87
113	14/06/2023	44.426.429.954	5.700.000	7.794,11	(29,30)
114	15/06/2023	44.364.534.079	5.700.000	7.783,25	(10,86)
115	18/06/2023	44.369.904.748	5.700.000	7.784,19	0,94
116	19/06/2023	44.076.199.973	5.700.000	7.732,66	(51,53)
117	20/06/2023	44.413.064.391	5.700.000	7.791,76	59,10
118	21/06/2023	44.760.446.968	5.700.000	7.852,70	60,94
119	22/06/2023	45.048.156.726	5.700.000	7.903,18	50,48
120	25/06/2023	45.342.915.858	5.700.000	7.954,89	51,71
121	26/06/2023	45.470.622.211	5.700.000	7.977,30	22,41
122	27/06/2023	45.547.976.692	5.700.000	7.990,87	13,57
123	28/06/2023	45.741.574.271	5.700.000	8.024,83	33,96
124	29/06/2023	45.063.476.897	5.700.000	7.905,87	(118,96)
125	30/06/2023	45.031.018.597	5.700.000	7.900,17	(5,70)
126	02/07/2023	45.024.927.651	5.700.000	7.899,11	(1,06)
127	03/07/2023	45.066.469.576	5.700.000	7.906,39	7,28
128	04/07/2023	45.357.054.235	5.700.000	7.957,37	50,98
129	05/07/2023	45.431.267.024	5.700.000	7.970,39	13,02
130	06/07/2023	45.092.298.455	5.700.000	7.910,92	(59,47)
131	09/07/2023	45.505.570.526	5.700.000	7.983,43	72,51
132	10/07/2023	46.022.420.147	5.700.000	8.074,10	90,67
133	11/07/2023	46.156.787.269	5.700.000	8.097,68	23,58
134	12/07/2023	46.135.200.256	5.700.000	8.093,89	(3,79)
135	13/07/2023	46.618.542.197	5.700.000	8.178,69	84,80
136	16/07/2023	46.778.316.979	5.700.000	8.206,72	28,03
137	17/07/2023	46.987.441.286	5.700.000	8.243,41	36,69
138	18/07/2023	47.080.151.889	5.700.000	8.259,67	16,26
139	19/07/2023	46.960.647.237	5.700.000	8.238,71	(20,96)
140	20/07/2023	47.092.237.272	5.700.000	8.261,79	23,08
141	23/07/2023	47.822.700.478	5.700.000	8.389,94	128,15
142	24/07/2023	48.129.254.685	5.700.000	8.443,72	53,78
143	25/07/2023	48.291.161.271	5.700.000	8.472,13	28,41
144	26/07/2023	48.437.801.964	5.700.000	8.497,85	25,72
145	27/07/2023	48.450.018.548	5.700.000	8.500,00	2,15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ VND
146	30/07/2023	48.944.832.863	5.700.000	8.586,81	86,81
147	31/07/2023	49.513.195.086	5.700.000	8.686,52	99,71
148	01/08/2023	49.168.914.023	5.700.000	8.626,12	(60,40)
149	02/08/2023	49.287.758.804	5.700.000	8.646,97	20,85
150	03/08/2023	48.999.890.799	5.700.000	8.596,47	(50,50)
151	06/08/2023	49.748.265.769	5.700.000	8.727,76	131,29
152	07/08/2023	50.441.802.361	5.700.000	8.849,43	121,67
153	08/08/2023	50.308.704.141	5.700.000	8.826,08	(23,35)
154	09/08/2023	50.000.607.386	5.700.000	8.772,03	(54,05)
155	10/08/2023	49.436.166.223	5.700.000	8.673,01	(99,02)
156	13/08/2023	49.976.930.378	5.700.000	8.767,88	94,87
157	14/08/2023	50.276.480.938	5.700.000	8.820,43	52,55
158	15/08/2023	50.171.991.216	5.700.000	8.802,10	(18,33)
159	16/08/2023	50.693.067.128	5.700.000	8.893,52	91,42
160	17/08/2023	50.346.582.986	5.700.000	8.832,73	(60,79)
161	20/08/2023	47.863.205.784	5.700.000	8.397,05	(435,68)
162	21/08/2023	47.931.248.846	5.700.000	8.408,99	11,94
163	22/08/2023	48.202.355.502	5.700.000	8.456,55	47,56
164	23/08/2023	47.823.751.781	5.700.000	8.390,13	(66,42)
165	24/08/2023	48.743.048.248	5.700.000	8.551,41	161,28
166	27/08/2023	48.571.952.043	5.700.000	8.521,39	(30,02)
167	28/08/2023	49.449.716.001	5.700.000	8.675,38	153,99
168	29/08/2023	49.586.710.450	5.700.000	8.699,42	24,04
169	30/08/2023	50.099.798.564	5.700.000	8.789,43	90,01
170	31/08/2023	50.601.762.921	5.700.000	8.877,50	88,07
171	04/09/2023	50.589.044.596	5.700.000	8.875,27	(2,23)
172	05/09/2023	50.977.196.607	5.700.000	8.943,36	68,09
173	06/09/2023	51.584.732.231	5.700.000	9.049,95	106,59
174	07/09/2023	51.450.766.208	5.700.000	9.026,45	(23,50)
175	10/09/2023	51.363.921.812	5.700.000	9.011,21	(15,24)
176	11/09/2023	50.542.113.326	5.700.000	8.867,03	(144,18)
177	12/09/2023	51.632.267.219	5.700.000	9.058,29	191,26
178	13/09/2023	51.336.347.676	5.700.000	9.006,37	(51,92)
179	14/09/2023	50.708.246.959	5.700.000	8.896,18	(110,19)
180	17/09/2023	50.842.495.790	5.700.000	8.919,73	23,55
181	18/09/2023	50.225.835.003	5.700.000	8.811,55	(108,18)
182	19/09/2023	50.340.382.283	5.700.000	8.831,64	20,09
183	20/09/2023	50.946.788.594	5.700.000	8.938,03	106,39
184	21/09/2023	50.273.582.572	5.700.000	8.819,92	(118,11)
185	24/09/2023	49.100.429.667	5.700.000	8.614,11	(205,81)
186	25/09/2023	47.196.040.785	5.700.000	8.280,00	(334,11)
187	26/09/2023	46.780.407.820	5.700.000	8.207,08	(72,92)
188	27/09/2023	47.635.599.063	5.700.000	8.357,12	150,04
189	28/09/2023	47.481.223.893	5.700.000	8.330,03	(27,09)
190	30/09/2023	47.559.972.061	5.700.000	8.343,85	13,82
191	01/10/2023	47.556.899.977	5.700.000	8.343,31	(0,54)
192	02/10/2023	47.644.526.203	5.700.000	8.358,68	15,37
193	03/10/2023	45.961.009.403	5.700.000	8.063,33	(295,35)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ VND
194	04/10/2023	46.442.075.445	5.700.000	8.147,73	84,40
195	05/10/2023	45.818.464.839	5.700.000	8.038,32	(109,41)
196	08/10/2023	46.531.224.127	5.700.000	8.163,37	125,05
197	09/10/2023	47.070.611.887	5.700.000	8.258,00	94,63
198	10/10/2023	47.336.190.949	5.700.000	8.304,59	46,59
199	11/10/2023	47.727.538.496	5.700.000	8.373,25	68,66
200	12/10/2023	47.696.070.924	5.700.000	8.367,73	(5,52)
201	15/10/2023	47.815.751.363	5.700.000	8.388,72	20,99
202	16/10/2023	47.212.225.045	5.700.000	8.282,84	(105,88)
203	17/10/2023	46.320.409.587	5.700.000	8.126,38	(156,46)
204	18/10/2023	45.656.441.494	5.700.000	8.009,90	(116,48)
205	19/10/2023	44.836.533.229	5.700.000	7.866,05	(143,85)
206	22/10/2023	45.784.632.787	5.700.000	8.032,39	166,34
207	23/10/2023	45.132.946.850	5.700.000	7.918,06	(114,33)
208	24/10/2023	45.641.785.098	5.700.000	8.007,33	89,27
209	25/10/2023	45.444.610.887	5.700.000	7.972,73	(34,60)
210	26/10/2023	43.399.751.484	5.700.000	7.613,99	(358,74)
211	29/10/2023	43.707.144.499	5.700.000	7.667,92	53,93
212	30/10/2023	42.666.519.156	5.700.000	7.485,35	(182,57)
213	31/10/2023	42.102.395.131	5.700.000	7.386,38	(98,97)
214	01/11/2023	42.763.169.180	5.700.000	7.502,31	115,93
215	02/11/2023	44.336.252.059	5.700.000	7.778,28	275,97
216	05/11/2023	44.332.878.035	5.700.000	7.777,69	(0,59)
217	06/11/2023	45.018.078.756	5.700.000	7.897,90	120,21
218	07/11/2023	44.571.460.469	5.700.000	7.819,55	(78,35)
219	08/11/2023	46.222.723.087	5.700.000	8.109,24	289,69
220	09/11/2023	46.244.203.152	5.700.000	8.113,01	3,77
221	12/11/2023	45.757.682.840	5.700.000	8.027,66	(85,35)
222	13/11/2023	45.781.898.905	5.700.000	8.031,91	4,25
223	14/11/2023	46.325.313.437	5.700.000	8.127,24	95,33
224	15/11/2023	46.738.957.119	5.700.000	8.199,81	72,57
225	16/11/2023	46.868.881.265	5.700.000	8.222,61	22,80
226	19/11/2023	45.770.744.172	5.700.000	8.029,95	(192,66)
227	20/11/2023	45.821.506.836	5.700.000	8.038,86	8,91
228	21/11/2023	46.129.837.131	5.700.000	8.092,95	54,09
229	22/11/2023	46.292.284.956	5.700.000	8.121,45	28,50
230	23/11/2023	44.997.183.021	5.700.000	7.894,24	(227,21)
231	26/11/2023	45.298.309.777	5.700.000	7.947,07	52,83
232	27/11/2023	44.806.079.267	5.700.000	7.860,71	(86,36)
233	28/11/2023	45.186.203.974	5.700.000	7.927,40	66,69
234	29/11/2023	45.490.291.283	5.700.000	7.980,75	53,35
235	30/11/2023	45.091.474.778	5.700.000	7.910,78	(69,97)
236	03/12/2023	45.450.787.501	5.700.000	7.973,82	63,04
237	04/12/2023	46.304.262.809	5.700.000	8.123,55	149,73
238	05/12/2023	46.049.623.803	5.700.000	8.078,88	(44,67)
239	06/12/2023	46.500.382.937	5.700.000	8.157,96	79,08
240	07/12/2023	46.405.181.386	5.700.000	8.141,25	(16,71)
241	10/12/2023	46.515.944.608	5.700.000	8.160,69	19,44

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ VND
242	11/12/2023	46.556.190.224	5.700.000	8.167,75	7,06
243	12/12/2023	46.673.621.860	5.700.000	8.188,35	20,60
244	13/12/2023	46.045.090.928	5.700.000	8.078,08	(110,27)
245	14/12/2023	45.837.306.312	5.700.000	8.041,63	(36,45)
246	17/12/2023	45.579.708.027	5.700.000	7.996,44	(45,19)
247	18/12/2023	45.132.317.100	5.700.000	7.917,95	(78,49)
248	19/12/2023	45.447.766.137	5.700.000	7.973,29	55,34
249	20/12/2023	45.666.454.729	5.700.000	8.011,65	38,36
250	21/12/2023	45.725.545.700	5.700.000	8.022,02	10,37
251	24/12/2023	45.699.262.510	5.700.000	8.017,41	(4,61)
252	25/12/2023	46.293.955.084	5.700.000	8.121,74	104,33
253	26/12/2023	46.457.964.962	5.700.000	8.150,52	28,78
254	27/12/2023	46.481.347.806	5.700.000	8.154,62	4,10
255	28/12/2023	46.883.141.995	5.700.000	8.225,11	70,49
256	31/12/2023	47.001.463.686	5.700.000	8.245,87	20,76

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (VND) 44.928.860.412

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong năm

- Mức cao nhất trong năm (VND) 435,68
- Mức thấp nhất trong năm (VND) 0,35

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong năm

- Mức cao nhất trong năm (VND) 9.058,29
- Mức thấp nhất trong năm (VND) 7.010,72

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ VND
1	03/01/2022	63.157.187.675	5.600.000	11.278,06	
2	04/01/2022	64.161.029.925	5.600.000	11.457,32	179,26
3	05/01/2022	63.854.765.057	5.600.000	11.402,63	(54,69)
4	06/01/2022	63.958.407.188	5.600.000	11.421,14	18,51
5	09/01/2022	63.653.176.866	5.600.000	11.366,63	(54,51)
6	10/01/2022	62.628.441.560	5.600.000	11.183,65	(182,98)
7	11/01/2022	62.064.229.879	5.600.000	11.082,89	(100,76)
8	12/01/2022	63.017.625.425	5.600.000	11.253,14	170,25
9	13/01/2022	62.462.123.153	5.600.000	11.153,95	(99,19)
10	16/01/2022	62.231.859.527	5.600.000	11.112,83	(41,12)
11	17/01/2022	60.098.844.429	5.600.000	10.731,93	(380,90)
12	18/01/2022	59.650.531.025	5.600.000	10.651,88	(80,05)
13	19/01/2022	59.944.588.438	5.600.000	10.704,39	52,51
14	20/01/2022	60.567.687.108	5.600.000	10.815,65	111,26
15	23/01/2022	60.925.315.818	5.600.000	10.879,52	63,87
16	24/01/2022	59.385.376.423	5.600.000	10.604,53	(274,99)
17	25/01/2022	61.086.493.081	5.600.000	10.908,30	303,77
18	26/01/2022	61.369.239.153	5.600.000	10.958,79	50,49
19	27/01/2022	61.010.721.790	5.600.000	10.894,77	(64,02)
20	31/01/2022	61.621.530.255	5.600.000	11.003,84	109,07
21	03/02/2022	61.611.106.951	5.600.000	11.001,98	(1,86)
22	06/02/2022	61.600.684.161	5.600.000	11.000,12	(1,86)
23	07/02/2022	62.007.593.651	5.600.000	11.072,78	72,66
24	08/02/2022	62.303.699.374	5.600.000	11.125,66	52,88
25	09/02/2022	62.495.003.402	5.600.000	11.159,82	34,16
26	10/02/2022	62.349.260.626	5.600.000	11.133,79	(26,03)
27	13/02/2022	62.289.542.813	5.600.000	11.123,13	(10,66)
28	14/02/2022	60.714.390.412	5.600.000	10.841,85	(281,28)
29	15/02/2022	61.655.705.969	5.600.000	11.009,94	168,09
30	16/02/2022	61.614.756.517	5.600.000	11.002,63	(7,31)
31	17/02/2022	62.264.448.685	5.600.000	11.118,65	116,02
32	20/02/2022	62.105.674.490	5.600.000	11.090,29	(28,36)
33	21/02/2022	62.291.248.617	5.600.000	11.123,43	33,14
34	22/02/2022	62.029.963.489	5.600.000	11.076,77	(46,66)
35	23/02/2022	62.371.914.890	5.600.000	11.137,84	61,07
36	24/02/2022	61.721.801.328	5.600.000	11.021,75	(116,09)
37	27/02/2022	61.998.579.615	5.600.000	11.071,17	49,42
38	28/02/2022	61.604.176.380	5.600.000	11.000,74	(70,43)
39	01/03/2022	61.874.340.670	5.600.000	11.048,98	48,24
40	02/03/2022	61.061.555.821	5.600.000	10.903,84	(145,14)
41	03/03/2022	62.005.319.208	5.600.000	11.072,37	168,53
42	06/03/2022	62.124.595.322	5.600.000	11.093,67	21,30
43	07/03/2022	61.635.143.194	5.600.000	11.006,27	(87,40)
44	08/03/2022	60.671.190.462	5.600.000	10.834,14	(172,13)
45	09/03/2022	60.757.448.662	5.600.000	10.849,54	15,40
46	10/03/2022	60.904.999.937	5.600.000	10.875,89	26,35
47	13/03/2022	60.433.963.679	5.600.000	10.791,77	(84,12)
48	14/03/2022	59.710.327.192	5.600.000	10.662,55	(129,22)
49	15/03/2022	60.100.275.121	5.600.000	10.732,19	69,64

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ VND
50	16/03/2022	60.346.033.684	5.600.000	10.776,07	43,88
51	17/03/2022	60.276.446.891	5.600.000	10.763,65	(12,42)
52	20/03/2022	60.541.593.975	5.600.000	10.810,99	47,34
53	21/03/2022	61.618.030.578	5.600.000	11.003,21	192,22
54	22/03/2022	62.100.332.853	5.600.000	11.089,34	86,13
55	23/03/2022	61.947.547.690	5.600.000	11.062,06	(27,28)
56	24/03/2022	61.677.509.716	5.600.000	11.013,84	(48,22)
57	27/03/2022	61.689.059.810	5.600.000	11.015,90	2,06
58	28/03/2022	61.019.789.183	5.600.000	10.896,39	(119,51)
59	29/03/2022	61.662.690.802	5.600.000	11.011,19	114,80
60	30/03/2022	61.492.816.014	5.600.000	10.980,86	(30,33)
61	31/03/2022	61.658.027.354	5.600.000	11.010,36	29,50
62	03/04/2022	62.907.188.686	5.600.000	11.233,42	223,06
63	04/04/2022	63.080.064.276	5.600.000	11.264,29	30,87
64	05/04/2022	62.759.672.433	5.600.000	11.207,08	(57,21)
65	06/04/2022	63.176.421.189	5.600.000	11.281,50	74,42
66	07/04/2022	62.442.261.813	5.600.000	11.150,40	(131,10)
67	11/04/2022	61.556.400.234	5.600.000	10.992,21	(158,19)
68	12/04/2022	60.612.418.189	5.600.000	10.823,64	(168,57)
69	13/04/2022	61.578.481.913	5.600.000	10.996,15	172,51
70	14/04/2022	61.337.856.842	5.600.000	10.953,18	(42,97)
71	17/04/2022	60.347.465.352	5.600.000	10.776,33	(176,85)
72	18/04/2022	59.135.922.728	5.600.000	10.559,98	(216,35)
73	19/04/2022	57.921.321.771	5.600.000	10.343,09	(216,89)
74	20/04/2022	58.385.862.147	5.700.000	10.243,13	(99,96)
75	21/04/2022	58.026.346.113	5.700.000	10.180,06	(63,07)
76	24/04/2022	58.486.194.177	5.700.000	10.260,73	80,67
77	25/04/2022	55.290.321.170	5.700.000	9.700,05	(560,68)
78	26/04/2022	56.640.797.828	5.700.000	9.936,98	236,93
79	27/04/2022	57.000.045.215	5.700.000	10.000,00	63,02
80	28/04/2022	56.913.922.068	5.700.000	9.984,89	(15,11)
81	30/04/2022	57.718.262.448	5.700.000	10.126,01	141,12
82	03/05/2022	57.708.586.349	5.700.000	10.124,31	(1,70)
83	04/05/2022	56.556.315.710	5.700.000	9.922,16	(202,15)
84	05/05/2022	56.954.762.371	5.700.000	9.992,06	69,90
85	08/05/2022	55.529.224.852	5.700.000	9.741,96	(250,10)
86	09/05/2022	52.990.348.633	5.700.000	9.296,55	(445,41)
87	10/05/2022	54.060.405.473	5.700.000	9.484,28	187,73
88	11/05/2022	54.420.749.770	5.700.000	9.547,49	63,21
89	12/05/2022	51.574.999.017	5.700.000	9.048,24	(499,25)
90	15/05/2022	49.165.855.474	5.700.000	8.625,58	(422,66)
91	16/05/2022	48.747.931.771	5.700.000	8.552,26	(73,32)
92	17/05/2022	51.291.284.632	5.700.000	8.998,47	446,21
93	18/05/2022	51.762.438.798	5.700.000	9.081,12	82,65
94	19/05/2022	51.730.716.535	5.700.000	9.075,56	(5,56)
95	22/05/2022	51.777.521.341	5.700.000	9.083,77	8,21
96	23/05/2022	50.687.444.128	5.700.000	8.892,53	(191,24)
97	24/05/2022	51.402.036.936	5.700.000	9.017,90	125,37
98	25/05/2022	53.058.919.189	5.700.000	9.308,58	290,68

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ VND
99	26/05/2022	53.049.887.724	5.700.000	9.306,99	(1,59)
100	29/05/2022	54.014.251.070	5.700.000	9.476,18	169,19
101	30/05/2022	54.355.350.412	5.700.000	9.536,02	59,84
102	31/05/2022	54.059.469.964	5.700.000	9.484,11	(51,91)
103	01/06/2022	54.157.193.134	5.700.000	9.501,26	17,15
104	02/06/2022	53.646.988.141	5.700.000	9.411,75	(89,51)
105	05/06/2022	53.711.057.503	5.700.000	9.422,99	11,24
106	06/06/2022	53.592.324.458	5.700.000	9.402,16	(20,83)
107	07/06/2022	53.511.179.147	5.700.000	9.387,92	(14,24)
108	08/06/2022	54.410.518.102	5.700.000	9.545,70	157,78
109	09/06/2022	54.431.838.457	5.700.000	9.549,44	3,74
110	12/06/2022	53.566.877.580	5.700.000	9.397,69	(151,75)
111	13/06/2022	50.914.470.956	5.700.000	8.932,36	(465,33)
112	14/06/2022	50.864.212.608	5.700.000	8.923,54	(8,82)
113	15/06/2022	50.308.209.703	5.700.000	8.826,00	(97,54)
114	16/06/2022	51.250.751.501	5.700.000	8.991,35	165,35
115	19/06/2022	50.276.225.861	5.700.000	8.820,39	(170,96)
116	20/06/2022	48.780.510.746	5.700.000	8.557,98	(262,41)
117	21/06/2022	48.440.287.464	5.700.000	8.498,29	(59,69)
118	22/06/2022	48.741.005.518	5.700.000	8.551,05	52,76
119	23/06/2022	49.552.402.884	5.700.000	8.693,40	142,35
120	26/06/2022	49.409.845.321	5.700.000	8.668,39	(25,01)
121	27/06/2022	50.212.387.664	5.700.000	8.809,19	140,80
122	28/06/2022	50.950.384.669	5.700.000	8.938,66	129,47
123	29/06/2022	50.960.245.292	5.700.000	8.940,39	1,73
124	30/06/2022	49.895.489.723	5.700.000	8.753,59	(186,80)
125	03/07/2022	50.085.704.279	5.700.000	8.786,96	33,37
126	04/07/2022	50.064.751.740	5.700.000	8.783,28	(3,68)
127	05/07/2022	49.635.306.261	5.700.000	8.707,94	(75,34)
128	06/07/2022	48.438.031.514	5.700.000	8.497,90	(210,04)
129	07/07/2022	49.104.397.162	5.700.000	8.614,80	116,90
130	10/07/2022	49.358.240.231	5.700.000	8.659,34	44,54
131	11/07/2022	48.527.257.754	5.700.000	8.513,55	(145,79)
132	12/07/2022	49.203.275.064	5.700.000	8.632,15	118,60
133	13/07/2022	49.104.395.199	5.700.000	8.614,80	(17,35)
134	14/07/2022	49.368.928.986	5.700.000	8.661,21	46,41
135	17/07/2022	49.287.683.186	5.700.000	8.646,96	(14,25)
136	18/07/2022	49.112.001.546	5.700.000	8.616,14	(30,82)
137	19/07/2022	49.059.371.572	5.700.000	8.606,90	(9,24)
138	20/07/2022	49.739.702.114	5.700.000	8.726,26	119,36
139	21/07/2022	50.043.375.664	5.700.000	8.779,53	53,27
140	24/07/2022	49.816.460.112	5.700.000	8.739,72	(39,81)
141	25/07/2022	49.506.697.034	5.700.000	8.685,38	(54,34)
142	26/07/2022	49.292.547.928	5.700.000	8.647,81	(37,57)
143	27/07/2022	49.449.912.334	5.700.000	8.675,42	27,61
144	28/07/2022	50.162.143.531	5.700.000	8.800,37	124,95
145	31/07/2022	50.003.632.440	5.700.000	8.772,56	(27,81)
146	01/08/2022	51.025.550.194	5.700.000	8.951,85	179,29
147	02/08/2022	51.321.630.531	5.700.000	9.003,79	51,94

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ VND
148	03/08/2022	51.569.646.697	5.700.000	9.047,30	43,51
149	04/08/2022	51.749.722.397	5.700.000	9.078,89	31,59
150	07/08/2022	51.662.341.060	5.700.000	9.063,56	(15,33)
151	08/08/2022	51.856.832.649	5.700.000	9.097,68	34,12
152	09/08/2022	52.029.201.405	5.700.000	9.127,93	30,25
153	10/08/2022	51.886.830.237	5.700.000	9.102,95	(24,98)
154	11/08/2022	51.565.991.407	5.700.000	9.046,66	(56,29)
155	14/08/2022	51.970.575.769	5.700.000	9.117,64	70,98
156	15/08/2022	52.550.559.804	5.700.000	9.219,39	101,75
157	16/08/2022	52.609.178.126	5.700.000	9.229,68	10,29
158	17/08/2022	52.697.042.003	5.700.000	9.245,09	15,41
159	18/08/2022	52.623.959.982	5.700.000	9.232,27	(12,82)
160	21/08/2022	52.387.613.627	5.700.000	9.190,80	(41,47)
161	22/08/2022	52.080.078.546	5.700.000	9.136,85	(53,95)
162	23/08/2022	52.469.429.665	5.700.000	9.205,16	68,31
163	24/08/2022	52.696.756.647	5.700.000	9.245,04	39,88
164	25/08/2022	53.258.811.990	5.700.000	9.343,65	98,61
165	28/08/2022	53.029.303.791	5.700.000	9.303,38	(40,27)
166	29/08/2022	52.488.086.953	5.700.000	9.208,43	(94,95)
167	30/08/2022	52.525.206.355	5.700.000	9.214,94	6,51
168	31/08/2022	52.666.411.980	5.700.000	9.239,72	24,78
169	01/09/2022	52.663.202.034	5.700.000	9.239,15	(0,57)
170	04/09/2022	52.653.572.426	5.700.000	9.237,46	(1,69)
171	05/09/2022	52.553.305.786	5.700.000	9.219,87	(17,59)
172	06/09/2022	52.591.385.670	5.700.000	9.226,55	6,68
173	07/09/2022	51.200.842.313	5.700.000	8.982,60	(243,95)
174	08/09/2022	50.915.848.941	5.700.000	8.932,60	(50,00)
175	11/09/2022	51.437.852.050	5.700.000	9.024,18	91,58
176	12/09/2022	51.366.897.763	5.700.000	9.011,73	(12,45)
177	13/09/2022	51.324.924.066	5.700.000	9.004,37	(7,36)
178	14/09/2022	51.063.229.171	5.700.000	8.958,46	(45,91)
179	15/09/2022	51.134.317.858	5.700.000	8.970,93	12,47
180	18/09/2022	50.544.215.478	5.700.000	8.867,40	(103,53)
181	19/09/2022	49.425.611.303	5.700.000	8.671,15	(196,25)
182	20/09/2022	49.996.686.791	5.700.000	8.771,34	100,19
183	21/09/2022	49.541.073.568	5.700.000	8.691,41	(79,93)
184	22/09/2022	49.701.171.113	5.700.000	8.719,50	28,09
185	25/09/2022	49.150.692.058	5.700.000	8.622,92	(96,58)
186	26/09/2022	47.818.255.016	5.700.000	8.389,16	(233,76)
187	27/09/2022	47.608.244.316	5.700.000	8.352,32	(36,84)
188	28/09/2022	46.798.997.119	5.700.000	8.210,35	(141,97)
189	29/09/2022	46.230.658.165	5.700.000	8.110,64	(99,71)
190	30/09/2022	46.372.608.058	5.700.000	8.135,54	24,90
191	02/10/2022	46.366.510.162	5.700.000	8.134,47	(1,07)
192	03/10/2022	44.262.666.839	5.700.000	7.765,38	(369,09)
193	04/10/2022	43.880.323.501	5.700.000	7.698,30	(67,08)
194	05/10/2022	44.894.815.386	5.700.000	7.876,28	177,98
195	06/10/2022	43.439.685.141	5.700.000	7.620,99	(255,29)
196	09/10/2022	41.777.721.319	5.700.000	7.329,42	(291,57)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ VND
197	10/10/2022	41.884.336.745	5.700.000	7.348,12	18,70
198	11/10/2022	40.331.448.796	5.700.000	7.075,69	(272,43)
199	12/10/2022	41.715.186.670	5.700.000	7.318,45	242,76
200	13/10/2022	42.297.725.798	5.700.000	7.420,65	102,20
201	16/10/2022	42.808.518.580	5.700.000	7.510,26	89,61
202	17/10/2022	42.467.506.847	5.700.000	7.450,43	(59,83)
203	18/10/2022	42.844.641.244	5.700.000	7.516,60	66,17
204	19/10/2022	42.653.367.835	5.700.000	7.483,04	(33,56)
205	20/10/2022	42.512.366.524	5.700.000	7.458,30	(24,74)
206	23/10/2022	40.726.696.376	5.700.000	7.145,03	(313,27)
207	24/10/2022	39.238.231.309	5.700.000	6.883,90	(261,13)
208	25/10/2022	39.873.635.005	5.700.000	6.995,37	111,47
209	26/10/2022	39.760.223.493	5.700.000	6.975,47	(19,90)
210	27/10/2022	41.404.746.380	5.700.000	7.263,99	288,52
211	30/10/2022	41.367.482.070	5.700.000	7.257,45	(6,54)
212	31/10/2022	41.205.802.293	5.700.000	7.229,08	(28,37)
213	01/11/2022	41.559.722.103	5.700.000	7.291,17	62,09
214	02/11/2022	41.064.865.078	5.700.000	7.204,36	(86,81)
215	03/11/2022	41.024.619.274	5.700.000	7.197,30	(7,06)
216	06/11/2022	39.922.890.661	5.700.000	7.004,01	(193,29)
217	07/11/2022	38.787.320.379	5.700.000	6.804,79	(199,22)
218	08/11/2022	39.062.244.404	5.700.000	6.853,02	48,23
219	09/11/2022	38.935.708.489	5.700.000	6.830,82	(22,20)
220	10/11/2022	37.165.111.625	5.700.000	6.520,19	(310,63)
221	13/11/2022	37.397.471.660	5.700.000	6.560,95	40,76
222	14/11/2022	36.716.219.810	5.700.000	6.441,44	(119,51)
223	15/11/2022	35.383.672.336	5.700.000	6.207,66	(233,78)
224	16/11/2022	36.750.595.041	5.700.000	6.447,47	239,81
225	17/11/2022	37.871.689.257	5.700.000	6.644,15	196,68
226	20/11/2022	37.961.941.493	5.700.000	6.659,98	15,83
227	21/11/2022	37.539.155.405	5.700.000	6.585,81	(74,17)
228	22/11/2022	37.274.605.676	5.700.000	6.539,40	(46,41)
229	23/11/2022	36.983.233.887	5.700.000	6.488,28	(51,12)
230	24/11/2022	37.053.376.395	5.700.000	6.500,59	12,31
231	27/11/2022	38.101.675.920	5.700.000	6.684,50	183,91
232	28/11/2022	39.582.076.067	5.700.000	6.944,22	259,72
233	29/11/2022	40.576.172.845	5.700.000	7.118,62	174,40
234	30/11/2022	41.398.830.570	5.700.000	7.262,95	144,33
235	01/12/2022	41.168.108.257	5.700.000	7.222,47	(40,48)
236	04/12/2022	43.049.419.898	5.700.000	7.552,52	330,05
237	05/12/2022	43.803.763.019	5.700.000	7.684,87	132,35
238	06/12/2022	41.795.827.527	5.700.000	7.332,60	(352,27)
239	07/12/2022	41.431.914.877	5.700.000	7.268,75	(63,85)
240	08/12/2022	42.225.142.128	5.700.000	7.407,91	139,16
241	11/12/2022	42.367.158.852	5.700.000	7.432,83	24,92
242	12/12/2022	41.394.980.920	5.700.000	7.262,27	(170,56)
243	13/12/2022	42.195.361.680	5.700.000	7.402,69	140,42
244	14/12/2022	42.245.009.864	5.700.000	7.411,40	8,71
245	15/12/2022	42.668.159.192	5.700.000	7.485,64	74,24

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ VND
246	18/12/2022	42.597.819.095	5.700.000	7.473,30	(12,34)
247	19/12/2022	42.042.465.359	5.700.000	7.375,87	(97,43)
248	20/12/2022	41.243.656.654	5.700.000	7.235,72	(140,15)
249	21/12/2022	41.213.714.551	5.700.000	7.230,47	(5,25)
250	22/12/2022	41.455.620.622	5.700.000	7.272,91	42,44
251	25/12/2022	41.240.312.744	5.700.000	7.235,14	(37,77)
252	26/12/2022	39.405.914.789	5.700.000	6.913,31	(321,83)
253	27/12/2022	40.328.356.020	5.700.000	7.075,15	161,84
254	28/12/2022	40.693.592.157	5.700.000	7.139,22	64,07
255	29/12/2022	40.439.770.047	5.700.000	7.094,69	(44,53)
256	31/12/2022	40.448.131.571	5.700.000	7.096,16	1,47

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (VND) 51.976.583.714

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong năm

- Mức cao nhất trong năm (VND) 560,68
- Mức thấp nhất trong năm (VND) 0,57

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong năm

- Mức cao nhất trong năm (VND) 11.457,32
- Mức thấp nhất trong năm (VND) 6.207,66

19. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Chứng chỉ quỹ
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành được nhà đầu tư nắm giữ	5.700.000	5.700.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT

20.1 Các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				Đơn vị tính: VND
			Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Doanh thu/(Chi phí)
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý Quỹ (*)	(61.760.925)	(269.601.278)	262.075.240	(69.286.963)	(269.601.278)
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	(16.200.000)	(72.000.000)	72.000.000	(16.200.000)	(72.000.000)

(*) Giá dịch vụ quản lý Quỹ là 0.6% NAV/năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT (tiếp theo)

20.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Trụ sở chính

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				Doanh thu/ (Chi phí)
			Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Trụ sở chính	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán	212.713.474	4.863.961.180	(4.835.932.007)	240.742.647	4.863.961.180
		Lãi từ tiền gửi thanh toán	-	662.220	(662.220)	-	662.220
		Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ ETF	(20.000.000)	(242.379.074)	242.379.074	(20.000.000)	242.379.074
		Trong đó:					
		- Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	(20.000.000)	(240.000.000)	240.000.000	(20.000.000)	240.000.000
		- Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	-	(2.379.074)	2.379.074	-	2.379.074
		Giá dịch vụ giám sát Quỹ	(5.500.000)	(66.000.000)	66.000.000	(5.500.000)	66.000.000
		Giá dịch vụ quản trị Quỹ	(16.500.000)	(198.000.000)	198.000.000	(16.500.000)	198.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 do Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ xem xét các quyết định đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 47.008.962.000 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ giảm (4.700.896.200) đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ tăng lên 4.700.896.200 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản phải thu là cổ tức tại thời điểm cuối năm có thời hạn thanh toán ngắn, các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Dưới 3 tháng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023		
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.800.000	1.800.000
Chi phí phải trả	59.400.000	59.400.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	219.922.961	219.922.961
Tổng cộng	281.122.961	281.122.961
	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Dưới 3 tháng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022		
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.800.000	1.800.000
Chi phí phải trả	62.200.000	62.200.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	200.424.873	200.424.873
Tổng cộng	264.424.873	264.424.873

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ không phát sinh nợ và vay nên không có tài sản đảm bảo cho các khoản nợ và vay.

Quỹ không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
1	Tỷ lệ chi phí hoạt động = Tổng chi phí hoạt động trong năm/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (*)	2,57%	2,32%
2	Tốc độ vòng quay danh mục trong năm = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm/2	8,63%	14,81%

(*) Chi phí hoạt động bao gồm Chi phí đầu tư.

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 03 năm 2024

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ETF IPAAM VN100

Kính gửi: Đại hội Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư ETF IPAAM VN100

1. Thành phần và cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ

Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 được các nhà đầu tư bầu trên cơ sở phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng (IPO) của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2021. Theo đó, Chủ tịch và Thành viên Ban Đại diện quỹ đã được bầu bao gồm:

- Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Chủ tịch, Thành viên độc lập
- Bà Phí Thị Thùy Dung – Thành viên độc lập
- Bà Hoàng Thị Minh Phương – Thành viên độc lập

Cơ cấu của Ban Đại diện quỹ đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100, cụ thể:

- Trong Ban Đại diện quỹ có 3/3 thành viên là thành viên độc lập, đáp ứng tiêu chuẩn tối thiểu 2/3 thành viên Ban Đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
- Các thành viên Ban Đại diện quỹ đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100:
 - o Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - o Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - o Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.
- Chủ tịch Ban Đại diện quỹ là thành viên độc lập, đáp ứng quy định tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100.

2. Hoạt động của Ban Đại diện quỹ trong năm 2023

Ban Đại diện quỹ ETF IPAAM VN100 đã đảm bảo mỗi quý họp ít nhất một lần. Trong năm 2023, Ban Đại diện quỹ đã thông qua các nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 03/2022/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 03/03/2023 phê duyệt:
 - Thông qua việc tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2023 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
 - Ủy quyền và giao Ban điều hành Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện các công việc cần thiết để tiến hành tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2023.
- Nghị quyết số 02/2023/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 29/06/2023 phê duyệt:
 - Thông qua việc lựa chọn Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho Quỹ năm 2023.
 - Ủy quyền và giao Ban điều hành Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện các công việc cần thiết để ký Hợp đồng với Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Trên đây là báo cáo của Ban Đại diện quỹ gửi Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100.

Trân trọng!

TM. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ETF IPAAM VN100

CHỦ TỊCH



NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC
QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023**

Kính gửi: - Đại hội Nhà Đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100

- Ban Đại Diện Quỹ (“BDD Quỹ”)

- Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán L.P.A (“IPAAM”)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam xin báo cáo đến Đại hội Nhà đầu tư về việc cung cấp dịch vụ lưu ký và giám sát đối với Quỹ như sau:

1. Tóm tắt các thông tin chung về Quỹ

Tên quỹ : Quỹ ETF IPAAM VN100

Tên viết tắt : IPAAM VN100

Giấy CNĐK số : 37/GCN-UBCK cấp ngày 14/09/2021

Trụ sở chính : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Dựa theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ cho năm tài chính 2023, tình hình biến động vốn của Quỹ trong giai đoạn trên như sau:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2022	Phát sinh trong năm	Tại ngày 31/12/2023
Vốn góp phát hành				
Số lượng	CCQ	5.700.000	-	5.700.000
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	57.000.000.000	-	57.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành	VND	423.301.296	-	423.301.296
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	VND	57.423.301.296	-	57.423.301.296
Vốn góp hoán đổi lại				
Số lượng	CCQ	-	-	-
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	-	-	-
Thặng dư vốn góp hoán đổi lại	VND	-	-	-
Tổng giá trị hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	VND	-	-	-
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	CCQ	5.700.000	-	5.700.000
Giá trị vốn góp của Nhà đầu tư theo mệnh giá	VND	57.423.301.296	-	57.423.301.296
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	(16.975.169.725)	6.553.332.115	(10.421.837.610)
NAV hiện hành	VND	40.448.131.571	6.553.332.115	47.001.463.686
NAV hiện hành/1 CCQ	VND/CCQ	7.096,16		8.245,87
NAV hiện hành/1 lô chứng chỉ quỹ	NAV/Lô CCQ	709.616.343		824.587.082

(Về chi tiết các thông tin tài chính của Quỹ xin vui lòng tham khảo trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

2. Báo cáo về việc giám sát hoạt động quản lý Quỹ của Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A (“IPAAM”) đối với Quỹ ETF IPAAM VN100 (“IPAAM VN100”)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, IPAAM đã thực hiện việc lập báo cáo định kỳ theo đúng quy định, cung cấp đầy đủ các chứng từ liên quan đến các giao dịch tài sản mà Quỹ đã thực hiện cho Ngân hàng giám sát (“NHGS”).

Trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của NHGS đối với Quỹ ETF IPAAM VN100, Ngân hàng ghi nhận một số nội dung sau:

2.1. Hợp đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2023

Căn cứ theo Thông tư 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”), Quỹ đã tổ chức Đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2023 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, theo đó Đại hội đã thông qua các nội dung sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động thường niên năm 2022 của Quỹ ETF IPAAM VN100;
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 và phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2022;
- Báo cáo hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2022 và kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2023;
- Ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ lựa chọn và phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ ETF IPAAM VN100 trong năm 2023 là một trong bốn công ty kiểm toán sau:
 - Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (“PWC”);
 - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (“E&Y”);
 - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (“Deloitte”);
 - Công ty TNHH KPMG (“KPMG”).

NGÂN HÀNG
ĐẦU TƯ
VIỆT
KIỂM

2.2. Cuộc họp của Ban đại diện theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ

Ban Đại diện quỹ ETF IPAAM VN100 đã đảm bảo mỗi quý họp ít nhất một lần. Trong năm 2023, Ban Đại diện quỹ đã thông qua các nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 03/2022/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 03/03/2023 phê duyệt:
 - Thông qua việc tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2023 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
 - Ủy quyền và giao Ban điều hành Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện các công việc cần thiết để tiến hành tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2023.
- Nghị quyết số 02/2023/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 29/06/2023 phê duyệt:
 - Thông qua việc lựa chọn Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho Quỹ năm 2023.
 - Ủy quyền và giao Ban điều hành Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện các công việc cần thiết để ký Hợp đồng với Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

2.3. Hoạt động đầu tư và giao dịch tài sản của quỹ

Xin vui lòng xem chi tiết hoạt động đầu tư và giao dịch tài sản của quỹ đã được đề cập trong “Báo cáo của Ngân hàng giám sát” được đính kèm Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023 của Quỹ ETF IPAAM VN100.

3. Báo cáo về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát, Lưu ký

Với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF IPAAM VN100, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong việc cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký chứng khoán, dịch vụ quản lý tài sản của Quỹ ETF IPAAM VN100, thể hiện trong một số nội dung như sau:

- Thực hiện việc lưu ký các tài sản của Quỹ an toàn, đồng thời quản lý tách biệt tài sản Quỹ với những tài sản của công ty quản lý, những tài sản của các quỹ khác của cùng một công ty quản lý, những tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và những tài sản của Ngân hàng giám sát.
- Việc chuyển giao tài sản của quỹ trong hoạt động đầu tư, thoái vốn đầu tư chỉ được thực hiện theo chỉ thị bằng văn bản của công ty quản lý quỹ theo đúng quy định tại hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát.
- Việc thanh toán các giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải tuân thủ các nguyên tắc giao dịch chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền và các nguyên tắc bù trừ, thanh toán theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán các giao dịch tài sản khác thì phải thực hiện theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ và các quy định pháp luật khác nếu có liên quan. Mọi giao dịch chuyển khoản, thanh toán tiền,

chuyển giao tài sản đều phải thực hiện đúng đến các đối tác giao dịch của quỹ, các tài khoản của quỹ. Giá trị thanh toán phải phù hợp với khối lượng tài sản, giá giao dịch và đúng với số tiền ghi trong các chứng từ thanh toán.

- Thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời, theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ; thực thi đầy đủ, kịp thời các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của quỹ.
- Xác nhận các báo cáo về tài sản của quỹ do công ty quản lý quỹ lập, bảo đảm khối lượng tài sản trong báo cáo là đúng, đầy đủ, chính xác với thực trạng tài sản lưu ký tại ngân hàng.
- Tham gia và cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các cuộc họp Ban đại diện quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.
- Thực hiện báo cáo và lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và hợp đồng giám sát.
- Thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Báo Cáo Giám Sát hoạt động của Quỹ hoán đổi danh mục được dựa trên các thông tin, tài liệu và dữ liệu được cung cấp bởi Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo này không bao gồm các vấn đề và các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Ngân hàng giám sát do các thông tin bị che giấu hoặc được cung cấp không chính xác bởi Công ty Quản lý Quỹ.

Đại diện Ngân hàng giám sát



Võ Trí Thanh

Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ETF IPAAM VN100

Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ cho các Nhà đầu tư chỉ có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản Cáo Bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

Quỹ ETF IPAAM VN100 được mô tả trong Bản Cáo Bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được cập nhật và đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày ... /.../2024

1. Tên của Quỹ: **QUỸ ETF IPAAM VN100**

2. Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số: 37/GCN-UBCK ngày 14/9/2021

3. Loại hình: **Quỹ ETF**

4. Người phụ trách công bố thông tin.

Bà Nguyễn Hồ Nga - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Địa chỉ : Công Ty TNHH một thành viên Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39410 510; Fax: 024 39410 500

Website : www.ipaam.com.vn

5. Nơi cung cấp Bản cáo bạch:

Công Ty TNHH Một thành viên Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A (IPAAM)

Địa chỉ : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39410 510; Fax: 024 39410 500

Website : www.ipaam.com.vn

Các Đại lý phân phối theo quy định tại Bản Cáo bạch này.

THÔNG TIN QUAN TRỌNG

Đây là những thông tin quan trọng dành cho nhà đầu tư trước khi thực hiện việc đăng ký mua chứng chỉ Quỹ ETF IPAAM VN100. Nhà đầu tư cần đọc và nghiên cứu kỹ trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.

Chứng chỉ Quỹ ETF IPAAM VN100 được phép phát hành ra công chúng dựa trên những thông tin và cam kết được công bố tại Bản cáo bạch này. Bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác do người môi giới, đại lý phân phối hay những người khác đưa ra sẽ không được xem là đưa ra theo sự ủy quyền của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ hay người đại diện của Quỹ hoặc Công ty quản lý quỹ. Không người nào có quyền đưa ra bất kỳ thông tin hay cam kết nào khác với những nội dung trong Bản cáo bạch này và những văn bản đính kèm.

Việc lưu hành Bản cáo bạch cũng như phân phối hay phát hành Chứng chỉ Quỹ trong bất kỳ trường hợp nào cũng không tạo ra bất kỳ sự ám chỉ nào về việc không có bất kỳ thay đổi nào về tình hình hoạt động của Quỹ kể từ ngày ban hành Bản cáo bạch này. Bản cáo bạch này không tạo ra việc chào bán hoặc thuyết phục bởi bất kỳ người nào tại bất kỳ quốc gia nào mà việc chào bán hoặc thuyết phục đó không được phê chuẩn hoặc chào bán hoặc thuyết phục cho bất kỳ người nào không được phép theo quy định pháp luật của nước đó.

Việc lưu hành Bản cáo bạch và phân phối chứng chỉ quỹ ở một số quốc gia có thể bị giới hạn bởi luật pháp nước đó. Nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký mua chứng chỉ quỹ có trách nhiệm cập nhật, hiểu và tuân thủ bất kỳ hạn chế nào nói trên cùng với các quy định luật pháp về quản lý ngoại hối, thuế quan hiện hành tại nước nơi họ cư trú, thường trú hoặc tạm trú.

Nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cần tham khảo ý kiến chuyên môn để biết thêm về vấn đề thuế, các quy định pháp luật và các giao dịch ngoại tệ và biện pháp kiểm soát hối đoái liên quan đến việc mua, bán và nắm giữ chứng chỉ Quỹ sẽ bị điều chỉnh bởi pháp luật của nước mình như thế nào. Nhà đầu tư hiểu và đồng ý rằng giá trị chứng chỉ quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quỹ có thể tăng lên hay giảm xuống. Theo đó, tại thời điểm giải thể Quỹ, giá trị thu hồi của các chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ có thể thấp hơn giá trị ban đầu.

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng, kết quả hoạt động trong quá khứ của Công ty Quản lý quỹ không nhất thiết hàm ý rằng hiệu quả hoạt động trong tương lai của Công ty cũng sẽ như vậy. Nhà đầu tư cần đọc kỹ Bản cáo bạch này, Điều lệ Quỹ và các tài liệu khác có liên quan đến Quỹ ETF IPAAM VN100 do Công ty Quản lý quỹ và các đại lý phân phối được Công ty Quản lý quỹ chỉ định, được nêu trong Bản cáo bạch này trước khi đầu tư vào Quỹ. Đặc biệt, giá trị chứng chỉ Quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường. Việc đầu tư vào Quỹ ETF IPAAM VN100 không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư, nhà đầu tư cũng cần xem xét kỹ các yếu tố rủi ro trong việc đầu tư vào chứng chỉ Quỹ được nêu trong Bản cáo bạch này.

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH NÀY	4
1.	Tổ chức phát hành	4
2.	Ngân hàng giám sát	4
II.	CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA	5
III.	CƠ HỘI ĐẦU TƯ VÀO QUỸ	9
1.	Giới thiệu về chỉ số tham chiếu VN100	9
2.	Lợi ích khi đầu tư vào quỹ ETF	12
IV.	THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	13
1.	Các thông tin chung về Công Ty Quản Lý Quỹ	13
2.	Tình hình hoạt động của IPAAM	13
3.	Giới thiệu nhân sự chủ chốt của công ty quản lý quỹ	13
V.	NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	14
VI.	CÔNG TY KIỂM TOÁN	15
VII.	THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG VÀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI	15
VIII.	TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN	15
IX.	CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ETF IPAAM VN100	16
1.	Thông tin chung về Quỹ	16
2.	Điều lệ Quỹ	17
2.1.	Các điều khoản chung	17
2.2.	Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế	18
2.3.	Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư	20
2.4.	Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ ETF	27
2.5.	Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ	29

2.6.	Thông tin về các mức giá dịch vụ mà quỹ phải trả	32
2.7.	Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế	32
2.8.	Đại hội nhà đầu tư	32
2.9.	Ban đại diện quỹ	35
2.10.	Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ	39
2.11.	Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của ngân hàng giám sát	42
2.12.	Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo	44
3.	Mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư và hạn mức đầu tư của quỹ	45
4.	Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ	49
X.	QUY TRÌNH GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI ĐỊNH KỲ (GIAO DỊCH SƠ CẤP)	52
1.	Nguyên tắc thực hiện	52
2.	Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ:	55
3.	Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu:	59
4.	Xác nhận kết quả giao dịch, đăng ký, lưu ký Chứng Chỉ Quỹ:	60
5.	Các trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ:	60
6.	Xử lý các trường hợp vượt tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư	61
7.	Sửa, hủy giao dịch hoán đổi	62
8.	Tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi	63
9.	Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại	64
XI.	NIÊM YẾT, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ TRÊN HOSE (GIAO DỊCH THỨ CẤP) VÀ HỦY NIÊM YẾT	64
XII.	NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	65
a.	Thời điểm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng	65
b.	Ngày định giá	66
c.	Công bố giá trị tài sản ròng:	66
d.	Nguyên tắc, phương pháp định giá tài sản ròng	66

XIII.	GIÁ DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ VÀ CÁC LOẠI GIÁ DỊCH VỤ	68
a.	Giá dịch vụ giao dịch chứng chỉ quỹ.....	68
b.	Các loại giá dịch vụ do quỹ trả.....	69
XIV.	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ CHÍNH SÁCH THUẾ	74
XV.	KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	75
XVI.	GIẢI QUYẾT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	75
XVII.	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ	76
XVIII.	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC VÀ GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	77
XIX.	CAM KẾT	77
XX.	PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	77

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH NÀY

1. Tổ chức phát hành

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán I.P.A (IPAAM)

Bà PHẠM MINH HƯƠNG Chức vụ: Chủ tịch Công ty

Bà NGUYỄN HỒ NGÀ Chức vụ: Tổng giám đốc

Bà NGUYỄN THỊ THÚY LAN Chức vụ: Kế toán trưởng

Giấy phép số: 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/03/2008

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39410 510

Fax: 024 39410 500

Website: www.ipaam.com.vn

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý. Tuy vậy, thông tin trong Bản Cáo Bạch này chưa được thẩm định bởi bất kỳ bên nào khác ngoại trừ như được đề cập tại Bản Cáo Bạch này.

2. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Trí Thanh

Chức vụ: Trưởng Trung Tâm Dịch Vụ Khách hàng

Giấy ủy quyền số 458/UQ-VCB-TNKDV ngày 31/08/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

Trụ sở đăng ký: 198 đường Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019.

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) cấp ngày 07/07/2006.

Điện thoại: 024 39343 137

Fax: 024 38265 548

Website: <http://www.vietcombank.com.vn>

Ngân hàng Giám sát chỉ chịu trách nhiệm về các nội dung liên quan đến các dịch vụ do Ngân hàng cung cấp.

Với tư cách là Ngân hàng Giám sát của Quỹ ETF IPAAM VN100, trách nhiệm của VCB được quy định theo pháp luật có liên quan và trong các Hợp đồng cung cấp dịch vụ có liên quan giữa VCB với IPAAM – Công ty quản lý quỹ của Quỹ ETF IPAAM VN100.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Tại Bản Cáo Bạch này, các từ, cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

“Bản Cáo Bạch”	Là tài liệu này hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và niêm yết Chứng chỉ Quỹ của Quỹ.
“Ban Đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ ETF, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
“Bỏ phiếu điện tử (e-voting)”	Là hình thức giúp các Nhà đầu tư có thể thực hiện quyền bỏ phiếu của mình qua mạng internet, thông qua máy tính và các thiết bị di động.
“Chỉ Số Tham Chiếu”	Là chỉ số VN100, một chỉ số thị trường bao gồm cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap do HOSE xây dựng và quản lý trong đó (1) VN30 là chỉ số được xây dựng từ rổ cổ phiếu thành phần của VNAllshare (là tất cả các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng đủ điều kiện tham gia vào bộ chỉ số của HOSE), gồm 30 công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu đáp ứng các điều kiện theo quy định của HOSE và (2) VNMidcap là chỉ số được xây dựng từ rổ cổ phiếu thành phần của VNAllshare, gồm 70 công ty có giá trị vốn hóa sau VN30 đáp ứng các điều kiện theo quy định của HOSE.
“Chứng Chỉ Quỹ”/ “Chứng Chỉ Quỹ ETF”	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ ETF. Mệnh giá chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
“Chứng Khoán Cơ Cấu”	Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu.
“Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu”	Là danh mục bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của Chỉ Số Tham Chiếu và được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ ETF.

“Công Ty Kiểm Toán”	Là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ ETF, nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF. Công ty kiểm toán được Đại Hội Nhà Đầu Tư (hoặc Ban Đại Diện Quỹ theo ủy quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư) quyết định hàng năm theo Điều lệ quỹ và pháp luật có liên quan.
“Công Ty Quản Lý Quỹ” hoặc “Công Ty Quản Lý Quỹ I.P.A”	Là Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán I.P.A được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008. Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán I.P.A được ủy thác quản lý Quỹ ETF IPAAM VN100, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	Là đại hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF.
“Đại Lý Chuyển Nhượng”	Là Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
“Đại Lý Phân Phối”	Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ ETF với Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ.
“Điều Lệ Quỹ”	Bao gồm Điều Lệ Quỹ và các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi, bổ sung hợp pháp (nếu có).
“Giá Dịch Vụ Mua Lại”	Là giá dịch vụ mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện hoán đổi các lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.
“Giá Dịch Vụ Phát Hành”	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để trang trải những chi phí cho việc phát hành Chứng Chỉ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ.
“Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ/NAV”	Là tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày Định Giá.

“Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu Trên Một Chứng Chỉ Quỹ (iNAV)”	Là Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ ETF được xác định trong phiên giao dịch.
“HNX”	Là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.
“Hợp Đồng Giám Sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ.
“HOSE”	Là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
“Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi”	Bao gồm lệnh mua, trong đó Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và phát hành các Lô Chứng Chỉ Quỹ và lệnh bán, trong đó Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.
“Lô Chứng Chỉ Quỹ”/ “Lô ETF”	Một lô chứng chỉ quỹ ETF bao gồm một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ. Lô ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ ETF và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.
“Lợi Tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư.
“Năm Tài Chính”	Được tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ ETF sẽ được tính từ đầu ngày Quỹ ETF được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ đầu ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

“Ngân Hàng Giám Sát”	Là Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/6/2008, thay đổi lần 13 ngày 16/01/2019 và Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 02/5/2003, Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số 18/GCNTVLK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam (nay là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) cấp ngày 07/07/2006, cung cấp các dịch vụ (1) Bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (2) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ quản lý tài sản của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện.
“Ngày Định Giá”	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ETF theo quy định pháp luật hiện hành.
“Ngày Giao Dịch Hoán Đổi”	Là Ngày Định Giá mà Quỹ ETF, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ phát hành và mua lại các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
“Nhà Đầu Tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ.
“Quỹ Hoán Đổi Danh Mục”/ “Quỹ ETF”/ “Quỹ”	Là Quỹ ETF IPAAM VN100, một loại hình quỹ mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ. Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh
“Sở Giao Dịch Chứng Khoán”	Là Sở Giao Dịch Chứng Khoán mà Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết.
“Thành Viên Lập Quỹ”/ “AP”	Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF với Công Ty Quản Lý Quỹ.
“Thời Điểm Đóng Sở Lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch Hoán Đổi. Thời Điểm Đóng Sở Lệnh được quy định tại Điều Lệ Quỹ, công bố công khai tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong Ngày Giao Dịch Hoán Đổi của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

“Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường”	Là Thành Viên Lập Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ ETF.
“VSDC”	Là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
“UBCKNN”	Là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
“Vốn Điều Lệ”	Là Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ETF tại thời điểm kết thúc đợt chào bán lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ Quỹ.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ VÀO QUỸ

1. Giới thiệu về chỉ số tham chiếu VN100

Chỉ Số VN100 là chỉ số thị trường được HOSE xây dựng từ cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMiccap, trong đó bao gồm 100 cổ phiếu có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu niêm yết trên HOSE đáp ứng điều kiện tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc như được trình bày chi tiết dưới đây. Chỉ số VN100 được tính toán dựa trên phương pháp giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

1.1. Các định nghĩa và khái niệm

- Giá trị vốn hóa: là bình quân của giá trị vốn hóa hàng ngày trong 12 tháng gần nhất tính tới ngày chốt dữ liệu xem xét. Đối với cổ phiếu có thời gian niêm yết dưới 12 tháng, giá trị vốn hóa là bình quân của giá trị vốn hóa hàng ngày từ thời điểm niêm yết tới ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Giá trị vốn hóa điều chỉnh tỷ lệ tự do chuyển nhượng (free-float): là giá trị vốn hóa X tỷ lệ free-float.
- Tỷ lệ free-float làm tròn: là tỷ lệ free-float làm tròn lên đến số gần nhất là bội số của 5% (5%, 10%, 15%... 100%).
- Giá trị giao dịch: là bình quân của trung vị giá trị giao dịch hàng ngày, tính cả giao dịch khớp lệnh và giao dịch thỏa thuận, trong tháng của 12 tháng gần nhất tính tới ngày chốt dữ liệu xem xét. Đối với cổ phiếu có thời gian niêm yết dưới 12 tháng, giá trị giao dịch được tính là bình quân của trung vị giá trị giao dịch hàng ngày trong tháng từ thời điểm niêm yết tới ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không tự do chuyển nhượng bao gồm một trong các trường hợp sau: thuộc sở hữu của cổ đông nội bộ và Người Có Liên Quan; của cổ đông chiến lược; của cổ đông

nhà nước; thuộc sở hữu chéo trực tiếp giữa các công ty; thuộc sở hữu của các đối tượng còn trong thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; thuộc sở hữu của cổ đông lớn (ngoại trừ nắm giữ của các tổ chức kinh doanh bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán).

1.2. Ngày chốt dữ liệu và hiệu lực

- (a) Ngày chốt dữ liệu là ngày giao dịch cuối cùng của tháng 6 và 12 đối với việc xem xét thay đổi định kỳ thành phần chỉ số, tháng 3 và 9 đối với việc cập nhật thông tin khối lượng lưu hành và free-float cổ phiếu.
- (b) Các thay đổi và cập nhật có hiệu lực áp dụng từ ngày thứ hai lần thứ nhất của tháng 2, 5, 8 và 11.

1.3. Tư cách tham gia vào chỉ số VN100

Cổ phiếu đủ tư cách tham gia vào Chỉ số VN100 khi không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Cổ phiếu thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch trong vòng 3 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- b. Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE dưới 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét. Đối với cổ phiếu mới niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường thuộc Top-5 tính tại ngày chốt dữ liệu xem xét thì thời gian niêm yết dưới 3 tháng.

1.4. Tỷ lệ Free – float

Tỷ lệ free-float là tỷ lệ khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng so với khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường.

$$f = \frac{\text{khối lượng CP đang lưu hành} - \text{Khối lượng CP không tự do chuyển nhượng}}{\text{Khối lượng CP đang lưu hành}}$$

Điều kiện sàng lọc về tỷ lệ free-float:

$f > 10\%$: đáp ứng điều kiện tham gia vào Chỉ số VN100.

$f < 10\%$: loại khỏi Chỉ Số VN100, ngoại trừ cổ phiếu có giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float lớn hơn trung vị của tập hợp 90% giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float của rổ cổ phiếu đủ tư cách tham gia vào Chỉ số VN100 trong Mục 3.3.

1.5. Thanh khoản

Các cổ phiếu được sàng lọc thanh khoản bằng cách tính tỷ suất quay vòng chứng khoán

$$\text{Tỷ suất quay vòng} = \frac{\text{Giá trị giao dịch}}{\text{Giá trị vốn hóa điều chỉnh free float}}$$

Cổ phiếu không thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,05% sẽ bị loại khỏi bộ chỉ số.

Cổ phiếu thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,04% sẽ bị loại.

1.6. Phương pháp chọn cổ phiếu tại kỳ xem xét

Cổ phiếu thành phần của các chỉ số sẽ được xem xét bán niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm.

Tập hợp các cổ phiếu đáp ứng các điều kiện nêu tại mục 3.3, 3.4, 3.5 là thành phần của chỉ số VNAllshares. Các cổ phiếu thuộc tập hợp 90% giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare sẽ được sắp xếp theo thứ tự giảm dần về giá trị vốn hóa.

Cổ phiếu đứng ở vị trí 70 trở lên: luôn được chọn vào rổ Chỉ số VN100.

Cổ phiếu đứng ở vị trí 71 đến 110: ưu tiên cổ phiếu đã có trong danh mục cổ phiếu thành phần của rổ Chỉ Số VN100 kỳ trước, sau đó mới xem xét đến cổ phiếu mới sao cho số lượng trong rổ bằng 100 cổ phiếu.

1.7. Phương pháp tính toán chỉ số giá

Công thức tính chỉ số:

$$\text{Chỉ số} = \frac{CMV}{\text{Hệ số chia}}$$

Trong đó:

- CMV: Giá trị vốn hóa của thị trường hiện tại

$$CMV = \sum_{i=1}^n (P_i \times S_i \times f_i \times C_i)$$

+ n: số cổ phiếu trong chỉ số, $i = 1, 2, 3 \dots n$.

+ P_i : giá của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.

+ S_i : khối lượng đang lưu hành của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.

+ f_i : tỷ lệ free-float làm tròn của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.

+ C_i : hệ số giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.

Hệ số chia: Tại ngày cơ sở, hệ số chia bằng giá trị vốn hóa thị trường vào thời điểm đóng cửa chia cho giá trị cơ sở của chỉ số. Trong trường hợp tăng/giảm CMV do những nguyên nhân khác với biến động giá trên thị trường, hệ số chia sẽ được điều chỉnh nhằm đảm bảo tính liên tục của Chỉ số VN100.

1.8. Giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu thành phần

Để tránh tình trạng một hay một vài cổ phiếu trong chỉ số chiếm tỷ trọng vốn hóa quá lớn, tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu thành phần trong rổ Chỉ số VN100 được giới hạn ở 10%.

Công thức tính giới hạn tỷ trọng vốn hóa:

$$C_i = \frac{10\%}{I \times GTVH_{-}f_i} \sum_{j=1}^J GTVH_{-}f_j$$

Trong đó:

- C_i : hệ số giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu.
- I : tổng tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu không bị giới hạn tỷ trọng.
- $GTVH_{f_i}$: giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float làm tròn của cổ phiếu bị giới hạn tỷ trọng vốn hóa.
- $GTVH_{f_j}$: giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float làm tròn của cổ phiếu không bị giới hạn tỷ trọng vốn hóa.
- J : tập hợp các cổ phiếu không bị giới hạn tỷ trọng vốn hóa.

2. Lợi ích khi đầu tư vào quỹ ETF

Là một loại hình quỹ mở, quỹ ETF sở hữu các ưu điểm của một quỹ mở như đa dạng hóa Danh Mục Đầu Tư, thanh khoản cao, và quản lý chuyên nghiệp bởi một Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngoài ra, các lợi ích đặc thù khi đầu tư vào Quỹ ETF bao gồm:

2.1. Sản phẩm đầu tư có tính minh bạch cao, dễ theo dõi và được quản lý chuyên nghiệp

Quỹ ETF IPAAM VN100 được quản lý đầu tư bởi đội ngũ người điều hành quỹ chuyên nghiệp, có chuyên môn, kinh nghiệm đầu tư và nguồn lực để quản lý tài sản hiệu quả. Danh mục đầu tư và Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ETF IPAAM VN100 được công bố cho Nhà Đầu Tư một cách minh bạch và thường xuyên. Nhà Đầu Tư biết rõ danh mục đầu tư của Quỹ trước khi quyết định đầu tư, dễ dàng theo dõi các thay đổi của giá trị khoản đầu tư của mình nhờ hệ thống định giá tài sản ròng được cập nhật theo thời gian thực của HOSE.

2.2. Sản phẩm đầu tư vào danh mục cổ phiếu đa dạng với chi phí hợp lý

Quỹ ETF IPAAM VN100 mô phỏng Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu là 100 cổ phiếu có tỷ lệ vốn hóa lớn và vừa niêm yết trên HOSE. Thông thường, để sở hữu một danh mục đa dạng tương tự nếu tự đầu tư thì Nhà Đầu Tư phải có vốn lớn, tuy nhiên khi Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết trên HOSE, Nhà Đầu Tư có thể thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ để sở hữu một phần của rổ danh mục đa dạng với số vốn khá nhỏ. Việc mô phỏng chỉ số cũng giúp giảm thiểu rủi ro phi hệ thống khi đầu tư vào những cổ phiếu riêng lẻ.

Ngoài ra, hình thức quỹ đầu tư thụ động giúp Quỹ ETF IPAAM VN100 có chi phí quản lý và chi phí nghiên cứu phân tích đầu tư thấp so với các quỹ đầu tư chủ động. Nhờ đó, Quỹ mang lại cơ hội đầu tư nhanh chóng, thuận tiện vào một chỉ số tham chiếu trên thị trường với chi phí thấp, thay vì tự đầu tư vào nhiều chứng khoán khác nhau với chi phí lớn hơn và rủi ro cao hơn.

2.3. Sản phẩm đầu tư có thanh khoản cao

Đầu tư vào Quỹ ETF IPAAM VN100 thừa hưởng những ưu điểm của cả loại hình quỹ đóng và quỹ mở về thanh khoản giao dịch. Chứng Chỉ Quỹ có thể giao dịch sơ cấp trực tiếp với Công Ty Quản Lý Quỹ thông qua giao dịch hoán đổi với các Thành Viên Lập Quỹ hoặc giao dịch thứ cấp trên sàn HOSE. Tùy thuộc vào nhu cầu, Nhà Đầu Tư có thể dễ dàng mua bán trên thị trường như một cổ phiếu thông thường với giá tiệm cận với Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ,

hoặc có thể giao dịch lô lớn với Công Ty Quản Lý Quỹ nếu xét thấy thị trường giao dịch không đảm bảo thanh khoản.

2.4. Sản phẩm đầu tư không bị hạn chế về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Quỹ ETF IPAAM VN100 không bị hạn chế về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Do vậy, Quỹ đem lại cơ hội đầu tư cho các nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu phân bổ đầu tư vào các cổ phiếu đã hết room ngoại trong rổ các cổ phiếu của Chỉ Số Tham Chiếu VN100.

IV. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công Ty Quản Lý Quỹ

Tên công ty: Công ty TNHH Một thành viên Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

Tên tiếng Anh: I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

Tên giao dịch: IPAAM

Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39410 510

Fax: 024 39410 500

Website: www.ipaam.com.vn

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng).

IPAAM được thành lập từ năm 2008, là công ty con 100% sở hữu thuộc Tập đoàn đầu tư IPA.

IPAAM cung cấp các dịch vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán cho các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức. IPAAM hiện đang quản lý 03 quỹ mở gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF) và Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VNDCF).

2. Tình hình hoạt động của IPAAM

Trong những năm đầu tiên sau khi thành lập, IPAAM chủ yếu tập trung quản lý đầu tư cho Tập đoàn đầu tư IPA và các công ty con của Tập đoàn. Với đội ngũ nhân sự tinh giản, có chuyên môn sâu, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trong suốt 16 năm hoạt động Công ty luôn đảm bảo có kết quả lợi nhuận tốt và ổn định qua từng năm.

Công ty IPAAM hiện đang cung cấp dịch vụ quản lý quỹ cho 03 quỹ mở và dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho một số nhà đầu tư trong nước.

3. Giới thiệu nhân sự chủ chốt của công ty quản lý quỹ

Phạm Minh Hương – Chủ tịch công ty

Bà Phạm Minh Hương có gần 30 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Từng giữ cương vị Giám đốc kinh doanh vốn và tài chính tại Citibank N.A, bà là một trong những thành viên đầu tiên đóng góp vào sự phát triển hoạt động của Ngân hàng. Bà cũng đã đóng góp rất lớn trong việc xây dựng nền móng và phát triển Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn SSI, từ một công ty hoạt động môi giới với quy mô vốn 20 tỷ đồng trở thành một trong những định chế ngân hàng đầu tư lớn nhất ở Việt Nam.

Hiện bà đang nắm giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT và Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bru điện. Dưới sự lãnh đạo của bà, VNDIRECT đã trở thành một công ty chứng khoán có dịch vụ khách hàng cá nhân uy tín nhất trên thị trường Việt Nam hiện nay. Bà cũng là một nhà lãnh đạo có tầm nhìn xa và là người tiên phong trong việc đưa sản phẩm mới tới thị trường. Sự đóng góp của Bà với cộng đồng chứng khoán có ảnh hưởng rất lớn và uy tín hoạt động cá nhân đã giúp cho Bà luôn là một nhà lãnh đạo có uy tín lớn trên thị trường tài chính Việt Nam.

Bà Phạm Minh Hương giữ chức Chủ tịch IPAAM từ ngày 05/03/2023.

Nguyễn Hồ Nga – Tổng giám đốc

Bà Nga có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, quản lý đầu tư. Trước khi gia nhập IPAAM, bà từng làm việc tại Công ty Chứng khoán BIDV, Tập đoàn British Petroleum, phụ trách xúc tiến đầu tư tại Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng phòng Nghiên cứu và Phân tích tại Công ty quản lý quỹ PVFC Capital, Giám đốc Huy động quỹ và phát triển kinh doanh tại PVFC Capital.

Bà Nga tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Tài chính, Trường Đại học Bristol, UK và Cử nhân Tài chính Kế toán, Trường Đại học New South Wales, Úc.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB)

Trụ sở đăng ký: 198 đường Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019.

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) cấp ngày 07/07/2006.

Điện thoại: 024 39343 137

Fax: 024 38265 548

Website: <http://www.vietcombank.com.vn>

Lĩnh vực hoạt động: cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ kế toán danh mục, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công Ty Quản Lý Quỹ I.P.A sẽ đề xuất Công ty kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm quốc tế hoạt động tại Việt Nam và nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận để trình Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn hoặc để trình Ban Đại Diện Quỹ xem xét, lựa chọn theo sự ủy quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và không được là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

VII. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG VÀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Danh sách các Thành Viên Lập Quỹ, Tổ chức Tạo Lập Thị Trường và Đại Lý Phân Phối của Quỹ ETF IPAAM VN100 được nêu ở Phụ Lục 2 Bản Cáo Bạch này.

Trong trường hợp có thay đổi (bổ sung hoặc giảm bớt) Thành Viên Lập Quỹ, Tổ chức Tạo Lập Thị Trường và Đại Lý Phân Phối, Công ty quản lý quỹ sẽ công bố thông tin và cập nhật danh sách đầy đủ trên trang điện tử www.ipaam.com.vn.

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ

Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB)

Trụ sở đăng ký: 198 đường Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019.

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) cấp ngày 07/07/2006.

Điện thoại: 024 39343 137

Fax: 024 38265 548

Website: <http://www.vietcombank.com.vn>

2. Tổ chức được ủy quyền cho dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)

Địa chỉ trụ sở chính: 112 Hoàng Quốc Việt, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4)3 9747 123 Fax: (84.4) 3 9747 120

Quyết định thành lập số 26/2022/QĐ-TTgdo Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 16/12/2022.

Lĩnh vực hoạt động chính: đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ việc giao dịch mua, bán chứng khoán.

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ETF IPAAM VN100

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

- Tên quỹ: QUỸ ETF IPAAM VN100
- Tên viết tắt: IPAAM VN100
- Tên tiếng Anh: IPAAM VN100 ETF
- Hình thức của quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục
- Địa chỉ liên hệ: Công Ty TNHH Một thành viên quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A
Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: 024 3941 0510; Fax: 024 3941 0500

1.2. Giấy đăng ký phát hành

Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 100/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 28/7/2021.

1.3. Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ

Giấy Chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 37/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 14/9/2021.

1.4. Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ ETF IPAAM VN100 là quỹ hoán đổi danh mục, là một loại hình quỹ đầu tư đại chúng được tổ chức và hoạt động theo Pháp luật. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên HOSE.

Thời gian hoạt động của quỹ: Không giới hạn

1.5. Ban Đại Diện Quỹ

Ban đại diện quỹ gồm 03 (ba) thành viên độc lập như sau:

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang– Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban Đại diện quỹ

Bà Trang hiện là Phó trưởng phòng Đầu tư, Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.

Bà Trang có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý vốn và đầu tư. Bà từng làm việc tại Ban Quản lý vốn và đầu tư tại Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí, sau đó giữ vị trí Phó Ban Đầu tư của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí.

Bà Trang tốt nghiệp Khoa Tài chính Ngân hàng và có bằng Thạc sĩ Quản lý Kinh tế của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Bà Lê Thị Hoài – Thành viên độc lập Ban đại diện quỹ

Bà Hoài đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính - kế toán. Bà hiện đang là Chuyên viên cao cấp Phòng Kế toán kiểm soát tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT.

Bà Hoài có Chứng chỉ kế toán viên số 1119/KET do Bộ Tài Chính cấp ngày 13/12/2022.

Bà Hoài tốt nghiệp cử nhân ngành Kế toán - Đại Học Kinh Doanh và Công Nghệ Hà Nội.

Bà Hoàng Thị Minh Phương – Thành viên độc lập Ban đại diện quỹ

Bà Phương hiện là Chuyên viên pháp chế tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect.

Bà Phương có trình độ chuyên môn về pháp luật và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực pháp luật chứng khoán.

Bà Phương tốt nghiệp Cử nhân Luật tại Đại học Công đoàn và có Giấy chứng nhận đào tạo nghề Luật sư của Học viện Tư pháp.

1.6. Người Điều Hành Quỹ

Bà Hồ Ngọc Anh – Quản lý quỹ đầu tư

Bà Hồ Ngọc Anh đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích và quản lý đầu tư. Bà tốt nghiệp hạng ưu về Tài chính ngân hàng tại Đại học Assumption, Thái Lan năm 2013. Trước khi gia nhập IPAAM, bà từng làm chuyên viên phân tích tại Công ty Chứng khoán VNDIRECT. Bà có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 001760/QLQ do UBCKNN cấp ngày 01/03/2019.

Nguyễn Hồ Nga – Tổng giám đốc

Thông tin về bà Nga nêu tại Mục 3 Chương III. “Thông tin chung về Công Ty Quản Lý Quỹ”.

2. Điều lệ Quỹ

Tóm tắt điều lệ Quỹ với các thông tin chính sau đây:

2.1. Các điều khoản chung

Quỹ ETF IPAAM VN100 là Quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam, Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

Tổng vốn của Quỹ do vốn đóng góp của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư tạo thành. Vốn Điều Lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam), tương ứng với năm mươi (50) Lô Chứng Chỉ Quỹ.

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành Lập Quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

Đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế

• Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của Chỉ Số Tham Chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ Số Tham Chiếu là chỉ số VN100 do HOSE xây dựng và quản lý như được mô tả chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE.

• Chiến lược đầu tư

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ Số Tham Chiếu. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

Quỹ sẽ linh hoạt trong việc phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục đích bảo vệ lợi ích Nhà Đầu Tư và đảm bảo việc phân bổ đầu tư không vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch và quy định của pháp luật hiện hành.

• Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư:

Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm, phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ.

• Danh mục đầu tư của quỹ ETF:

- Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF phải phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản, bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số Tham Chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu) và giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số Tham Chiếu. Danh Mục Đầu Tư có mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán và các quy định của pháp luật.
- Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:
 - + Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
 - + Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
 - + Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

- + Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- + Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu;
- + Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

• Các hạn chế đầu tư

- a. Cơ cấu Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định tại Điều 9, Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch.
- b. Cơ cấu Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF phải đảm bảo:
 - Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành và các tài sản (nếu có) quy định tại Mục i và ii Điểm b Khoản 3 Điều 9, Điều lệ Quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính Phủ;
 - Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chỉ Số Tham Chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.
 - Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó
 - Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ Quỹ đại chúng khác, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - + Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - + Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - + Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ Quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
 - Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chỉ Số Tham Chiếu;
 - Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ;

- **Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ**

- Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động đầu tư của Quỹ ETF, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ Quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa 30 ngày.
- Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký Quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán không, cho vay chứng khoán.

- **Phương pháp lựa chọn đầu tư**

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn cổ phiếu đầu tư của Quỹ căn cứ trên các nguyên tắc sau đây:

- Quỹ đầu tư vào Danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số Tham Chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu).
- Giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số Tham Chiếu.
- Khi Chỉ Số Tham Chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường thì Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư, tỷ trọng các mã tương ứng với sự thay đổi của Chỉ Số Tham Chiếu.

2.3. Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư

- **Nhà đầu tư**

- Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là tổ chức hay cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất một (01) Chứng Chỉ Quỹ. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng Chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
- Nhà Đầu Tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội trong và ngoài nước được thành lập và hoạt động hợp pháp. Nhà Đầu Tư là tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng Chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà Đầu Tư là tổ chức ký.
- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng Chỉ Quỹ. Việc tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng Chỉ Quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.
- Nhà Đầu Tư Nước Ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ.
- Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp

vốn lập Quỹ, mua Chứng Chỉ Quỹ, giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mà Công Ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu Tư khác

- **Điều kiện góp vốn, điều kiện thanh toán áp dụng đối với nhà đầu tư góp vốn vào quỹ ETF (đối với quỹ ETF)**

Nhà Đầu Tư khi tham gia giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Có đủ Chứng Khoán Cơ Cấu và tiền mặt đáp ứng các yêu cầu về tỷ trọng, số lượng theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ;
- Sở hữu tối thiểu một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF, tương ứng với một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ Quỹ ETF khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu;
- Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành Viên Lập Quỹ, nơi Nhà Đầu Tư đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;
- Việc thực hiện giao dịch hoán đổi phải phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

- **Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư**

a. Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán;
- Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
- Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ;
- Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
- Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
- Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ Quỹ;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều Lệ này.

b. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

- Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;

- Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - + Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát vi phạm quyền của Nhà Đầu Tư hoặc nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều Lệ Quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà Đầu Tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - + Ban Đại Diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - + Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ;
 - Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải trả lời Nhà Đầu Tư;
 - Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Nhà Đầu Tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
- c. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban Đại Diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
- d. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu Tư, tổng số chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu Tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều Lệ Quỹ, hợp đồng giám sát.
- **Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ**
- a. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký Nhà Đầu Tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.
- b. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát; tên đầy đủ của Quỹ; mã chứng khoán niêm yết của Quỹ;
 - Tổng số chứng chỉ Quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ Quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;
 - Danh sách Nhà Đầu Tư, thành viên lập Quỹ: họ tên, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của Nhà Đầu Tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng chứng chỉ Quỹ/lô chứng chỉ Quỹ ETF sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về chi tiết danh mục cơ cấu của từng thành viên lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào Quỹ ETF.
 - Ngày lập sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.
- c. Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu Tư, kể cả Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư.

- **Quyền biểu quyết của nhà đầu tư**

Mỗi chứng chỉ quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật, tổ chức định giá bất động sản (nếu có) cung cấp dịch vụ cho quỹ được quyền tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được biểu quyết.

- **Các trường hợp tái cơ cấu, giải thể quỹ và quyền của nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể quỹ**

- **Hợp nhất, sáp nhập Quỹ**

- a. Tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Đại hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp cho Nhà Đầu Tư các tài liệu liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập bao gồm:
 - Phương án hợp nhất, sáp nhập;
 - Dự thảo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập;
 - Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các báo cáo tài chính quý của tất cả các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tới quý gần nhất;
 - Dự thảo Điều Lệ Quỹ, Bản cáo bạch (nếu có), Bản cáo bạch tóm tắt (nếu có) của Quỹ hợp nhất, Quỹ nhận sáp nhập.
- b. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo về quyết định hợp nhất, sáp nhập Quỹ cho các chủ nợ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, chủ nợ có quyền yêu cầu Quỹ thanh toán các khoản phải trả. Quá thời hạn nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ không nhận được yêu cầu từ các chủ nợ, nghĩa vụ thanh toán sẽ do Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện.

- c. Trường hợp các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được quản lý bởi cùng một Công Ty Quản Lý Quỹ, mọi chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, chi phí hành chính và các dịch vụ khác liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ không được hạch toán vào chi phí của Quỹ, trừ trường hợp Đại hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác
- d. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm:
 - Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực thông tin về quá trình hợp nhất, sáp nhập cho Nhà Đầu Tư;
 - Quyền lợi, nghĩa vụ được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan theo nguyên tắc tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Thanh toán các khoản nợ của Quỹ cho chủ nợ theo yêu cầu của chủ nợ. Việc thanh toán phải hoàn tất chậm nhất tại ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực đối với các chủ nợ yêu cầu Quỹ thanh toán theo đúng quy định tại khoản 2 Điều này.
- e. Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập là ngày các Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập. Kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm:
 - Tiếp nhận bàn giao toàn bộ sổ sách, chứng từ, danh mục chứng khoán và các tài sản khác kèm các tài liệu khác có liên quan tới Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - Bảo đảm Quỹ hợp nhất, sáp nhập tiếp nhận, kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính, các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - Hoàn tất thủ tục đăng ký sở hữu cho Quỹ hợp nhất, sáp nhập các tài sản tiếp nhận từ các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định pháp luật có liên quan;
 - Đại diện cho Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện các nghĩa vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan.
- f. Tùy thuộc vào điều khoản hợp đồng hợp nhất, sáp nhập, phương án hợp nhất, sáp nhập, Quỹ có thể chuyển đổi chứng chỉ Quỹ kết hợp thanh toán bằng tiền. Giá trị khoản thanh toán bằng tiền cho một chứng chỉ Quỹ không vượt quá 10% giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ tính tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập.
- g. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ công bố thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập. Nội dung công bố thông tin bao gồm:
 - Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
 - Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập; tỷ lệ chuyển đổi chứng chỉ Quỹ; tỷ lệ thanh toán bằng tiền trên một chứng chỉ Quỹ (nếu có).

- h. Kể từ thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực:
- Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập chấm dứt tồn tại, đồng thời Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập kế thừa toàn bộ tài sản, nợ, quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ khác của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - Nhà Đầu Tư của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được nhận tài sản dưới dạng chứng chỉ của Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập theo tỷ lệ chuyển đổi xác định tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
 - Chứng chỉ Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập bị hủy
- Giải thể Quỹ
- a. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
- Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại Diện Quỹ không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản hoặc Ngân Hàng Giám Sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận, hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công Ty Quản Lý Quỹ không xác lập được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ xuống dưới mức mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng;
 - Quỹ hủy niêm yết;
 - Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định giải thể Quỹ;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
- b. Đại hội Nhà Đầu Tư thống nhất ngày giải thể Quỹ. Kể từ ngày giải thể Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát không được:
- Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho Quỹ;
 - Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
 - Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;
 - Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.
- c. Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:

- Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của Quỹ.
- d. Đại hội Nhà Đầu Tư chỉ định một Công Ty Kiểm Toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng hoặc duy trì Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm để thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.
- e. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho Nhà Đầu Tư theo phương án đã được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho Nhà Đầu Tư thực hiện theo phương án giải thể nhưng không quá 02 năm kể từ ngày giải thể Quỹ. Quá hạn nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát thực hiện hoàn trả danh mục cho Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 6 Điều này. Trong thời gian Quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu giá dịch vụ đã được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua.
- f. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát khi thực hiện thanh lý tài sản của Quỹ phải bảo đảm:
- Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;
 - Đối với tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải được sự chấp thuận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban Đại Diện Quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều này.
- g. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoàn trả danh mục của Quỹ cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư. Việc hoàn trả danh mục cho Nhà Đầu Tư phải đảm bảo nguyên tắc:
- Quỹ đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại điểm a, b khoản 4 Điều 104 Luật chứng khoán;
 - Danh mục hoàn trả cho Nhà Đầu Tư phải đầy đủ các loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của Quỹ;
 - Trong trường hợp là chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát thực hiện theo hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
 - Trường hợp là các tài sản phải đăng ký sở hữu khác, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm yêu cầu tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức

quản lý sổ cổ đông đăng ký sở hữu tài sản cho Nhà Đầu Tư. Việc hoàn trả hoàn tất khi Nhà Đầu Tư đã được đăng ký sở hữu tài sản.

- h. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ và thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.
- i. Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và cung cấp cho Nhà Đầu Tư về giá trị tài sản ròng, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục IX, Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.
- j. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu giả mạo, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2.4. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ ETF

- **Quy trình nhận lệnh chuyển đổi, điều kiện thực hiện lệnh chuyển đổi**

- a. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ và số tiền phải nộp tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và Giá Phát Hành Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF (nếu có). Thông tin bao gồm Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục này. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi Chứng Chỉ Quỹ;
- b. Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư được chuyển tới Thành Viên Lập Quỹ (trực tiếp hoặc thông qua các Đại Lý Phân Phối) theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và các hướng dẫn tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt. Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ Nhà Đầu Tư do Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn,

- thiên tai,... thì lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư được chuyển thẳng tới Công Ty Quản Lý Quỹ (nếu có) hoặc tới Ngân Hàng Giám Sát;
- c. Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư và của Thành Viên Lập Quỹ được Thành Viên Lập Quỹ chuyển tới Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và tại hợp đồng lập Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát sau đó chuyển lệnh tới Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trước thời điểm đóng cửa thị trường theo hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - d. Trong vòng ba (03) ngày làm việc, kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ tiếp theo, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn tất việc chuyển Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại Khoản 3 Điều này; Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư;
 - e. Trong hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi (nhưng không quá thời điểm phân bổ kết quả giao dịch), nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối, thành viên lập Quỹ chịu trách nhiệm trước Nhà Đầu Tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện;
 - f. Sau khi tiếp nhận lệnh của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm kiểm tra (thông qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam) khả năng thực hiện được lệnh của Nhà Đầu Tư bảo đảm đáp ứng quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều này, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- **Các trường hợp tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, thực hiện một phần lệnh giao dịch**
- a. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - Tổng giá trị các lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi trừ tổng giá trị các lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi tại ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ lớn hơn 10% giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư dẫn tới:

- + Giá trị tài sản ròng của Quỹ thấp hơn 50 tỷ đồng; hoặc
 - + Số đơn vị Quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn số đơn vị Quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ
- b. Trường hợp thực hiện một phân lệnh chuyển đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ áp dụng Nguyên tắc ưu tiên về thời gian: lệnh chuyển tới đại lý phân phối trước được thực hiện trước;
 - c. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ.
 - d. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
 - Do nguyên nhân bất khả kháng;
 - Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày giao dịch hoán đổi do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán;
 - Các sự kiện khác mà Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.
 - e. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại Diện Quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc hoán đổi chứng chỉ Quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
 - f. Thời hạn tạm dừng hoán đổi chứng chỉ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều Lệ Quỹ nhưng không quá 90 ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ.
 - g. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ hoặc tách Quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ Quỹ.
 - h. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư.

2.5. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

- **Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ**
- a. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm những nội dung sau:
 - Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá;
 - Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định

của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ và thông lệ quốc tế; phải rõ ràng để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.

- b. Sở tay định giá, danh sách tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, phải được Ban Đại Diện Quỹ Phê duyệt và cung cấp Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.
- c. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ETF, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ;
- d. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định hoặc ủy quyền cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán xác định và công bố thông tin về Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chỉ Quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường từ giao dịch được thực hiện gần nhất của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi. Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chỉ Quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chỉ Quỹ được cập nhật tối thiểu mười lăm giây (15s) một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty hoặc trên hệ thống của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- e. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng do Ngân Hàng Giám Sát thực hiện là phù hợp các quy định tại Điều Lệ Quỹ và của pháp luật, Giá Trị Tài Sản Ròng được tính đúng.
- f. Trong vòng ba (03) ngày, kể từ ngày Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn ba mươi (30) tỷ đồng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ đồng trong vòng sáu (06) tháng liên tục thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể Quỹ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

• **Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ**

- a. Ngày Định Giá: Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ETF được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày Định Giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.
Đối với kỳ định giá hàng tháng, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ETF được xác định tại ngày cuối cùng của tháng và Ngày Định Giá là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.
- b. Việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ETF, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng

Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ theo nguyên tắc sau:

- Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) tại ngày liền trước ngày định giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày Định Giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định của luật và quy định nội bộ tại sổ tay định giá, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một lô Chứng Chỉ Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ chia cho tổng số Lô Chứng Chỉ Quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị; Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ chia cho tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá, và làm tròn xuống lấy đến hai (02) số thập phân.
- Sau khi xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo kết quả để Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc;
- Ngay sau khi Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, các Giá Trị Tài Sản Ròng nêu trên phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Đại Lý Phân Phối và Thành Viên Lập Quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố Giá Trị Tài Sản Ròng cho Nhà Đầu Tư được thực hiện ngay trong Ngày Giao Dịch Hoán Đổi hoặc tối thiểu không muộn hơn Ngày Giao Dịch Hoán Đổi tiếp theo.
- Trường hợp tài sản được định giá hoặc đánh giá không chính xác:
 - + Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo cho Ngân Hàng Giám Sát mỗi khi phát hiện các trường hợp định giá không chính xác;
 - + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội

dung thông báo phải được Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cùng ký xác nhận.

- + Ngân Hàng Giám Sát phải nộp báo cáo tháng, quý, năm gửi UBCKNN tổng kết về các trường hợp định giá không chính xác trong kỳ.

2.6. Thông tin về các mức giá dịch vụ mà quỹ phải trả

Được quy định tại Chương XIII Điều lệ Quỹ và tại Chương XIII Bản cáo bạch.

2.7. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ Quỹ và theo phương pháp phân chia đã được Đại Hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chỉ trả cho Nhà Đầu Tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ, hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các Quỹ (nếu có) theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Chi tiết về phân chia lợi nhuận của Quỹ được quy định tại Chương XIII Điều lệ quỹ và tại mục XIII Bản cáo Bạch.

2.8. Đại hội nhà đầu tư

• Đại Hội Nhà Đầu Tư

- a. Đại hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong sổ đăng ký Nhà Đầu Tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
- b. Đại hội Nhà Đầu Tư do Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
 - Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ;
 - Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;
 - Sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ;
 - Phương án phân phối lợi tức;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;
 - Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
 - Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà Đầu Tư;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều Lệ này.

- c. Chương trình và nội dung họp Đại hội Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
- d. Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại Diện Quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- e. Việc họp Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bỏ phiếu điện tử (evoting).

• **Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường**

- a. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu Tư trong các trường hợp sau:
 - Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Điều Lệ này;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ này.
- b. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà Đầu Tư được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu Tư.
- c. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Đại Diện Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ này

• **Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại Hội Nhà Đầu Tư**

- a. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định tại Điều Lệ này.
- b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1

Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự.

- c. Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- d. Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu Tư về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 23 Điều Lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà Đầu Tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.
- e. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư được thông qua tại cuộc họp khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
- f. Công Ty Quản Lý Quỹ được lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản phải được quy định rõ tại Điều Lệ Quỹ, phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà Đầu Tư như trường hợp mời họp Đại hội Nhà Đầu Tư.
- g. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu Tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết tán thành.
- h. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu Tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.

● **Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư**

- a. Nhà Đầu Tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu Tư về một số các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 23 Điều Lệ này có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác cùng loại hình của Công Ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của Nhà Đầu Tư, số lượng đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang Quỹ khác do công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu Tư gửi tới trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

- b. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ Quỹ gần nhất kể từ khi Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư và Nhà Đầu Tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

2.9. Ban đại diện quỹ

- **Ban Đại Diện Quỹ**
 - a. Ban Đại Diện Quỹ có ba (03) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc được Nhà Đầu Tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải tuân thủ quy định sau:
 - Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư để bầu thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, Quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Đại Diện Quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;
 - Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều Lệ Quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Đại Diện Quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
 - Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị
 - b. Tối thiểu 2/3 số thành viên của Ban Đại Diện Quỹ là các thành viên độc lập, không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
 - c. Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có:
 - Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực

- kế toán, kiểm toán;
- Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.
- d. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng phiếu biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ, thành viên Ban Đại Diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kiến bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- e. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi nhiệm, hoặc trường hợp cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng điều kiện, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có sự thay đổi, Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ cho đến khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
- f. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện báo cáo UBCKNN và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- **Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ**
 - a. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế
 - b. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - Có trình độ chuyên môn về kế toán, kiểm toán hoặc phân tích đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản và/hoặc pháp luật.
 - Không phải là thành viên của trên 05 Ban Đại Diện Quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng
 - **Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ**
 - a. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư.
 - b. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mà Quỹ sẽ gửi tiền, đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ theo quy định tại Mục (i) Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều Lệ quỹ;
 - c. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân

phối lợi nhuận.

- d. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại Diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại điểm b, c, d, e, f, g, h Khoản 2 Điều 23 Điều lệ quỹ.
- e. Có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
- f. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.
- g. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ có nghĩa vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
- h. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

● **Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ**

- a. Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
- b. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ;
 - Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều Lệ Quỹ.

● **Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ**

- a. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ không còn tư cách thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong các trường hợp sau:
 - Thành viên đó chết, không đủ tư cách làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ theo quy định của Điều Lệ Quỹ, quy định của pháp luật liên quan hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ;
 - Thành viên đó bị khởi tố, truy tố;
 - Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - Có văn bản thông báo thành viên Ban Đại Diện Quỹ chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu Tư tổ chức, Thành Viên Lập Quỹ.

- b. Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội Nhà Đầu Tư ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Đại Diện Quỹ bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban Đại Diện Quỹ. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận, mọi quyết định của Ban Đại Diện Quỹ cho đến trước thời điểm diễn ra Đại Hội Nhà Đầu Tư có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban Đại Diện Quỹ thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

- **Thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quỹ**

- a. Trường hợp chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quỹ được chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ.
- b. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

- **Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ**

- a. Ban Đại Diện Quỹ tổ chức họp tối thiểu mỗi quý một (01) lần hoặc theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- b. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo cho các thành viên trước một (01) ngày trước ngày họp.
- c. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ được tổ chức khi có tối thiểu 2/3 số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc theo hình thức khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.
- d. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức khác quy định tại Điều Lệ Quỹ. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết.

- **Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ**

Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban Đại Diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy

đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều Lệ Quỹ.

2.10. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

• Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ; có đủ vốn theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- Hoàn toàn độc lập với Ngân Hàng Giám Sát.
- Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ.
- Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều Lệ này.

• Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty quản lý quỹ

a. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền sau:

- Lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 39 Điều Lệ này;
- Được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư vào Quỹ;
- Có quyền từ chối phát hành Chứng Chỉ Quỹ cho những tổ chức, cá nhân không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của Điều Lệ Quỹ hoặc pháp luật;
- Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- Ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ;
- Được hưởng các khoản giá dịch vụ được quy định trong Điều Lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quản lý các Quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam, tiến hành các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật;
- Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ;
- Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này và các quy định khác của pháp luật.

b. Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ sau:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty Quản Lý Quỹ. Thực hiện việc

quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều Lệ này. Công Ty Quản Lý Quỹ tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện và luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay tình trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích;

- Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng tổ chức và nhân sự có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu Tư, tuân thủ Điều Lệ này, pháp luật và thông lệ quốc tế tốt nhất;
- Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền cho bên thứ ba tuân thủ pháp luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư;
- Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
- Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ pháp luật và Điều Lệ này;
- Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điều 11, Thông Tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- Thực hiện các cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ được nêu tại Phụ Lục 1 của Điều Lệ này.

• **Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty quản lý quỹ**

- a. Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - Theo đề nghị Ban Đại Diện Quỹ sau khi đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận;
 - Bị thu hồi Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động, bị giải thể;
 - Hợp nhất, sáp nhập với một Công Ty Quản Lý Quỹ khác;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- b. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một Công Ty Quản Lý Quỹ khác phải theo quy định của pháp luật hiện hành.
- c. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.
- d. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ:

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điểm a Khoản

1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản tiền bồi thường (ngoài các khoản giá dịch vụ đã được quy định tại Điều Lệ này) như sau:

- Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng hai phần trăm (2%) Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ;
- Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng một phẩy năm phần trăm (1,5%) Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ.

• **Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý quỹ**

- a. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân Hàng Giám Sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà công ty đang quản lý. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Chủ tịch công ty, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị Quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
- b. Trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quy định khác, Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công Ty Quản Lý Quỹ đang quản lý.
- c. Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:
 - Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác. Văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.
- d. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch,

tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.

- e. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ và mức giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều Lệ Quỹ.
- f. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:
 - Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
 - Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà Chủ Tịch Công Ty, Ban Điều Hành, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), nhân viên của Công Ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn Điều Lệ;
 - Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.
 - Công Ty Quản Lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.
 - Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.

2.11. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của ngân hàng giám sát

• Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a. Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;
- b. Ngân Hàng Giám Sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám Đốc, nhân viên trực tiếp của Ngân Hàng Giám Sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản Quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công Ty Quản Lý Quỹ và ngược lại;

- c. Ngân Hàng Giám Sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Điều Hành và nhân viên của Ngân Hàng Giám Sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.
- d. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;
- e. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 02, Phụ Lục 03 của Điều Lệ này.

• **Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát**

- a. Ngân Hàng Giám Sát có nghĩa vụ sau:
 - Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 56 của Luật Chứng khoán;
 - Thực hiện lưu ký tài sản của Quỹ; ghi nhận chính xác, kịp thời tài sản, các quyền tài sản và các lợi ích có liên quan đến tài sản nhận lưu ký của Quỹ; Quản lý tách biệt tài sản của Quỹ, tài sản của Quỹ với tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát đồng thời là ngân hàng lưu ký của Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ), tài sản của các quỹ khác của cùng một Công Ty Quản Lý Quỹ (trong trường hợp các quỹ này sử dụng chung Ngân Hàng Giám Sát đồng thời là ngân hàng lưu ký), tài sản của những khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát;
 - Giám sát để bảo đảm Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý Quỹ tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và Điều Lệ Quỹ;
 - Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tài sản liên quan đến hoạt động của Quỹ theo yêu cầu hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - Xác nhận báo cáo liên quan đến Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập hoặc do tổ chức được Công Ty Quản lý Quỹ ủy quyền lập theo quy định của pháp luật;
 - Giám sát việc tuân thủ chế độ báo cáo và công bố thông tin của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của Luật Chứng Khoán, các quy định có liên quan và Điều Lệ Quỹ;
 - Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi phát hiện Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ;
 - Định kỳ cùng Công Ty Quản Lý Quỹ đối chiếu sổ kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động giao dịch của Quỹ;
 - Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân Hàng Giám Sát theo các quy định của pháp luật và Hợp Đồng Giám Sát;
 - Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ theo thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp dịch vụ và theo quy định của pháp luật;
 - Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ;

- Thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ và Hợp Đồng Giám Sát;
 - Giám sát hoặc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ là chính xác;
 - Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều Lệ Quỹ;
 - Hoạt động vì lợi ích của Quỹ và Nhà đầu tư;
 - Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.
- b. Ngân Hàng Giám Sát có quyền:
- Ngân Hàng Giám Sát được hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ theo Điều Lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;
 - Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ này. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN.
 - Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ.
 - Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Hợp Đồng Giám Sát được ký giữa các bên.
- **Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân Hàng Giám Sát**
- a. Ngân Hàng Giám Sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
- Ngân Hàng Giám Sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 104 Luật Chứng Khoán;
 - Ngân Hàng Giám Sát đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ chấp thuận;
 - Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- b. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một Ngân Hàng Giám Sát khác phải theo quy định của pháp luật.

2.12. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

- **Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công Ty Kiểm Toán**

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất Công Ty Kiểm Toán để trình Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ theo quy định tại Khoản 4 Điều 29 Điều Lệ quỹ, Ban Đại Diện Quỹ thực hiện chọn Công Ty Kiểm Toán để tiến hành soát xét, kiểm toán cho Quỹ. Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp;
- Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
- Được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư;
- Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

- **Năm Tài Chính**

Năm Tài Chính là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm Tài Chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ đầu ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

- **Chế độ kế toán**

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

3. Mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư và hạn mức đầu tư của quỹ

3.1. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của Chỉ Số Tham Chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ Số Tham Chiếu là chỉ số VN100 do HOSE xây dựng và quản lý như được mô tả chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE.

3.2. Chiến lược đầu tư

a. Chiến lược đầu tư

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ Số Tham Chiếu. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

Quỹ sẽ linh hoạt trong việc phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục đích bảo vệ

lợi ích Nhà Đầu Tư và đảm bảo việc phân bổ đầu tư không vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch và quy định của pháp luật hiện hành.

b. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư:

Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm, phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ.

c. Danh mục đầu tư của quỹ ETF

- Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF phải phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản, bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số Tham Chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu) và giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số Tham Chiếu. Danh Mục Đầu Tư có mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán và các quy định của pháp luật.
- Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:
 - Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
 - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
 - Công cụ nợ của chính phủ, trái phiếu Chính Phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Chứng chỉ quỹ đại chúng.;
 - Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao Dịch Chứng Khoán và chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu;
 - Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

3.3.Hạn chế đầu tư

3.3.1. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định tại Mục 3.2. Bản Cáo Bạch và Điều lệ Quỹ.

3.3.2. Cơ cấu Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF phải đảm bảo:

- a. Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

- b. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại Mục i và ii Điểm b Khoản 3 Điều 9, Điều Lệ Quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c. Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chỉ Số Tham Chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.
- d. Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó
- e. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ Quỹ đại chúng khác, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ Quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- f. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- g. Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chỉ Số Tham Chiếu;
- h. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ.

3.3.3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ ETF quy định tại Điểm a, b, c và e Mục 3.3.2 chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong Danh Mục Đầu Tư của Quỹ;
- b. Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật; bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư, thực hiện các hoạt động hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu;
- c. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- d. Quỹ đang trong thời gian giải thể;

- e. Cơ cấu danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu thay đổi.
- f. Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá ba (03) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ.

3.3.4. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại Điểm a, b, c và d Mục 3.3.3, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, bảo đảm phù hợp với quy định tại Mục 3.3.2.

3.3.5. Trường hợp sai lệch là do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Quỹ, thì phải điều chỉnh lại Danh Mục Đầu Tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại Danh Mục Đầu Tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

3.3.6. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại Danh Mục Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định pháp luật, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu Danh Mục Đầu Tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại gây ra cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian và kết quả khắc phục.

3.4. Hạn chế vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

- a. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- b. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động đầu tư của Quỹ ETF, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ Quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa 30 ngày.
- c. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký Quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

3.5. Phương pháp lựa chọn cổ phiếu đầu tư của Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn cổ phiếu đầu tư của Quỹ căn cứ trên các nguyên tắc sau đây:

- a. Quỹ đầu tư vào Danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số Tham Chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu).
- b. Giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá

trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số Tham Chiếu.

- c. Khi Chỉ Số Tham Chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường thì Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư, tỷ trọng các mã tương ứng với sự thay đổi của Chỉ Số Tham Chiếu.

4. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Việc đầu tư vào Quỹ ETF IPAAM VN100 hàm chứa các rủi ro giống như các hình thức đầu tư khác. Nhà Đầu Tư cần nhận thức rõ những rủi ro này và hiểu được mức độ chấp nhận rủi ro của mình để cân nhắc thật kỹ trước khi đưa ra quyết định đầu tư vào Quỹ. Mặc dù Công Ty Quản Lý Quỹ đã áp dụng các phương pháp quản trị rủi ro, nhưng vẫn có các rủi ro tiềm tàng khi đầu tư vào Quỹ. Nhà Đầu Tư cần lưu ý những điểm quan trọng sau đây:

- Việc đầu tư vào Quỹ ETF IPAAM VN100 sẽ không được cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ một Ngân Hàng Giám Sát hay bất kỳ tổ chức nào về việc Quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra. Nhà Đầu Tư có thể không thu được lợi nhuận hoặc đạt mức lợi nhuận thấp hơn dự kiến hoặc thấp hơn lợi nhuận của các hình thức đầu tư khác cùng thời điểm và cùng thời gian nắm giữ, hoặc có thể bị lỗ một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư ban đầu. Quỹ ETF IPAAM VN100, IPAAM, Chủ tịch IPAAM, Ban Điều Hành và nhân viên IPAAM không có bất cứ sự đảm bảo nào đối với đầu tư ban đầu của Nhà Đầu Tư, cũng như mức lợi nhuận từ đầu tư của Quỹ.
- Quỹ ETF IPAAM VN100 nhằm vào mục tiêu đầu tư tạo lợi nhuận và tăng trưởng tài sản ròng cho Nhà Đầu Tư trong dài hạn. Tuy nhiên, các Nhà Đầu Tư không nên kỳ vọng có được ngay các khoản thu nhập và có được tăng trưởng giá trị tài sản ngay trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.
- Quỹ ETF IPAAM VN100 không có bất kỳ sự bảo đảm nào về số lần chi trả và giá trị của cổ tức sẽ được thanh toán trong tương lai. Việc thanh toán cổ tức phụ thuộc vào nguồn phân phối lợi nhuận, chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ và cần có sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư và/hoặc của Ban Đại Diện Quỹ tùy thuộc vào nguồn lợi nhuận có thể phân phối. Các Nhà Đầu Tư có thể sẽ không nhận được khoản cổ tức như kỳ vọng hoặc như trong thời gian dự kiến.
- Kết quả hoạt động trong quá khứ của IPAAM, không hàm ý hay đảm bảo kết quả hoạt động của Quỹ ETF IPAAM VN100.
- IPAAM không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đầu tư của Quỹ và chủ sở hữu, Chủ tịch IPAAM, ban điều hành và nhân viên của IPAAM không có trách nhiệm pháp lý về các rủi ro hoạt động của IPAAM trong quá trình quản lý Quỹ này.

- Quỹ hoạt động theo cơ chế quỹ hoán đổi danh mục nên Nhà Đầu Tư có thể linh hoạt sử dụng các công cụ thị trường để đưa ra các quyết định đầu tư hay hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ cho Quỹ hoặc bán lại các Chứng Chỉ Quỹ trên sàn HOSE. Nhà Đầu Tư trong quá trình mua/bán/hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà Đầu Tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ.

Dưới đây là những rủi ro chủ yếu trong đầu tư chứng khoán, nhưng không phải toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ:

4.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường phát sinh khi các thị trường tài sản mà Quỹ đang nắm giữ có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian nhất định. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm giá trị của toàn bộ thị trường. Rủi ro này thường trên diện rộng, mang tính hệ thống và nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công Ty Quản Lý Quỹ cũng như Ban Đại Diện Quỹ.

4.2. Rủi ro đầu tư thụ động

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là bám sát lợi nhuận của Chỉ Số Tham Chiếu. Công ty quản lý quỹ không chủ động lựa chọn cổ phiếu mà sẽ đầu tư tất cả hoặc phần lớn tài sản của Quỹ vào các cổ phiếu trong Chỉ Số Tham Chiếu. Nhà Đầu Tư lựa chọn đầu tư vào Quỹ nên chú ý rằng Công ty Quản Lý Quỹ sẽ không đưa ra các biện pháp phòng thủ khi thị trường giảm. Chính vì vậy, sự sụt giảm của Chỉ Số Tham chiếu sẽ kéo theo sụt giảm giá trị của Quỹ bất chấp thị trường chung tốt hay xấu. Biến động chung của thị trường không chắc chắn sẽ tác động đến biến động của Chỉ Số Tham chiếu hay Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ. Do đó, ngay cả khi thị trường trong giai đoạn tăng trưởng mạnh thì ETF cũng có thể không thu được mức lợi nhuận vượt trội mà Quỹ mô phỏng.

4.3. Rủi ro sai lệch của Giá Trị Tài Sản Ròng so với Chỉ số Tham Chiếu

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của Chỉ số Tham Chiếu. Do đó, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đảm bảo duy trì mức sai lệch so với Chỉ số Tham Chiếu ở mức thấp nhất có thể. Tuy nhiên, trong các kỳ thay đổi định kỳ danh mục và tỷ trọng chứng khoán của Chỉ số Tham Chiếu hoặc khi xảy ra các sự kiện doanh nghiệp như chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp, hay chia cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng, mức sai lệch giữa Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ so với Chỉ Số Tham Chiếu sẽ bị ảnh hưởng. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, Quỹ sẽ phát sinh các chi phí hoạt động hoặc các chi phí liên quan đến việc mua bán chứng khoán trong các đợt thay đổi danh mục định kỳ, việc này cũng có thể làm ảnh hưởng đến mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu.

Để hạn chế tối đa mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu, trong các đợt xem xét định kỳ hoặc bất thường của Chỉ Số Tham Chiếu, Quỹ sẽ điều chỉnh lại Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu tương ứng để phản ánh thành phần và tỷ trọng của các Chứng Khoán Cơ cấu của Chỉ Số Tham Chiếu. Việc điều chỉnh này sẽ bao gồm tăng giảm tỷ trọng các cổ phiếu, loại hoặc bổ sung cổ phiếu mới vào Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.

4.4. Rủi ro chênh lệch giá Chứng Chỉ Quỹ với Giá Trị Tài Sản Ròng/Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ (Giao Dịch Thứ Cấp)

Khi niêm yết và giao dịch trên HOSE, Chứng Chỉ Quỹ sẽ chịu ảnh hưởng của cung và cầu giao dịch của thị trường. Khi khối lượng đặt mua Chứng Chỉ Quỹ tăng hoặc giảm đột biến sẽ tạo ra chênh lệch giữa giá giao dịch và Giá Trị Tài Sản Ròng/Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng chỉ Quỹ. Chênh lệch này có thể được giảm thiểu khi Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch Hoán Đổi Danh Mục với Quỹ trên thị trường sơ cấp.

4.5. Rủi ro pháp lý

Thị trường chứng khoán cũng như khung pháp lý liên quan của Việt Nam còn tương đối non trẻ nên còn tồn tại những rủi ro về pháp lý trong bối cảnh Chính Phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ trong tương lai. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đánh giá mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với Quỹ và các công ty trong danh mục đầu tư của Quỹ để chủ động điều chỉnh cho phù hợp.

4.6. Rủi ro xung đột lợi ích

Công Ty Quản Lý Quỹ có thể sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và sản phẩm đầu tư tài chính khác do Công Ty Quản Lý Quỹ điều hành. Tuy nhiên, do mỗi quỹ đầu tư đều được quản lý bởi người điều hành quỹ riêng biệt, nên Công Ty Quản Lý Quỹ có thể kiểm soát được rủi ro này.

4.7. Rủi ro thanh toán trong giao dịch hoán đổi lô ETF lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu

Trong trường hợp Nhà Đầu Tư yêu cầu hoán đổi Lô Chứng Chỉ Quỹ để lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, mà dẫn tới tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà Đầu Tư nước ngoài vượt quá tỷ lệ quy định hoặc rơi vào các trường hợp hạn chế đầu tư thì khi đó Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán số Chứng Khoán Cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư. Việc thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư trong trường hợp này phụ thuộc vào tiến độ bán các Chứng Khoán Cơ cấu này và có rủi ro nếu thanh khoản thị trường thấp hoặc thị giá của Chứng Khoán

Cơ Cấu đó giảm, dẫn đến số tiền mà Nhà Đầu Tư nhận được thấp hơn giá trị tài sản tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.

4.8. Rủi Ro Do Sự Kiện Bất Khả Kháng

Đây là các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn và đột ngột lên giá trị của tất cả hoặc một số tài sản của Quỹ khi các Sự Kiện Bất Khả Kháng gây ảnh hưởng xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép. Có rất ít biện pháp để giảm thiểu rủi ro do Sự Kiện Bất Khả Kháng. Rủi ro này có thể được hạn chế do danh mục đầu tư của Quỹ đa dạng và các rủi ro này thường không tác động đến tất cả chứng khoán cùng một lúc, hoặc tác động ở các mức độ khác nhau. Ở cấp độ công ty trong danh mục, chính sách bảo hiểm và các kế hoạch khắc phục tổn thất có thể giúp giới hạn tác động của một số Sự Kiện Bất Khả Kháng.

Ngoài ra, cũng giống như các loại hình đầu tư vào Quỹ khác, Quỹ ETF cũng chịu tác động bởi rủi ro khác như rủi ro lạm phát, rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro thanh toán.

X. QUY TRÌNH GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI ĐỊNH KỲ (GIAO DỊCH SƠ CẤP)

1. Nguyên tắc thực hiện

a. Đối tượng tham gia giao dịch hoán đổi sơ cấp

- Là các Thành Viên Lập Quỹ theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- Các Nhà Đầu Tư là cá nhân và pháp nhân đáp ứng điều kiện sau:
 - + Sở hữu Chứng Khoán Cơ Cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ.
 - + Sở hữu tối thiểu 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ, tương ứng với một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ Quỹ ETF khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu.

Nhà đầu tư chỉ thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành Viên Lập Quỹ, nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

b. Khối lượng tối thiểu của giao dịch hoán đổi:

Một (01) lô ETF tương ứng với một trăm nghìn (100.000) Chứng chỉ quỹ ETF.

c. Tần suất giao dịch hoán đổi (ngày T): Giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày vào Ngày Làm Việc (“Ngày giao dịch hoán đổi”)

d. Thời điểm đóng sổ lệnh

- Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh là 14h40 Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (T). Đây là thời điểm cuối

cùng mà Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối nhận phiếu đặt lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư.

- Trường hợp ngày chốt Giá Trị Tài Sản Ròng (T-1) rơi vào ngày làm việc, Nhà Đầu Tư gửi phiếu đặt lệnh Giao Dịch Hoán Đổi cho Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối trong khoảng thời gian từ 9h30 đến 14h40 của Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.
- Trường hợp ngày chốt Giá Trị Tài Sản Ròng (T-1) rơi vào ngày nghỉ, lễ, Nhà Đầu Tư gửi phiếu đặt lệnh Giao Dịch Hoán Đổi cho Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối trong khoảng thời gian từ 13h30 đến 14h40 của Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.

e. Danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi:

- Trong trường hợp ngày chốt Giá Trị Tài Sản Ròng (NAV) rơi vào ngày làm việc: Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu hoán đổi và phần tiền chênh lệch trước 9h00 Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (ngày T).
- Trong trường hợp ngày chốt Giá Trị Tài Sản Ròng (NAV) rơi vào ngày nghỉ, lễ: Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu hoán đổi và phần tiền chênh lệch trước 13h00 Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (ngày T).
- Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu này được xác định trên cơ sở giá đóng cửa tại ngày có giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi và bao gồm các thông tin về mã Chứng Khoán Cơ Cấu, tỷ trọng và số lượng mã Chứng Khoán Cơ cấu trong danh mục.

f. Phương thức giao dịch:

- Nhà Đầu Tư đăng ký đặt lệnh giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ ETF IPAAM VN100 bằng cách điền đầy đủ thông tin vào mẫu Phiếu lệnh giao dịch hoán đổi và chuyển đến Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối trước Thời Điểm Đóng sổ Lệnh. Danh sách các địa điểm nhận lệnh của Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối được liệt kê tại Phụ Lục 02 của Bản Cáo Bạch này hoặc theo thông báo cập nhật (nếu có) của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- Trường hợp Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm:
 - + Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh
 - + Trước khi thực hiện, Công Ty Quản Lý Quỹ phải xác nhận lại với Thành Viên lập Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ xác nhận lại với Nhà Đầu Tư. Thành Viên Lập Quỹ và Nhà Đầu Tư phải cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ phiếu lệnh gốc có chữ ký của đại diện có thẩm quyền để lưu trữ. Thời gian cung cấp phiếu lệnh gốc do Công Ty Quản Lý Quỹ quy định tại hợp đồng tham gia lập Quỹ.

g. Xác định giá giao dịch hoán đổi:

Giá giao dịch hoán đổi được xác định như sau:

- **Giá phát hành:** là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua một (01) Lô Chứng Chỉ

Quỹ. Giá Phát hành bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch cộng thêm Giá Dịch Vụ Phát Hành (nếu có).

- **Giá mua lại:** là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư đặt lệnh hoán đổi Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu. Giá mua lại bằng Giá trị Tài Sản Ròng trên một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại (nếu có).

h. Ngày chuyển quyền sở hữu Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ ETF:

Ngày làm việc liền sau Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (ngày (T+1))

i. Thực hiện giao dịch hoán đổi:

Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư. Những trường hợp hoán đổi bổ sung bằng tiền bao gồm:

- Phát sinh chênh lệch giữa giá trị của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và giá trị tài sản ròng của Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF.
- + Trong trường hợp Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF mà Giá Trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu nhỏ hơn Giá Trị Tài Sản Ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF thì phần chênh lệch này Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu tư phải chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát trước 11h ngày làm việc liền sau Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (Ngày (T+1))
- + Trong trường hợp Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF mà Giá Trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu nhiều hơn Giá Trị Tài Sản Ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF thì phần chênh lệch này được Quỹ hoàn trả lại cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư bằng tiền vào ngày làm việc thứ 3 (T+3) kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.
- + Trong trường hợp Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu mà Giá Trị Tài Sản Ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF nhiều hơn giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu thì phần chênh lệch này được Quỹ thanh toán bằng tiền vào ngày làm việc thứ 3 (T+3) kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.
- Các trường hợp khác:
 - (a) Mã chứng khoán nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập quỹ/Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật; hoặc
 - (b) Mã chứng khoán mà Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật; hoặc

(c) Mã chứng khoán mà Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư nước ngoài không thể mua do các chứng khoán này đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa để góp vốn.

- + Trường hợp phát hành Chứng Chỉ Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư có trách nhiệm thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ các mã chứng khoán thuộc diện (a) và (b) nêu trên trước 12h00 ngày làm việc liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi để Công Ty Quản Lý Quỹ tính toán số tiền nộp thay thế (theo mẫu của Công Ty Quản Lý Quỹ). Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chủ động công bố mã chứng khoán nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại ngày giao dịch thuộc diện (c) nêu trên Tỷ lệ sở hữu nước ngoài được xác định tại ngày làm việc liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.
- + Trường hợp mua lại Chứng Chỉ Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư có trách nhiệm thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ các mã chứng khoán thuộc diện (a) và (b) nêu trên trước 12h00 ngày làm việc liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ bán số Chứng Khoán Cơ Cấu bị hạn chế đầu tư và thanh toán lại cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư bằng tiền. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện bán số Chứng Khoán Cơ Cấu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa không được phân bổ về tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư và thanh toán lại cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư bằng tiền.

j. Nguồn chứng khoán và Chứng Chỉ Quỹ ETF hoán đổi

Chứng khoán thực hiện giao dịch hoán đổi là các chứng khoán tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư và được lấy từ các nguồn sau:

- Đối với Thành Viên Lập Quỹ:

- + Chứng Khoán Cơ cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi;
- + Chứng Khoán Cơ cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi;
- + Chứng Khoán Cơ cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSDC với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán.

- Đối với Nhà Đầu Tư:

Chứng khoán/Chứng Chỉ Quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.

2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ:

a. Quy trình thực hiện:

- Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ công bố và gửi email thông tin Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi một Lô Chứng Chỉ Quỹ và chênh lệch giữa giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu

hoán đổi và giá trị tài sản ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ và phương án xử lý, các trường hợp được thanh toán thay thế bằng tiền (nếu có) trên trang thông tin điện tử của mình và thông báo tới Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối/VSDC. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu này được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi và bao gồm các thông tin về mã Chứng Khoán Cơ Cấu, tỷ trọng và số lượng mã Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục.

Trong giờ giao dịch:

- Trường hợp đặt lệnh trực tiếp tại Thành Viên Lập Quỹ: Nhà Đầu Tư gửi hồ sơ đặt lệnh tại Thành Viên Lập Quỹ bao gồm các tài liệu sau:

- + Phiếu đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi (theo mẫu của VSDC).
- + Bảng kê Chứng Khoán Cơ Cấu thực hiện giao dịch hoán đổi (theo mẫu của VSDC)
- + Văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa của Thành Viên Lưu Ký nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản lưu ký trong đó xác nhận Nhà Đầu Tư có đủ số dư Chứng Khoán Cơ Cấu dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi và số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi này đã được VSDC phong tỏa từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi đến hết Ngày thanh toán.
- + Thông báo chứng khoán hoán đổi thay thế bằng tiền (nếu có)

Thành Viên Lập Quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà Đầu Tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ sẽ nhập Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư vào hệ thống của VSDC qua cổng giao tiếp điện tử. Trường hợp chưa đầy đủ, Thành Viên Lập Quỹ yêu cầu Nhà Đầu Tư bổ sung, chỉnh sửa.

- Trường hợp đặt lệnh qua Đại Lý Phân Phối:

- + Nhà Đầu Tư gửi hồ sơ đặt lệnh tại Đại Lý Phân Phối bao gồm các tài liệu liệt kê như ở trên.
- + Đại Lý Phân Phối kiểm tra thông tin Nhà Đầu Tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ hợp lệ sẽ chuyển lệnh của Nhà Đầu Tư và các chứng từ có liên quan đến Thành Viên Lập Quỹ.

b. Xử lý các trường hợp phát sinh trong giao dịch hoán đổi:

- Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư cần thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về những mã chứng khoán cần hoán đổi bằng tiền được đề cập ở trên (nếu có).

- + Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư không có thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về việc phát sinh thêm những mã chứng khoán cần hoán đổi bằng tiền thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ căn cứ trên phiên giao dịch hoán đổi trước đó.
- + Sau đó, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo tới Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi, những mã Chứng Khoán Cơ Cấu được hoán đổi bằng tiền, đối tượng áp dụng và số tiền tạm nộp thay thế tương ứng của từng mã Chứng Khoán Cơ Cấu được hoán đổi bằng tiền đối với một (01) lô ETF để Quỹ thực hiện mua đủ số lượng các mã chứng khoán được hoán đổi bằng tiền.

- + Số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một chứng khoán được tính bằng 110% nhân với giá đóng cửa của mã chứng khoán đó tại ngày giao dịch trên thị trường thứ cấp gần nhất trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi. Tổng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng của mã Chứng Khoán Cơ Cấu được hoán đổi bằng tiền đối với một (01) Lô ETF này bằng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một (01) chứng khoán nhân với số lượng chứng khoán của mã chứng khoán đó trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.
- + Nhà Đầu Tư chuyên khoản phân tiền bổ sung của giao dịch hoán đổi vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát, đảm bảo khoản tiền này được ghi nhận trên tài khoản của Quỹ trước 11h00 ngày làm việc sau Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (Ngày (T+1)).
- + Trên cơ sở số tiền tạm nộp thay thế của Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu tư, Quỹ sẽ thực hiện mua đủ số lượng các mã Chứng Khoán Cơ Cấu được hoán đổi bằng tiền tương ứng với tổng số lô ETF mà Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư được phân bổ.
- **Trường hợp Quỹ hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán mà Thành Viên Lập Quỹ/Nhà đầu tư được hoán đổi bằng tiền trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư (ngày T+1):**
 - + Quỹ sẽ quyết toán lại với Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho Công ty chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) khi mua trên sàn giao dịch chứng khoán để có được đủ số lượng các mã chứng khoán này.
 - + Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các chứng khoán chưa mua được cho Nhà Đầu Tư cho đến ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ khi VSDC xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá mua của chứng khoán tại cuối ngày (T-1) vào doanh thu hoặc chi phí của quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.
- **Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh kể từ ngày giao dịch (ngày T) đến ngày Quỹ hoàn tất việc mua hộ thì:**
 - + Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các mã Chứng Khoán Cơ Cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng,
 - + Đối với cổ tức bằng tiền: giá trị cổ tức bằng tiền sẽ được cộng vào giá mua chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư.
 - + Đối với quyền mua cổ phiếu: phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua sẽ được cộng vào giá mua chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư.
 - + Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị thanh toán bổ sung bằng tiền và sẽ được Quỹ thông báo sau (nếu có).

- **Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất mua đủ số lượng các mã chứng khoán này, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa:**
 - + Số tiền liên quan đến mã Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư đã thanh toán bổ sung bằng tiền.
 - + Số tiền thực tế mà Quỹ đã chi ra để mua đủ số lượng các mã chứng khoán này cộng với số cổ tức bằng tiền phát sinh và các quyền phát sinh khác (nếu có).

Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo phần tiền chênh lệch thừa này. Ngược lại Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu cho Quỹ trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo phần tiền chênh lệch thiếu này.
- **Trường hợp Quỹ không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán thì Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư được hoán đổi bằng tiền trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Quỹ xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư (ngày (T+1)).**
 - + Quỹ sẽ quyết toán với Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư trên cơ sở số tiền thực tế (gồm cả phí môi giới chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) tương ứng với số lượng thực tế của các mã chứng khoán này mà Quỹ đã mua được, số lượng còn lại của các mã chứng khoán mà Quỹ chưa mua đủ được trong bảy (07) ngày làm việc (kể từ ngày Quỹ xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư - ngày (T+1)) sẽ được Quỹ quyết toán với Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư dựa trên giá đóng cửa của mã chứng khoán tương ứng của Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) vào ngày làm việc thứ bảy (07) (kể từ ngày Quỹ xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư - ngày (T+1)), cộng với chi phí liên quan (phí môi giới, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để Quỹ tự mua đủ số lượng các mã chứng khoán còn thiếu này sau đó. Quỹ có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch thừa cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư và ngược lại Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư có sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu cho Quỹ ETF trong vòng 03 ngày làm việc tiếp theo.
 - + Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh kể từ ngày giao dịch (ngày T) đến ngày làm việc thứ 7 kể từ ngày VSDC xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư thì phương án xử lý tương tự như trường hợp Quỹ mua đủ chứng khoán hạn chế.
 - + Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các chứng khoán chưa mua được cho Nhà Đầu Tư cho đến ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ khi VSDC xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá mua của chứng khoán tại cuối ngày (T-1) vào doanh thu hoặc chi phí của quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Thành Viên Lập

Quỹ/Nhà Đầu Tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.

3. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu:

a. Quy trình thực hiện:

- **Trường hợp đặt lệnh trực tiếp tại Thành Viên Lập Quỹ:** Nhà Đầu Tư gửi hồ sơ đặt lệnh tại Thành Viên Lập Quỹ bao gồm các tài liệu sau:

- + Phiếu đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi (theo mẫu của VSDC).
- + Bảng kê Chứng Chỉ Quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi (theo mẫu của VSDC)
- + Văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa của Thành Viên Lưu Ký nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản lưu ký trong đó xác nhận Nhà Đầu Tư có đủ số dư Chứng Chỉ Quỹ ETF dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi và số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi này đã được VSDC phong tỏa từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi đến hết Ngày thanh toán.

Thành Viên Lập Quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà Đầu Tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ sẽ nhập Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư vào hệ thống của VSDC qua cổng giao tiếp điện tử. Trường hợp chưa đầy đủ, Thành Viên Lập Quỹ yêu cầu Nhà Đầu Tư bổ sung, chỉnh sửa.

- **Trường hợp đặt lệnh qua Đại Lý Phân Phối:**

- + Nhà Đầu Tư gửi hồ sơ đặt lệnh tại Đại Lý Phân Phối bao gồm các tài liệu liệt kê như ở trên.
- + Đại Lý Phân Phối kiểm tra thông tin Nhà Đầu Tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ hợp lệ sẽ chuyển lệnh của Nhà Đầu Tư và các chứng từ có liên quan đến Thành Viên Lập Quỹ.

b. Xử lý các trường hợp phát sinh trong giao dịch hoán đổi

- **Xử lý trong trường hợp có chênh lệch giữa Giá trị Lô Chứng Chỉ Quỹ và Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu:**

- + Trong trường hợp giá trị các Lô Chứng Chỉ Quỹ tiếp nhận từ Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư thấp hơn giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu, Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư cần đảm bảo phần tiền chênh lệch này phải được chuyển vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát trước 11h00 ngày làm việc liền sau Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (T+1).
- + Trường hợp giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu thấp hơn Giá Trị Tài Sản Ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF, phần tiền chênh lệch sẽ được Quỹ hoàn trả lại cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư bằng tiền vào ngày làm việc thứ ba (T+3) kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.
- + Trường hợp hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ ETF, số lượng Chứng Chỉ Quỹ ETF còn lại của Thành Viên Lập Quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu

để duy trì tư cách là Thành Viên Lập Quỹ theo quy định tại hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

- **Trường hợp Quỹ không đủ số lượng chứng khoán của một (01) mã Chứng Khoán Cơ Cấu nào đó để hoàn trả cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư thì việc hoàn trả mã Chứng Khoán Cơ cấu này sẽ được thực hiện như sau:**
 - + Trường hợp tổng số lượng của mã Chứng Khoán Cơ Cấu này mà Quỹ hiện có lớn hơn tổng số lượng phải hoàn trả nhưng số lượng chứng khoán tự do chuyển nhượng trong tài khoản của Quỹ không đáp ứng đủ thì Quỹ sẽ thực hiện hoàn trả dựa trên số lượng chứng khoán tự do chuyển nhượng trong tài khoản của Quỹ theo nguyên tắc FIFO đối với lệnh đặt các kỳ giao dịch hoán đổi khác nhau và theo nguyên tắc tỷ lệ giao dịch đối với lệnh đặt cùng một (01) kỳ giao dịch, số lượng còn lại Quỹ sẽ thực hiện hoàn trả cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư sau khi có số lượng chứng khoán bị hạn chế được chuyển thành chứng khoán tự do chuyển nhượng trên tài khoản của Quỹ.
 - + Trường hợp sau khi lấy toàn bộ số lượng hiện có của mã chứng khoán đó trên tài khoản của Quỹ hoàn trả cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư nhưng vẫn không đáp ứng đủ thì Quỹ sẽ thực hiện hoàn trả bằng tiền dựa trên giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.
- **Nhà Đầu Tư tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) cho các giao dịch hoán đổi áp dụng theo quy định của pháp luật.**

4. Xác nhận kết quả giao dịch, đăng ký, lưu ký Chứng Chỉ Quỹ:

- Vào ngày làm việc liền sau Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (T+1), VSDC sẽ thực hiện kiểm tra các lệnh hoán đổi của Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư. Các lệnh không có đủ Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ ETF hoặc không nộp đủ phần tiền chênh lệch (nếu có) tại thời điểm VSDC thực hiện kiểm tra sẽ được coi là giao dịch không hợp lệ và sẽ không được thực hiện. Các lệnh hoán đổi có đủ Chứng Chỉ Quỹ/Chứng Khoán Cơ Cấu và nộp đủ tiền (nếu có) sẽ được thực hiện.
- Trong vòng tối đa ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Quỹ sẽ tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền.
- Hoạt động hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF, và ngược lại, được thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư và Quỹ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Các trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ:

Những trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ:

- Nhà Đầu Tư gửi lệnh giao dịch hoán đổi cho Thành Viên Lập Quỹ/ Đại Lý Phân Phối sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh hoặc lệnh giao dịch hoán đổi được chuyển tới VSDC sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.

- Số lượng Chứng Chỉ Quỹ ETF/Chứng Khoán Cơ Cấu dùng để hoán đổi không đủ so với lệnh đặt tại thời điểm VSDC kiểm tra số dư vào ngày (T+1).
- Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư không thanh toán phần tiền chênh lệch, các loại giá dịch vụ/phí (nếu có) đúng hạn.

Các lệnh giao dịch không hợp lệ nêu trên sẽ không được thực hiện.

6. Xử lý các trường hợp vượt tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư

6.1. Trường hợp Quỹ tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ của Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Nhà Đầu Tư mà xảy ra các trường hợp sau:

- a. Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng Khoán Cơ Cấu của Nhà Đầu Tư vượt quá tỷ lệ tối đa được phép sở hữu của Nhà Đầu Tư theo quy định của Pháp Luật tính tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi;
- b. Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng Khoán Cơ Cấu của Nhà Đầu Tư vượt quá 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành bao gồm cả cổ phiếu hiện có trên tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư mà Nhà Đầu Tư chưa thực hiện chào mua công khai theo quy định của Pháp Luật liên quan; hoặc
- c. Nhà Đầu Tư sở hữu chính cổ phiếu mà mình phát hành (cổ phiếu quỹ) mà Nhà Đầu Tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của Pháp Luật liên quan; thì VSDC có trách nhiệm thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ và Nhà Đầu Tư thực hiện như sau:
 - Đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài: Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư này.
 - Đối với các Nhà Đầu Tư thuộc trường hợp (b) và (c) ở trên: Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán số chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính Nhà Đầu Tư đó và thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư này.

Việc thanh toán tiền cho các Nhà Đầu Tư này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho Nhà Đầu Tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của Pháp Luật liên quan.

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện tính toán phân bổ và thông báo số tiền hoàn lại cho Nhà Đầu Tư theo nguyên tắc ưu tiên thời gian FIFO đối với lệnh đặt các kỳ giao dịch hoán đổi khác nhau và theo nguyên tắc tỷ lệ giao dịch đối với lệnh đặt cùng một (01) kỳ giao dịch.

6.2. Trường hợp các Nhà Đầu Tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của Pháp Luật hoặc quy định tại điều lệ của Nhà Đầu Tư đó, Nhà Đầu Tư có trách nhiệm bán số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của Pháp Luật, Nhà Đầu Tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành

đối với số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của Pháp Luật.

6.3. Trong thời gian Công Ty Quản Lý Quỹ chưa thực hiện bán thành công các Chứng Khoán Cơ Cấu vượt quá tỷ lệ sở hữu nêu trên mà phát sinh ngày chốt danh sách nhận cổ tức hoặc quyền mua của các Chứng Khoán Cơ Cấu này thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện như sau:

- a. Đối với cổ tức bằng tiền: Nhà Đầu Tư/Thành Viên Lập Quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ nhận được khoản tiền cổ tức này.
- b. Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư/Thành Viên Lập Quỹ sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán cổ phiếu thành công.
- c. Đối với quyền mua thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sử dụng khoản tiền từ việc bán số chứng khoán đó (nếu đã bán thành công trước đó) để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày đăng ký thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản của Quỹ thì Quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư/Thành Viên Lập Quỹ.

Các khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền mua nêu trên sẽ được thực hiện sau ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày Quỹ nhận tiền hoặc bán thành công các cổ phiếu phát sinh từ cổ tức hoặc từ việc thực hiện quyền này.

6.4. Việc phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- a. Tính toán theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO): Lệnh đặt trước sẽ được phân bổ hoàn lại tiền trước.
- b. Tỷ lệ phân bổ sẽ phụ thuộc vào khả năng thanh toán của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh.
- c. Trường hợp Quỹ có các lệnh mua/bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh mua sẽ được thực hiện trước lệnh bán chứng khoán để hoàn tiền lại cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư.

7. Sửa, hủy giao dịch hoán đổi

Nhà Đầu Tư được phép sửa/hủy lệnh trước Thời Điểm Đóng Sở Lệnh và được thực hiện tại Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối.

Nhà Đầu Tư gửi Giấy Đề Nghị Sửa, Hủy Giao Dịch Hoán Đổi theo mẫu cho Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối.

Thành Viên Lập Quỹ kiểm tra các thông tin đặt lệnh ban đầu của Nhà Đầu Tư và thông tin đề nghị sửa, hủy trên Giấy; nếu thông tin chưa đầy đủ, Thành Viên Lập Quỹ yêu cầu Nhà Đầu Tư bổ sung thông tin.

Trường hợp Nhà Đầu Tư đặt lệnh qua Đại Lý Phân Phối, Nhà Đầu Tư gửi Giấy đề nghị sửa, hủy giao dịch hoán đổi (theo mẫu) cho Đại Lý Phân Phối. Đại Lý Phân Phối kiểm tra thông tin đặt lệnh của Nhà Đầu Tư, chuyển lệnh của Nhà Đầu Tư đến Thành Viên Lập Quỹ.

8. Tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi

8.1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư trong các trường hợp sau:

- a. HOSE thay đổi cơ cấu danh mục Chỉ số Tham Chiếu;
- b. Tổ chức phát hành chứng khoán có trong Danh Mục Đầu Tư của Quỹ bị phá sản, giải thể, tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết hoặc Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi do Sở Giao Dịch Chứng Khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong Danh Mục Đầu Tư của Quỹ.
- c. Cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu;
- d. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, VSDC không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do xảy ra sự kiện Bất Khả Kháng;
- e. HOSE ngừng cung cấp, công bố Chỉ Số Tham Chiếu mà chưa có chỉ số tham chiếu thay thế;
- f. Công Ty Quản Lý Quỹ đang trong giai đoạn chuyển đổi Chỉ Số Tham Chiếu sang một chỉ số tham chiếu khác theo chấp thuận của UBCKNN;
- g. Các trường hợp khác phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ của Quỹ.

Trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo với UBCKNN đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của HOSE. Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối sẽ phải nói lại việc tiếp nhận và thực hiện hoán đổi danh mục cho Nhà Đầu Tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

8.2. Thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi thực hiện theo quy định tại Điều Lệ của Quỹ nhưng không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi gần nhất. Trường hợp tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại điểm (a), (b) của Mục 8.1, thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi tối đa là ba (03) Ngày Làm Việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.

8.3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường hoặc lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư bằng văn bản về việc giải thể Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

9. Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại

Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (tặng cho, thừa kế) Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện tương tự như việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của HOSE được quy định tại Quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán do HOSE ban hành.

XI. NIÊM YẾT, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ TRÊN HOSE (GIAO DỊCH THỨ CẤP) VÀ HỦY NIÊM YẾT

1. Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng Chỉ Quỹ tại HOSE. Hồ sơ niêm yết Chứng Chỉ Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của HOSE.
2. Nhà Đầu Tư thực hiện mua/bán Chứng Chỉ Quỹ đã niêm yết trên HOSE theo quy chế giao dịch chứng khoán của HOSE và đảm bảo các nguyên tắc sau:
 - a. Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ đặt lệnh giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của HOSE và VSDC.
 - b. Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của HOSE.
 - c. Chứng Chỉ Quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.
 - d. Thành Viên Lập Quỹ chỉ được bán Chứng Chỉ Quỹ (bán Chứng Khoán Cơ Cấu) trên hệ thống của HOSE khi bảo đảm có đủ Chứng Chỉ Quỹ (Chứng Khoán Cơ Cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của VSDC. Số Chứng Chỉ Quỹ (Chứng Khoán Cơ Cấu) này bao gồm:
 - Số Chứng Chỉ Quỹ (số Chứng Khoán Cơ Cấu) đã có sẵn trên tài khoản của Thành Viên Lập Quỹ tại ngày thực hiện giao dịch;
 - Số Chứng Chỉ Quỹ (số Chứng Khoán Cơ Cấu) nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu (số Chứng Chỉ Quỹ) có được trong các giao dịch mua trên thị trường; hoặc
 - Giao dịch vay trên hệ thống của VSDC đã thực hiện thành công trước đó.
3. Chứng Chỉ Quỹ bị hủy niêm yết trong các trường hợp sau:
 - a. Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error-TE) liên tục trong ba (03) tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE (hiện tại là 10%), trong đó mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$TE_t = \sqrt{n} \sqrt{\frac{1}{n-1} \sum_{i=-n}^{-1} (R_i - \bar{R})^2}$$

Trong đó:

R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của quỹ và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

$$R_i = \ln\left[\frac{NAV_i}{NAV_{i-1}}\right] - \ln\left[\frac{\text{Chỉ số tham chiếu}_i}{\text{Chỉ số tham chiếu}_{i-1}}\right]$$

$$\bar{R} = \frac{1}{n} \sum_{i=-n}^{-1} R_i$$

$n = 26$; trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

- b. Không thể xác định được chỉ số tham chiếu vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số.
- c. Quỹ giải thể theo quy định tại Điều 47 Thông tư 98/2020/TT - BTC
- d. Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Điều Lệ Quỹ.

4. Trường hợp mức sai lệch của Quỹ vượt quá 80% mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm báo cáo UBCKNN, HOSE; đồng thời công bố thông tin theo quy định trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, ngay sau khi phát sinh sự việc. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày phát sinh mức sai lệch vượt quá, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm mức sai lệch không vượt quá 80% mức sai lệch tối đa.

XII. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Thời điểm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng

- Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ tại tất cả các ngày làm việc tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hồ Chí Minh.
- Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Lô Chứng Chỉ Quỹ và làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành và làm tròn xuống đến hai (02) số thập phân. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được hoạch toán vào Quỹ.
- Công Ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan để xác định Giá Trị Tài Sản Ròng, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ theo quy định tại Điều Lệ. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định các Giá Trị Tài Sản Ròng

liên quan là phù hợp các quy định của Pháp Luật và Giá Trị Tài Sản Ròng được tính chính xác.

- Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp Giá Trị Tài Sản Ròng bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi lỗi được phát hiện.

2. Ngày định giá

Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ETF IPAAM VN100 được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày Định Giá là ngày làm việc liền ngay sau đó.

Đối với định kỳ hàng tháng, Giá Trị Tài Sản Ròng Quỹ ETF IPAAM VN100 được xác định tại ngày cuối cùng của tháng và Ngày Định Giá là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

3. Công bố giá trị tài sản ròng:

Sau khi được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ được công bố hàng ngày trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, HOSE, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4. Nguyên tắc, phương pháp định giá tài sản ròng

4.1. Nguyên Tắc Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng

Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo:

- a. Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định trong “Sổ tay định giá” do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt và cũng được ghi rõ tại Mục 4.2 Chương XIII của Bản Cáo Bạch này.
- b. Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ các giao dịch đầu tư.
- c. Các khoản mục định giá (bao gồm cổ phiếu, tiền mặt và các khoản đầu tư khác) phải thường xuyên được đối chiếu với chứng từ gốc. Các khoản không thống nhất phải được xử lý kịp thời.
- d. Cổ tức, quyền mua cổ phiếu và cổ phiếu thưởng phải được hạch toán vào tài sản của quỹ

(trừ trường hợp phải hạch toán theo nguyên tắc thận trọng).

- e. Những khoản chi phí, lãi và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến thời điểm định giá theo một tỷ lệ lãi suất cố định.
- f. Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật.
- g. Xác lập các mức dao động cho phép hợp lý đối với những biến động của các yếu tố quan trọng khi định giá.
- h. Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá danh mục đầu tư. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ.
- i. Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của quỹ với Ngân Hàng Giám Sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.

Ngân Hàng Giám Sát phải đảm bảo:

- a. Thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng Công Ty Quản Lý Quỹ có nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định và hệ thống giám sát việc xác định giá chứng khoán hoặc Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ. Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên phải được duy trì đối với bên thứ ba được Công Ty Quản Lý Quỹ uỷ quyền thực hiện các hoạt động này.
- b. Việc rà soát các nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá phải được thực hiện ngay sau khi hợp đồng giám sát ký với Công Ty Quản Lý Quỹ có hiệu lực.
- c. Việc rà soát phải được thực hiện thường xuyên hơn khi Ngân Hàng Giám Sát biết hoặc nghi ngờ rằng nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá của Công Ty Quản Lý Quỹ không đáp ứng yêu cầu.
- d. Ngân Hàng Giám Sát phải đảm bảo rằng mọi vấn đề phát hiện từ những lần kiểm tra, giám sát đều được theo dõi và có biện pháp giải quyết thích hợp.

4.2. Phương pháp Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng Và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ (NAV/1 CCQ)

- Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ (NAV) được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) tại ngày liền trước Ngày Định Giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày Định Giá.
- Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ chia cho tổng số Lô Chứng Chỉ Quỹ và làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Giá Trị Tài Sản Ròng của một Chứng Chỉ Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ chia cho tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá làm tròn xuống lấy đến hai (02) số thập phân.

- Giá Trị Tài Sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
- Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

Phương pháp xác định cụ thể được quy định trong "Sổ Tay Định Giá" do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt và cũng được ghi rõ trong Phụ lục 03 của Bản Cáo Bạch này.

Công Ty Quản Lý Quỹ trình Ban Đại Diện Quỹ phương án để xác định giá hợp lý trong những trường hợp Sổ Tay Định Giá không quy định hoặc không xác định rõ ràng.

XIII. GIÁ DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ VÀ CÁC LOẠI GIÁ DỊCH VỤ

1. Giá dịch vụ giao dịch chứng chỉ quỹ

Giá dịch vụ và chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch phát hành, mua lại, chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ do Nhà Đầu Tư trực tiếp chi trả và không được tính vào chi phí của Quỹ. Phù hợp với các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thay đổi biểu giá dịch vụ này.

1.1. Giá dịch vụ phát hành và giá phát hành

Giá Dịch Vụ Phát Hành là giá dịch vụ mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu tư phải trả khi mua các Lô Chứng Chỉ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu hoặc khi thực hiện giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ. Giá Dịch Vụ Phát Hành được tính được tính trên tỷ lệ phần trăm của giá trị giao dịch của Lô Chứng Chỉ Quỹ. Giá Dịch Vụ Phát Hành là không phần trăm (0%) trên giá trị giao dịch áp dụng cho cả Thành Viên Lập Quỹ và Nhà Đầu Tư.

Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi Giá Dịch Vụ Phát Hành vào bất kỳ thời điểm nào nhưng phải đảm bảo không được vượt quá không phẩy năm phần trăm (0,5%) trên giá trị giao dịch (áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ) và một phần trăm (1%) trên giá trị giao dịch (áp dụng đối với Nhà Đầu Tư). Mọi thay đổi về mức Giá Dịch Vụ Phát Hành sẽ được cập nhật trong Bản Cáo Bạch cập nhật gần nhất.

Việc tăng Giá Dịch Vụ Phát Hành chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Phát Hành sau khi tăng không vượt quá mức quy định tại Mục 2 này. Giá Dịch Vụ Phát Hành sau khi tăng chỉ được áp dụng sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày Bản cáo Bạch, Điều Lệ của Quỹ đã được sửa đổi, bổ sung quy định về mức giá dịch vụ mới và Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức Giá Dịch Vụ Phát Hành mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Giá Phát Hành là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu lấy một Lô Chứng chỉ Quỹ. Giá Phát Hành bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối Ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch

hoán đổi cộng Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

1.2. Giá dịch vụ mua lại và giá mua lại

Giá Dịch Vụ Mua Lại là giá dịch vụ mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu tư phải trả khi Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu. Giá Dịch Vụ Mua Lại được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên giá trị của Lô Chứng Chỉ Quỹ. Giá Dịch Vụ Mua Lại là không phần trăm (0%) trên giá trị giao dịch áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ và không phẩy một phần trăm (0,1%) trên giá trị giao dịch áp dụng đối với Nhà Đầu Tư. Giá Dịch Vụ Mua Lại sẽ được trừ vào số tiền chênh lệch giữa giá trị của Lô Chứng Chỉ Quỹ và giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu, trong trường hợp Giá Dịch Vụ Mua Lại lớn hơn phần tiền chênh lệch, Nhà Đầu Tư phải chuyển khoản phần tiền còn thiếu này vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát chậm nhất vào 11h00 của ngày làm việc liền sau Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (ngày (T+1)).

Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi Giá Dịch Vụ Mua Lại vào bất kỳ thời điểm nào. Ngoài ra, Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền thay đổi cơ cấu phí để có thể thêm vào các hạn chế bán, áp dụng giá bán khác hoặc phí chống pha loãng. Tuy nhiên, Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo Giá Dịch Vụ Mua Lại không được vượt quá không phẩy năm phần trăm (0,5%) trên giá trị giao dịch (áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ) và một phần trăm (1%) trên giá trị giao dịch (áp dụng đối với Nhà Đầu Tư). Mọi thay đổi về mức Giá Dịch Vụ Mua Lại sẽ được cập nhật trong Bản Cáo Bạch cập nhật gần nhất.

Việc tăng Giá Dịch Vụ Mua Lại chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Mua Lại sau khi tăng không vượt quá mức quy định tại Mục 3 này. Giá Dịch Vụ Mua Lại sau khi tăng chỉ được áp dụng sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày Bản Cáo Bạch, Điều Lệ của Quỹ đã được sửa đổi, bổ sung quy định về mức giá dịch vụ mới và Công Ty Quản Lý Quỹ công bố các mức Giá Dịch Vụ Mua Lại mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Giá Mua Lại là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu. Giá Mua Lại bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

2. Các loại giá dịch vụ do quỹ trả

Chỉ có các loại giá dịch vụ, phí và các chi phí liên quan trực tiếp hoặc đóng góp vào các hoạt động và điều hành của Quỹ mới được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Xin lưu ý các giá dịch vụ, phí dưới đây là các mức giá dịch vụ, phí đang được áp dụng tại ngày của Bản Cáo Bạch này và các loại giá dịch vụ, phí này có thể sẽ thay đổi trong tương lai.

2.1. Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được tính bằng 0,6% NAV/năm tại Ngày trước Ngày Định Giá và được Quỹ thanh toán hàng tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ.

Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ trả hàng tháng là tổng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá trong tháng.

Giá Dịch Vụ Quản Lý cho kỳ định giá = “Tỷ lệ (%) Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Giá Dịch Vụ” x “NAV tại ngày trước Ngày Định Giá” x “số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm”.

2.2. Thưởng hoạt động

Quỹ không áp dụng chính sách thưởng hoạt động.

2.3. Giá dịch vụ ngân hàng giám sát

Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát là 0,02% NAV/năm với mức tối thiểu là 5.000.000 đồng/tháng. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá Dịch Vụ trả hàng tháng là tổng Giá Dịch Vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Công thức tính Giá Dịch Vụ Giám Sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Giám Sát cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [“Giá Dịch Vụ tối thiểu hàng tháng” x “số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng”] và [Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ giám sát (năm) x “NAV tại Ngày Định Giá” x “số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm”].

2.4. Giá dịch vụ lưu ký

Giá Dịch Vụ Lưu Ký là 0,06% NAV/năm với mức tối thiểu là 20.000.000 đồng/tháng. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá Dịch Vụ trả hàng tháng là tổng Giá Dịch Vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Công thức tính Giá Dịch Vụ Lưu Ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Lưu Ký cho kỳ định giá (Chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) = Số lớn hơn giữa [“Giá Dịch Vụ tối thiểu hàng tháng” x “số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng”] và [Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ lưu ký (năm) x “NAV tại Ngày Định Giá” x “số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm”].

2.5. Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ là 0,03% NAV/năm với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng/tháng. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá Dịch Vụ trả hàng tháng là tổng Giá Dịch Vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực

hiện trong tháng.

Công thức tính Giá Dịch Vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau

Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [“Giá Dịch Vụ tối thiểu hàng tháng” x “số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng”] và [“Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ (năm)” x “NAV tại Ngày Định Giá” x “số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm”].

2.6. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Đại Lý Chuyển Nhượng. Chi tiết các phí khác liên quan đến dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng như sau:

Loại dịch vụ	Mức giá dịch vụ (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)
- Giá dịch vụ cố định hàng tháng	5.000.000 đồng/tháng
- Giá dịch vụ giao dịch mua/ bán (khi phát sinh)	Miễn phí
- Giá dịch vụ thiết lập, duy trì thông tin dữ liệu về nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối	Miễn phí
- Giá dịch vụ kết nối: Khởi tạo kết nối lần đầu và duy trì kết nối hàng tháng	Miễn phí
- Giá dịch vụ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư (nếu có)	Miễn phí
- Giá dịch vụ cung cấp thông tin giao dịch hàng ngày và kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch	Miễn phí

Trong mọi trường hợp, tổng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ, Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng, Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ, Giá Dịch Vụ Tính Toán iNAV phải đảm bảo tuân thủ mức tối đa 2%/năm tính trên tổng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

2.7. Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số Tham Chiếu

Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số Tham Chiếu là 0,05% NAV/năm với mức tối thiểu là 50.000.000 đồng/năm. Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số Tham Chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán mỗi sáu (06) tháng một lần cho HOSE. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Công thức tính Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [“Giá cung cấp dịch vụ tối thiểu” x “số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong năm”] và [“Tỷ lệ % giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu (năm)” x “NAV tại ngày trước Ngày Định Giá” x “số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày thực tế của năm”].

Thời điểm tính Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu được tính từ ngày chứng chỉ Quỹ ETF được niêm yết tại HOSE.

Giá trị tài sản ròng (NAV) dùng để tính Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu là “NAV trước phí”. Trong đó:

NAV trước phí = Tổng tài sản – Tổng các khoản phải trả - Các chi phí cố định (không lệ thuộc vào giá trị NAV).

NAV dùng để tính Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu là NAV được tính tại từng ngày định giá, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ. Đối với những ngày nghỉ, ngày lễ, NAV dùng để tính Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu là NAV của ngày định giá liền ngay sau đó.

2.8. Giá dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX, mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu (TE)

Giá dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ trả cho HOSE cho việc cung cấp dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX, mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu (TE) là 0,05% NAV/năm với mức tối thiểu là 50.000.000 đồng/năm.

Giá dịch vụ này được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán mỗi sáu (06) tháng một lần cho HOSE. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Thời điểm tính Giá dịch vụ này được tính từ ngày chứng chỉ Quỹ ETF được niêm yết tại HOSE. Giá trị tài sản ròng (NAV) dùng để tính Giá dịch vụ này là “NAV trước phí”. Trong đó:

NAV trước phí = Tổng tài sản – Tổng các khoản phải trả - Các chi phí cố định (không lệ thuộc vào giá trị NAV).

NAV dùng để tính Giá dịch vụ này là NAV được tính tại từng ngày định giá, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ. Đối với những ngày nghỉ, ngày lễ, NAV dùng để tính Giá dịch vụ là NAV của ngày định giá liền ngay sau đó.

2.9. Giá dịch vụ kiểm toán

Giá dịch vụ kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ. Giá dịch vụ kiểm toán nằm trong ngân sách hoạt động của Quỹ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt hàng năm.

2.10. Thù lao cho Ban Đại Diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm trách nhiệm phát sinh đối với Ban Đại Diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ đối với Quỹ. Thù lao của thành

viên độc lập của Ban Đại Diện Quỹ sẽ nằm trong mức ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại Diện Quỹ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Các thành viên Ban Đại Diện Quỹ là nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ (nếu có) sẽ không nhận thù lao.

Hàng quý căn cứ theo biên bản họp của Ban đại diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ sẽ làm lệnh chuyển tiền thù lao cho thành viên Ban Đại Diện Quỹ sau khi khấu trừ thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên của thành viên Ban Đại Diện Quỹ theo quy định của pháp luật liên quan để nộp vào ngân sách nhà nước. Ngân Hàng Giám Sát sẽ giám sát đảm bảo việc thanh toán là phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ.

2.11. Chi phí khác

Các chi phí khác mà Quỹ có thể phải chi trả bao gồm:

- Phí môi giới cho các giao dịch của Quỹ;
- Chi phí in ấn, ví dụ: in các tài liệu cho Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ theo quy định Pháp Luật và Điều Lệ và các tài liệu khác;
- Phí định giá độc lập cho các khoản đầu tư cụ thể của Quỹ (chỉ khi cần thiết), ví dụ như định giá các khoản chứng khoán chưa niêm yết;
- Chi phí phát sinh cho bất kỳ Đại Hội Nhà Đầu Tư hay cuộc họp nào của Ban Đại Diện Quỹ và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
- Chi phí pháp lý liên quan đến việc thành lập, hoạt động và các giao dịch của Quỹ và các loại phí/chi phí khác mà Pháp Luật cho phép;
- Thuế và các loại phí bắt buộc theo quy định của Pháp Luật hoặc theo yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng cho Quỹ; và
- Các chi phí khác được Pháp Luật hoặc Điều Lệ cho phép.

2.12. Các chỉ tiêu hoạt động

Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc quý II và quý IV hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối sau khi giá trị này đã được Ngân Hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm là tổng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tính tại các Ngày Định Giá chia cho số Ngày Định Giá Chứng Chỉ Quỹ trong năm.

Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một (01) năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ} \times 100\% \times 365}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Phân chia lợi nhuận

1.1. Quỹ chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ
- Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ (nếu có).
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

1.2. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ đề xuất trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (nếu được ủy quyền).

1.3. Lịch trình và kế hoạch phân chia lợi nhuận phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

1.4. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng Chỉ Quỹ.

1.5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp Luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.

1.6. Nhà Đầu Tư có trong danh sách Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao dịch được công bố bởi Công ty Quản Lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận (“Ngày Chốt Danh Sách”) được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số Chứng Chỉ Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

1.7. Ngân Hàng Giám sát có trách nhiệm chi trả ngay cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ vào tài khoản của chính các tổ chức, cá nhân này theo chỉ thị của Công Ty Quản Lý Quỹ. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do Nhà Đầu Tư chịu.

1.8. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu Tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:

- Hình thức phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Chứng Chỉ Quỹ);
- Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
- Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Chứng Chỉ Quỹ phát hành để phân chia (trong

trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng Chỉ Quỹ);

2. Chính sách thuế

Nhà Đầu Tư trong quá trình mua/bán Chứng Chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của Pháp Luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà Đầu Tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ ETF IPAAM VN100.

XV. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

- a. Công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn và đề xuất để Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền) thông qua. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, thuộc danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận và không được là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
- b. Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến kế toán theo quy định của Pháp Luật và các cơ quan có thẩm quyền. Đồng tiền sử dụng trong kế toán và giao dịch của Quỹ là Đồng Việt Nam.
- c. Năm tài chính của Quỹ được xác định là năm dương lịch kết thúc ngày 31 tháng 12. Trường hợp thời gian từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
- d. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
- e. Các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên và kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại Diện Quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ để các Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.
- f. Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

XVI. GIẢI QUYẾT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ, theo Điều Lệ, Pháp Luật và theo thông lệ quốc tế tốt nhất, tại mọi thời điểm hoạt động vì lợi ích của của Quỹ và Nhà Đầu Tư, và quản lý một cách công bằng, minh bạch và liêm chính đối với tất cả các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý bằng cách:
 - a. Tách bạch các chiến lược đầu tư và mục tiêu của mỗi quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
 - b. Tách bạch giữa tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các quỹ và tài sản của các nhà đầu tư ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý; và

- c. Tách bạch tài sản giữa các quỹ được quản lý bởi Công Ty Quản Lý Quỹ.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của các thành viên Ban Điều Hành, Chủ Tịch và các thành viên của Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, người giám sát tuân thủ, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và sau khi giao dịch theo đúng quy định của Pháp Luật và quy chế quản trị nội bộ của Công Ty Quản Lý Quỹ.
3. Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát các xung đột lợi ích thực tế hoặc có khả năng xảy ra. Trong trường hợp xung đột lợi ích phát sinh, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo và thảo luận với Ban Đại Diện Quỹ để thống nhất phương án khắc phục nhằm giảm thiểu hoặc quản lý các xung đột đó.
4. Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo phương thức giống như các Nhà Đầu Tư khác theo quy định tại Điều Lệ của Quỹ và Bản Cáo Bạch này.

XVII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ

1. Báo cáo cho nhà đầu tư

Hàng tháng, quý, năm Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi thông kê giao dịch, sao kê tài khoản giao dịch, báo cáo giá trị NAV và các thay đổi NAV của Quỹ và các báo cáo khác theo quy định Pháp Luật cho Nhà Đầu Tư.

2. Báo cáo Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu Tư các thông tin sau:

- a. Điều Lệ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính bán niên đã soát xét, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
- b. Báo cáo tổng kết về hoạt động quản lý quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ, theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu do UBCKNN quy định;
- c. Báo cáo thống kê về phí giao dịch của hoạt động đầu tư của Quỹ hàng năm và bán niên; và
- d. Báo cáo về hoạt động đầu tư của Quỹ theo niên độ hàng tháng, bán niên và cả năm theo mẫu do UBCKNN quy định.

3. Báo cáo bất thường

Các báo cáo bất thường sẽ được cung cấp cho Nhà Đầu Tư trong trường hợp có những diễn biến hoặc hoạt động bất thường của Quỹ phát sinh, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các báo cáo về việc phân phối lợi nhuận, báo cáo trước khi hợp nhất hoặc sát nhập Quỹ hay sau các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ.

4. Hình thức gửi báo cáo

Các báo cáo sẽ được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu Tư thông qua trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc gửi đến địa chỉ thư điện tử đã đăng ký của Nhà Đầu Tư. Các báo cáo sẽ được cung cấp tới các Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối nếu có yêu cầu. Công bố thông tin sẽ được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính bán niên; và trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nhà Đầu Tư có quyền yêu cầu từ chối nhận các báo cáo này.

XVIII. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC VÀ GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Một thành viên Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39410 510

Fax: 024 39410 500

Website: www.ipaam.com.vn

XIX. CAM KẾT

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản Cáo Bạch này.

XX. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Các Mẫu Biểu (liên quan đến giao dịch góp vốn thành lập quỹ và hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ)
2. Danh sách Thành Viên Lập quỹ, Đại Lý Phân Phối và Địa điểm cung cấp Bản cáo bạch của Quỹ ETF IPAAM VN100.

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồ Nga

QUỸ ETF IPAAM VN100
Số/No.: 126.../2024/CV-IPAAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2024
Hanoi, 23 April 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

1. Tên Công ty quản lý quỹ/ Name of organization: Công Ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A
- Tên Quỹ/ Fund name: **Quỹ ETF IPAAM VN100**
- Mã chứng khoán/ Security Symbol: **FUEIP100**
- Địa chỉ trụ sở chính/ Address: số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại/ Telephone: (84-24) 73056188
- Email/ Email: support@ipa.com.vn Website/ Website: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

2. Nội dung thông tin công bố/ Content of Information disclosure:
Thông tin điều chỉnh đối với Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Quỹ ETF IPAAM VN100/
Adjustment information of ETF IPAAM VN100's Audited Financial Statements for the year ended 31 December 2023

Thông tin trước điều chỉnh/ Information before adjustment	Thông tin sau điều chỉnh/ Information after adjustment
Trang 03/ Page 03 Báo cáo của Ban đại diện Quỹ Hà Nội, Việt Nam Ngày tháng năm 2024	Trang 03/ Page 03 Báo cáo của Ban đại diện Quỹ Hà Nội, Việt Nam Ngày 18 tháng 03 năm 2024
Trang 14/ Page 14 Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo) Hà Nội, Việt Nam Ngày 18 tháng 03 năm 2023	Trang 14/ Page 14 Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo) Hà Nội, Việt Nam Ngày 18 tháng 03 năm 2024

Các thông tin khác của Báo cáo tài chính đã kiểm toán không thay đổi so với nội dung đã công bố ngày 28 tháng 03 năm 2024/ Other informations of the audited financial statements remain unchanged compared to the informations announced on 28 March 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/ Quỹ vào ngày 23/04/2024 tại đường dẫn <https://ipaam.com.vn>

This information was disclosed on the Company's/ Fund's website on 23/04/2024 at: <https://ipaam.com.vn>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Người được ủy quyền công bố thông tin
Person authorized to disclose information



Tổng giám đốc
Nguyễn Hồ Nga

